**Bảng so sánh, tiếp thu Dự thảo Nghị định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa**

| **Dự thảo xin ý kiến Bộ, ngành, ĐP** | **Ý kiến các cơ quan, đơn vị** | **Tiếp thu, giải trình** | **Dự thảo sau tiếp thu,**  **giải trình** |
| --- | --- | --- | --- |
| *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* |
| **Về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa** |  |  |  |
|  | **Bổ sung căn cứ[[1]](#footnote-1)** | Tiếp thu | *Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*  *Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*  *Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*  *Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 06 năm 2015;* |
| *Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;* |  |  | *Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;* |
| *Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;* |  |  | *Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;* |
| *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;* |  |  | *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;* |
| *Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.* |  |  | *Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.* |
| **Chương I**  **QUY ĐỊNH CHUNG** |  |  | **Chương I**  **QUY ĐỊNH CHUNG** |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** |  |  | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh** |
| 1. Nghị định này quy định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.  *2. Hoạt động nạo vét phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.* | **Bộ NN:** Đề nghị sửa lại khoản 2 Điều 1 như sau: *“2. Hoạt động nạo vét phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh, đê điều không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.”*  *Lý do:* Các hoạt động nạo vét luồng lạch phục vụ mục đích đê điều đã được quy định trong Luật Đê điều. | Tiếp thu | 1. Nghị định này quy định về quản lý hoạt động nạo vét *liên quan đến các kết cấu hạ tầng hàng hải, kết cấu hạ tầng đường thuỷ nội địa* trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.  2. Hoạt động nạo vét phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh*, đê điều* không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |  |  | **Điều 2. Đối tượng áp dụng** |
| Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa. |  |  | Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài liên quan đến đến hoạt động nạo vét *của các kết cấu hạ tầng hàng hải, kết cấu hạ tầng đường thuỷ nội địa* trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa. |
| **Điều 3. Giải thích từ ngữ** |  |  | **Điều 3. Giải thích từ ngữ** |
| Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: | **Cục QLĐTXD:**  - Khoản 1,2: Vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa có tính chất tương tự đề nghị xem xét thống nhất về cách định nghĩa.  - Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định hành lang bảo vệ luồng bao gồm cả phạm vị trên bờ. Tuy nhiên, tại khoản 2 quy định vùng nước ĐTNĐ bao gồm hành lang bảo vệ luồng. Đề nghị rà soát đảm bảo phù hợp.  **TPHCM:** Bổ sung 02 khoản giải thích các cụm từ *“Nhà đầu tư”, “Phương tiện thi công nạo vét”* | Định nghĩa dựa trên Bộ luật Hàng hải Việt Nam và Luật Giao thông ĐTNĐ | Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: |
| 1. Vùng nước cảng biển là vùng nước được giới hạn để thiết lập vùng nước trước cầu cảng, bến phao, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, luồng hàng hải và xây dựng các công trình phụ trợ khác. | **TPHCM:** Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định với nội dung sau: *"1. Vùng nước cảng biển là vùng nước được giới hạn để thiết lập vùng nước trước cầu cảng, bến phao, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, luồng hàng hải và xây dựng các công trình phụ trợ khác,* ***bao gồm cả vùng nước trước bến của cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa của được xây dựng, thiết lập trong vùng nước cảng biển****".*  Lý do: Nhằm rõ ý và đối tượng, phạm vi điều chỉnh; đảm bảo tính chặt chẽ, tránh chồng chéo trong công tác quản lý; ĐBATHH khi tổ chức thi công nạo vét tại các khu nước, vùng nước thuộc vùng nước trước bến của cảng thủy nội địa, bến thủy nội địa của được xây dựng, thiết lập trong vùng nước cảng biển. Ngoài ra, để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP. | Đề nghị giữ nguyên để đảm bảo phù hợp theo khái niệm trong Bộ luật HH | 1. Vùng nước cảng biển là vùng nước được giới hạn để thiết lập vùng nước trước cầu cảng, bến phao, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, luồng hàng hải và xây dựng các công trình phụ trợ khác**.** |
| 2. Vùng nước đường thủy nội địa bao gồm đường thủy nội địa, hành lang bảo vệ luồng, vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu tránh trú bão, khu chuyển tải, khu neo đậu thủy nội địa. | **Phú Thọ:** Đề nghị bổ sung giải thích các cụm từ sau: *Khu nước trước bến cảng; Vùng nước cảng thủy nội địa; Vùng nước bến thủy nội địa.*  **Nam Định:** Đề nghị sửa thành *“Vùng nước đường thủy nội địa bao gồm đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu tránh trú bão, khu chuyển tải, khu neo đậu thủy nội địa”.*  Lý do: Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Luật Giao thông ĐTNĐ 2004: *“Hành lang bảo vệ luồng là phần giới hạn của vùng nước hoặc dải đất dọc hai bên luồng để lắp đặt báo hiệu, bảo vệ luồng và bảo đảm an toàn giao thông”.* Do đó vùng nước ĐTNĐ không bao gồm toàn bộ hành lang bảo vệ luồng.  **Hải Phòng:** Đề nghị bỏ “khu chuyển tải” do đã quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 cùa Chính phủ.  Đề nghị quy định rõ về “khu tránh trú bão” để phân biệt với khu tránh trú bão cho tàu cá theo quy định của Luật Thủy sản. | **-** *Tiếp thu một phần và điều chỉnh lại phù hợp với Điều 13 Luật GT ĐTNĐ vì vùng nước cảng đã bao gồm vùng nước quay trở, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu hạ tải, khu tránh bão.*  *- Giữ nguyên vì hành lang bảo vệ luồng đối với đường thủy nội địa hoàn toàn có thể phải nạo vét, để điều chỉnh hướng vì đối với đường thủy khai thác dưới dạng tự nhiên là chính nên luồng và hành lang luồng hoàn toàn có thể phải dịch chuyển để bảo đảm cho phương tiên hoạt động và phù hợp với Điều 16 Luật GT ĐTNĐ*  *- Tiếp thu, chỉnh sửa ý kiến Hải Phòng.* | *2. Vùng nước đường thủy nội địa bao gồm đường thủy nội địa, hành lang bảo vệ luồng, vùng nước cảng, bến thủy nội địa.* |
| 3. Chất nạo vét là chất thu được từ hoạt động nạo vét dưới đáy ở vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa. | **Cục QLDTXD:** Khoản 3,4: đề nghị không giới hạn công tác nạo vét là hoạt động trong vùng nước cảng biển, vùng nước ĐTNĐ: do sẽ có các công tác nạo vét nhằm mục đích tạo ra các vùng nước cảng biển, vùng nước ĐTNĐ (sau khi hoàn thành công tác nạo vét, các khu vực đó mới được cơ quan quản lý nhà nước xác định là vùng nước cảng biển, vùng nước ĐTNĐ).  **Sở GTVT Hải Dương:** Thực tế hiện nay tại các địa phương, chất nạo vét có giá trị sử dụng cao: Là vật liệu sử dụng phổ biến trong hoạt động san lấp, xây dựng. Do vậy, cần làm rõ khái niệm này, đảm bảo phù hợp với các quy định khác của pháp luật (Luật tài nguyên, khoáng sản, Luật Bảo vệ môi trường) để tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động khai thác, không làm thất thoát tài sản nhà nước. | Tiếp thu  Chất nạo vét có thể bao gồm nhiều loại thành phần, phải qua đánh giá sàng lọc mới xác định chính xác được chủng loại. | *3. Chất nạo vét là chất thu được từ hoạt động nạo vét.* |
| 4. Nạo vét là hoạt động thi công trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa để lấy đi chất nạo vét dưới đáy nhằm đạt chuẩn tắc thiết kế của công trình | **Bộ NN:** đề nghị sửa cụm từ “*chuẩn tắc*” thành “*yêu cầu*”. Đồng thời bổ sung giải thích rõ hơn yêu cầu thiết kế của công trình bao gồm: công trình xây dựng ở vùng nước cảng biển, đường thủy nội địa, yêu cầu kỹ thuật của đường thủy nội địa và hành lang thoát lũ. | Đề nghị giữ nguyên:  - Vì *“chuẩn tắc”* lấy theo quy định trong tiêu chuẩn Việt Nam.  - Nạo vét gồm nạo vét duy tu và nạo vét cơ bản, bản chất nạo vét duy tu là công tác bảo trì công trình, đã tính toán đến ảnh hưởng hành lang thoát lũ trong quá trình thiết kế ban đầu.  - Với nạo vét cơ bản khi tính toán thiết kế đều đã tính toán đến ảnh hưởng của các yếu tố trong đó có xét đến đảm bảo yêu cầu thoát lũ. | *4. Nạo vét là hoạt động sử dụng phương tiện, thiết bị cơ giới, thủy lực thi công dưới nước để lấy đi chất nạo vét, gồm nạo vét duy tu, nạo vét cơ bản và nạo vét khẩn cấp.* |
| 5. Nạo vét cơ bản là hoạt động nạo vét được thực hiện lần đầu tiên nhằm tạo ra một khu nước, vùng nước mới đáp ứng nhu cầu khai thác sử dụng hoặc hạ độ sâu, mở rộng phạm vi của khu nước, vùng nước hiện có. | **Bình Định:** Điều 17 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ Quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông, quy định: *“Việc nạo vét, khơi thông luồng để mở mới, cải tạo, nâng cấp luồng, tuyến giao thông thủy nội địa (nạo vét cơ bản) phải tuân thủ các quy định của pháp luật về vùng nước đường thủy nội địa, các pháp luật khác có liên quan, đồng thời đáp ứng các yêu cầu chung về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông…”.* Trong đó, một số nội dung quy định về việc nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa thuộc trường hợp đã được quy định tại Điều 17 Nghị định số 23/2020/NĐ-CP. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung được quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP cho phù hợp. | *Việc nạo vét cơ bản nhằm thiết lập mới luồng HH và ĐTNĐ phải lập dự án nên thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan như đê điều, môi trường, xây dựng...* | 5. Nạo vét cơ bản là hoạt động nạo vét được thực hiện lần đầu tiên nhằm tạo ra một khu nước, vùng nước mới đáp ứng nhu cầu khai thác sử dụng hoặc hạ độ sâu, mở rộng phạm vi của khu nước, vùng nước hiện có. |
| 6. Nạo vét duy tu là công tác bảo trì công trình bằng hoạt động nạo vét nhằm duy trì chuẩn tắc thiết kế của công trình đã được thiết lập thông qua hoạt động nạo vét cơ bản. |  |  | *6. Nạo vét duy tu là công tác bảo trì công trình theo chuẩn tắc thiết kế hoặc chuẩn tắc được cơ quan có thẩm quyền công bố.* |
| 7. Nạo vét luồng hàng hải quy định tại Nghị định này bao gồm nạo vét luồng hàng hải và các vùng quay trở gắn với luồng hàng hải. | **TPHCM:** Sửa đổi, bổ sung như sau: *“7. Nạo vét luồng hàng hải quy định tại Nghị định này bao gồm nạo vét luồng hàng hải và các vùng quay trở,* ***khu neo đậu chờ tàu, vùng đón trả hoa tiêu*** *gắn với luồng hàng hải.”* | *Đề nghị giữ nguyên dự thảo do:*  *Khu neo đậu chờ tàu, vùng đón trả hoa tiêu là kết cấu hạ tầng riêng biệt và công bố riêng, không gắn với luồng hàng hải* | 7. Nạo vét luồng hàng hải quy định tại Nghị định này bao gồm nạo vét luồng hàng hải và các vùng quay trở gắn với luồng hàng hải. |
| 8. Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm là hoạt động nạo vét có tận thu chất nạo vét. | **TPHCM:** Sửa đổi, bổ sung như sau: *“8. Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm là hoạt động nạo vét có tận thu chất nạo vét* ***để bù chi phí nạo vét****.”* |  | 8. Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm là hoạt động nạo vét có tận thu chất nạo vét.  ***9. Sản phẩm tận thu là phần chất nạo vét được tận thu để sử dụng.*** |
| 9. Giá sản phẩm tận thu là giá tại địa điểm thực hiện dự án khi phương tiện thi công đưa chất nạo vét lên trên mặt nước | **Nam Định:** Đề nghị làm rõ việc xác định “Giá sản phẩm tận thu”.  Lý do: Dự thảo chưa quy định đơn vị xác định, thẩm định giá sản phẩm tận thu, phương pháp xác định giá.  **Bộ TC:** Đề nghị Bộ Giao thông vận tải bổ sung quy định: (i) sản phẩm tận thu là gì (là sản phẩm hoàn chỉnh hay là chất sau nạo vét); (ii) cơ quan có thẩm quyền xác định khối lượng (trữ lượng) sản phẩm tận thu; (iii) giá sản phẩm tận thu theo pháp luật về tài nguyên, khoáng sản hay theo quy định pháp luật nào?  **Cục QLDTXD:** đề nghị rà soát đảm bảo phù hợp với quy định về giá vật liệu xây dựng quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.  **Sở GTVT Hải Dương:** Đối với nội dung này, đề nghị cơ quan soạn thảo giải thích và làm rõ cụm từ trong dự thảo về “Sản phẩm tận thu” và “Chất nạo vét” chưa được khái niệm cụ thể  - Nội dung dự thảo có đề cập đến nhiều khái niệm:  + “Kế hoạch bảo trì” “Công trình” “Dự án”. Đề nghị xác định rõ các trường hợp, quy mô hoạt động nạo vét không cần lập dự án, quy mô nào thì phải lập dự án.  + “Tổ chức, cá nhân” “Doanh nghiệp” “Nhà đầu tư”. Đề nghị nên thống nhất một tên gọi và giải thích làm rõ khái niệm từ ngữ “Nhà đầu tư” trong khung pháp lý quản lý nhà nước về hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa nhằm đạt chuẩn tắc thiết kế, dự toán của công trình. | Nội dung này được quy định tại Điều 42.  Giá sản phẩm tận thu tại Nghị định này nhằm mục đích để xác định giá trị sản phẩm tận thu chứ không phải xác định chi phí theo Thông tư 11/2021/TT-BXD | 10. Giá sản phẩm tận thu là giá tại địa điểm thực hiện dự án khi phương tiện thi công đưa chất nạo vét lên trên mặt nước. |
| 10. Nạo vét khẩn cấp là nhiệm vụ đột xuất phải thực hiện ngay để bảo đảm an toàn giao thông do nguyên nhân bất khả kháng như: sa bồi do thiên tai; tai nạn, sự cố trên luồng gây ách tắc, cản trở đến hoạt động giao thông hàng hải, đường thủy nội địa. | **Quảng Trị:** Đề nghị bổ sung nội dung quy định đối với trường hợp nạo vét khẩn cấp, cụ thể: bổ sung các quy định, hướng dẫn chi tiết về quy trình thủ tục; thời gian, hình thức thực hiện; công tác quản lý, kiểm tra, giám sát đối với trường hợp nạo vét khẩn cấp... Tuy nhiên, nội dung Dự thảo Nghị định chưa có nội dung quy định cụ thể đối với trường hợp nạo vét khẩn cấp.  **Bộ NN:** Đề nghị chỉnh sửa lại thành *“....để bảo đảm an toàn giao thông và an toàn công trình do nguyên nhân…”.* | Nội dung này đã được quy định tại Điều 12 (Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết).  *Tiếp thu, chỉnh sửa* | 11. Nạo vét khẩn cấp là nhiệm vụ đột xuất phải thực hiện ngay để bảo đảm an toàn giao thông, *an toàn công trình* do nguyên nhân bất khả kháng như: sa bồi do thiên tai; tai nạn, sự cố trên luồng gây ách tắc, cản trở đến hoạt động giao thông hàng hải, đường thủy nội địa. |
| 11. Đại diện chủ đầu tư là đơn vị, tổ chức được giao hoặc được lựa chọn thực hiện quản lý dự án | **Cục QLDTXD:** xem xét sử dụng “đơn vị quản lý dự án” thay cho “Đại điện chủ đầu tư” do hiện nay theo các quy định của pháp luật về đấu thầu không còn khái niệm “đại diện chủ đầu tư”. | Giữ nguyên,cụm từ *“Đại điện chủ đầu tư”* đượcthể hiện tại Điều 7 Nghị định 06/2021/NĐ-CP. | 12. Đại diện chủ đầu tư là đơn vị, tổ chức được giao hoặc được lựa chọn thực hiện quản lý dự án. |
| 12. AIS: Hệ thống nhận dạng tự động (Automatic Identification System - AIS) là hệ thống thu phát sóng vô tuyến hoạt động trên băng tần VHF theo quy định để trao đổi số liệu giữa phương tiện thủy và các đối tượng bên ngoài. |  | Chỉnh sửa để thống nhất với quy định tại Thống tư số 17/2018/TT-BGTVT | *13. AIS là Hệ thống nhận dạng tự động (Automatic Identification System).* |
| 13. Thiết bị AIS là thiết bị được lắp đặt trên phương tiện để chủ động cung cấp thông tin về phương tiện (tên phương tiện, hô hiệu, tọa độ, phương vị và tốc độ hành trình...) theo tiêu chuẩn của hệ thống nhận dạng tự động đến các phương tiện đang hoạt động trong khu vực và trạm bờ của nhà quản lý. | **Cục QLDTXD:** xem xét sử dụng “cơ quan có thẩm quyền” thay cho “nhà quản lý”. | Tiếp thu, sửa thành | 14. Thiết bị AIS là thiết bị được lắp đặt trên phương tiện để chủ động cung cấp thông tin về phương tiện (*Mã nhận dạng của phương tiện*, tên phương tiện, *số IMO*, hô hiệu, *kích thước, vị trí, tốc đọ và hướng đi của phương tiện*,...) theo tiêu chuẩn của hệ thống nhận dạng tự động đến các phương tiện đang hoạt động trong khu vực và trạm bờ. |
| 14. Trạm bờ AIS là hệ thống thiết bị được lắp đặt trên bờ, có chức năng thu nhận bản tin AIS được phát ra từ các thiết bị AIS; xử lý, lưu trữ tạm thời và truyền về trung tâm dữ liệu AIS; phát thông tin tới các thiết bị AIS (nếu có). |  |  | 15. Trạm bờ AIS là hệ thống thiết bị được lắp đặt trên bờ, có chức năng thu nhận bản tin AIS được phát ra từ các thiết bị AIS; xử lý, lưu trữ tạm thời và truyền về trung tâm dữ liệu AIS; phát thông tin tới các thiết bị AIS (nếu có). |
| 15. Trung tâm dữ liệu AIS là hệ thống thiết bị có chức năng thu nhận bản tin AIS từ trạm bờ AIS; lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin AIS cho người sử dụng thông qua môi trường mạng Internet. |  |  | 16. Trung tâm dữ liệu AIS là hệ thống thiết bị có chức năng thu nhận bản tin AIS từ trạm bờ AIS; lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin AIS cho người sử dụng thông qua môi trường mạng Internet. |
| **Chương II**  **QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NẠO VÉT TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN, VÙNG NƯỚC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |  |  |  |
| **Điều 4. Nguyên tắc hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa** |  |  | **Điều 4. Nguyên tắc hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa** |
| 1. Hoạt động nạo vét phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn cộng đồng dân cư, hệ thống công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai và không ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng hàng hải, giao thông đường thủy nội địa và các công trình khác. | **Tuyên Quang:** Xem xét bổ sung nội dung: *“Hoạt động nạo vét đảm bảo không làm gia tăng nguy cơ rủi ro thiên tai”*. Lý do: Để đảm bảo phù hợp với các quy định tại Điều 12 và Điều 19 của Luật Phòng chống thiên tai ngày 19/6/2013 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020.  Đề nghị xem xét giữ nguyên cụm từ *“phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông”* theo khoản 1 Điều 4 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP, để đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quy định nhằm giảm thiểu tác động, ảnh hưởng của hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa.  **Bộ NN:** đề nghị bổ sung quy định như sau: “*Các dự án nạo vét cơ bản thuộc đường thủy nội địa có liên quan đến đê điều phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đê điều*.”  *Lý do:* Để phù hợp với quy định của pháp luật về đê điều, tránh chồng chéo mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật; đồng thời nội dung này cũng đã được quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP. Bên cạnh đó, đề nghị chỉnh sửa, bổ sung cụm từ sau: “…bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa,…” thành “…bảo đảm an toàn giao thông *và công trình trên* đường thủy nội địa,…”. Đề nghị bổ sung nguyên tắc: “*Đối với phạm vi bảo vệ công trình xây dựng, phải lấy ý kiến đồng thuận của chủ quản lý công trình trước khi nạo vét*”. | Giữ nguyên, vì mục đích nạo vét là để bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa, trong khi thiên tai là bất khả kháng, khó lường trước. Qua trình thiết kế và thi công đều đã xét đến các yếu tố này theo quy định.  Nội dung *“phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi sông”* đã được quy định tại các nội dung về phòng ngừa ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn cộng đồng dân cư, hệ thống công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai.  Đã được quy định tại khoản 1 Điều 4.  Dự thảo đã quy định: *“Hoạt động nạo vét phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan… không ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng hàng hải, giao thông đường thủy nội địa và các công trình khác”* | 1. Hoạt động nạo vét phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật nhằm bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa, phòng ngừa ô nhiễm môi trường, đảm bảo an toàn cộng đồng dân cư, hệ thống công trình đê điều, thủy lợi, phòng chống thiên tai và không ảnh hưởng đến kết cấu hạ tầng hàng hải, giao thông đường thủy nội địa và các công trình khác. |
| 2. Không thực hiện các hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa gây cản trở hoạt động tránh, trú của tàu thuyền vào mùa lũ bão, trong thời gian có thiên tai xảy ra. | **Hưng Yên:** Bổ sung và sửa lại như sau: *“Không thực hiện các hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa gây cản trở hoạt động tránh, trú của tàu thuyền vào mùa lũ bão, trong thời gian có thiên tai xảy ra; khi tiến hành nạo vét luồng lạch trong phạm vi bảo vệ đê điều đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, trước khi được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.”*  **TPHCM:** Sửa đổi, bổ sung để phù hợp khoản 10 Điều 3, Điều 7, Điều 12 như sau: *“2. Không thực hiện các hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa gây cản trở hoạt động tránh, trú của tàu thuyền vào mùa lũ bão, trong thời gian có thiên tai xảy ra,* ***trừ trường hợp nạo vét khẩn cấp****.”*  Cơ quan soạn thảo cần bổ sung các giải pháp cho trường hợp các vị trí thi công của các dự án nạo vét chồng lấn các khu vực cấm, khu vực dự trữ khoáng sản, khu vực hoạt động khoáng sản theo quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt.  **UBND Hà Nội:** Đề nghị bổ sung “không thực hiện các hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa gây cản trở hoạt động tránh, trú của tàu thuyền vào mùa bão, trên các tuyến sông tại khu vực có lòng sông co hẹp và lưu tốc dòng chảy lớn, khu vực đê sát sông, khu vực có địa chất nền kém, đã thường xuyên xảy ra sự cố sạt lở bờ, bãi sông, công trình ven bờ, hoặc có nguy cơ xảy ra tình trạng sạt lở, trong thời gian mùa mưa bão và trong thời gian có thiên tai xảy ra”. | - Đề nghị giữ nguyên như dự thảo. Lý do: đã được quy định tại khoản 1 điều này thực hiện các quy định khác có liên quan của hệ thống công trình đê điều.  Đề nghị giữ nguyên do cần phải ưu tiên cho các hoạt động tránh, trú của tàu thuyền vào mùa lũ bão, trong thời gian có thiên tai xảy ra | 2. Không thực hiện các hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa gây cản trở hoạt động tránh, trú của tàu thuyền vào mùa lũ bão, trong thời gian có thiên tai xảy ra. |
| 3. Trước khi tiến hành *thi công* nạo vét, đơn vị thi công nạo vét thông báo kế hoạch triển khai thực hiện (thời gian, tiến độ thi công, quy mô công trình, chủng loại và số lượng phương tiện thi công, hình thức thực hiện) đến cơ quan quản lý chuyên ngành (Cảng vụ hàng hải tại khu vực, cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực), chính quyền địa phương nơi có công trình và có bảng niêm yết tại khu vực công trường thi công từ thời điểm khởi công đến khi kết thúc. Bảng niêm yết thể hiện các nội dung về cơ quan phê duyệt, chủ đầu tư, nhà đầu tư, tổ chức tư vấn giám sát, đơn vị thi công, quy mô công trình, tiến độ thi công, thời gian bắt đầu thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn thực hiện, hình thức thực hiện. | **Cục QLĐTXD:** đề nghị hướng dẫn cụ thể việc đặt bảng niêm yết trường hợp công trình nằm tại khu vực biển, vùng nước xa bờ…  **Bộ CA:** *đề nghị bổ sung “…chính quyền địa phương (****Sở Giao thông vận tải, Phòng Cảnh sát giao thông****) nơi có…”* | Tiếp thu, bổ sung: lắp đăt biển báo tại khu vực gần công trường thi công  Tiếp thu chỉnh sửa thành *Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh*. | 3. Trước khi tiến hành thi công nạo vét*, Chủ đầu tư* thông báo kế hoạch triển khai thực hiện (thời gian, tiến độ thi công, quy mô công trình, chủng loại và số lượng phương tiện thi công, hình thức thực hiện) đến cơ quan quản lý chuyên ngành (Cảng vụ hàng hải tại khu vực, cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực), *Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh* nơi có công trình và lắp đặt biển báo tại khu vực *gần* công trường thi công*. Biển báo* công trình thể hiện các nội dung về cơ quan phê duyệt, chủ đầu tư, nhà đầu tư, tổ chức tư vấn giám sát, đơn vị thi công, quy mô công trình, tiến độ thi công, thời gian bắt đầu thi công, thời gian hoàn thành, nguồn vốn thực hiện, hình thức thực hiện. |
| *4. Không thực hiện bảo hành và bảo hiểm công trình nạo vét.* | **Quảng Ngãi, BĐATHH miền Bắc:** Đề nghị điều chỉnh và sửa thành *“Không bắt buộc thực hiện bảo hành và bảo hiểm công trình nạo vét.”*  **Ban QLDAHH:**Đề nghị xem xét sửa đổi “Không thưc hiện bảo hành và **mua** bảo hiểm đối với công trình nạo vét”.  **Cục QLĐTXD:** xem xét sửa đổi: “Chủ đầu tư quyết định việc thực hiện bảo hành và bảo hiểm công trình đối với công trình nạo vét” nhằm tránh việc các chủ đầu tư, nhà thầu không thực hiện các quy định khác về bảo hiểm bắt buộc theo Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng và Nghị định số 20/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng. | Tiếp thu, chỉnh sửa.  Tiếp thu, chỉnh sửa. | *4. Không thực hiện bảo hành, bảo hiểm công trình nạo vét.”* |
|  |  |  |  |
| ***Điều 5. Nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải quản lý về tài sản kết cấu hạ tầng, không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Giao thông vận tải quản lý*** | **BĐATHH miền Bắc:** Đề nghị sửa đổi lại tiêu đề thành ***"Nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa trong phạm vi tài sản kết cấu hạ tầng do Bộ Giao thông vận tải quản lý, không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Giao thông vận tải quản lý"***  **Cục QLĐTXD:** Đề nghị làm rõ phạm vi áp dụng: “Nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải quản lý về tài sản kết cấu hạ tầng, không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Giao thông vận tải quản lý”.  **UBND Hà Nội:** Điều 5 đã quy định nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải quản lý về tài sản kết cấu hạ tầng, không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Giao thông vận tải quản lý. Tuy nhiên, chưa có quy định đối với nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do UBND cấp tỉnh quản lý về tài sản kết cấu hạ tầng, không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho UBND cấp tỉnh quản lý | Tiếp thu, chỉnh sửa: Chuyển toàn bộ quy định của Điều 5 sang Mục 2 Chương III. |  |
| *1. Cơ quan, tổ chức gửi văn bản đến Bộ Giao thông vận tải đề xuất được tự thực hiện nạo vét. Nội dung đề xuất bao gồm các thông tin về sự cần thiết, phạm vi, quy mô, nguồn vốn, thời gian thực hiện và phương án khai thác, vận hành (nếu có). Trong thời gian 15 ngày làm việc, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời đề xuất của cơ quan, tổ chức.* | **Phú Thọ:**Đề nghị sửa thành: *“Cơ quan, tổ chức gửi văn bản đến Bộ Giao thông vận tải và UBND tỉnh nơi thực hiện dự án đề xuất được tự thực hiện nạo vét. Nội dung đề xuất bao gồm các thông tin về sự cần thiết, phạm vi, quy mô, nguồn vốn, thời gian thực hiện và phương án khai thác, vận hành (nếu có). Trong thời gian 15 ngày làm việc, Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh có văn bản trả lời đề xuất của cơ quan, tổ chức.”*  **VP Bộ:** Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bổ sung đầy đủ các thành phần của 01 TTHC theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát TTHC (ví dụ: cách thức nộp hồ sơ; mẫu văn bản đề nghị, mẫu văn bản trả lời,…) | Đề nghị giữ nguyền, vì nạo vét kết cấu hạ tầng được thực hiện trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa quốc gia do Bộ Giao thông vận tải quản lý, nên không phải gửi đến UBND tỉnh, tránh phát sinh TTHC.  Đối với nạo vét luồng đường thuỷ nội địa địa phương do UBND cấp tỉnh quản lý, văn bản được gửi đến UBND cấp tỉnh để có ý kiến. Nội dung này được bổ sung quy định một điều riêng tại Mục 2 Chương III của Nghị định |  |
| *2. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Giao thông vận tải, cơ quan, tổ chức lập dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng. Trước khi phê duyệt dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Cục Hàng hải Việt Nam (đối với vùng nước cảng biển), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với vùng nước đường thủy nội địa) về phạm vi, quy mô, biện pháp thi công, thời gian thực hiện.* | **Tuyên Quang:** Đề nghị cơ quan chủ trì xem xét bổ sung nội dung: *“trước khi phê duyệt dự án phải lấy ý kiến thống nhất của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị quản lý đối với các công trình hạ tầng có liên quan (đê điều, thủy lợi, kè bảo vệ bờ...) tại các đoạn sông, biển dự kiến thực hiện dự án”.* Lý do: Để đảm bảo an toàn các công trình hạ tầng và phù hợp với quy hoạch ngành, lĩnh vực có liên quan.  **Phú Thọ:** Đề nghị sửa thành: *“Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Giao thông vận tải và UBND tỉnh nơi thực hiện dự án, cơ quan, tổ chức lập dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng. Trước khi phê duyệt dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Cục Hàng hải Việt Nam (đối với vùng nước cảng biển), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với vùng nước đường thủy nội địa) về phạm vi, quy mô, biện pháp thi công, thời gian thực hiện.”*  **Trà Vinh:** Đề nghị nghiên cứu bổ sung *“ý kiến của UBND cấp tỉnh”* trước khi phê duyệt dự án.  Lý do: để địa phương có đủ thông tin trong phối hợp xem xét khu vực, địa điểm tiếp nhận, đổ chất nạo vét theo quy định tại Điều 8.  **Vụ PC:** Đề nghị quy định rõ ai phê duyệt, trình tự phê duyệt dự án quy định tại khoản này. | Đề nghị giữ nguyền, vì nạo vét kết cấu hạ tầng được thực hiện trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa quốc gia do Bộ Giao thông vận tải quản lý, nên không phải gửi đến UBND tỉnh, tránh phát sinh TTHC.  Đối với nạo vét luồng đường thuỷ nội địa địa phương do UBND cấp tỉnh quản lý, văn bản được gửi đến UBND cấp tỉnh để có ý kiến. Nội dung này được bổ sung quy định một điều riêng tại Mục 2 Chương III của Nghị định |  |
| *3. Trình tự thực hiện đối với hoạt động nạo vét duy tu không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý, cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 13 Nghị định này.* | **Cục QLĐTXD:** Đề nghị làm rõ “hoạt động nạo vét duy tu không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý” có cần lập dự án đầu tư theo quy định về đầu tư xây dựng.  **Bộ NN:**Đề nghị giải trình, làm rõ tại Tờ trình: Đối với các hoạt động không sử dụng ngân sách do địa phương quản lý để thực hiện nạo vét, duy tu trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa thì có phải thực hiện quy định tại khoản 1, 2 Điều 13 của dự thảo Nghị định hay không?  **TPHCM:** Sửa đổi, bổ sung với nội dung sau:  *“3. Trình tự thực hiện đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải quản lý thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 13 Nghị định này.”*  Lý do: Để phù hợp với tên Điều 5. | Không lập dự án ĐTXD vì: Nạo vét duy tu mang tính chất thường xuyên (hàng năm) nhằm duy trì độ sâu theo chuẩn tắc thiết kế ban đầu được phê duyệt, công bố nên việc lập dự án chỉ lặp lại nội dung dự án các năm trước. Chủ yếu chỉ thay đổi về khối lượng và phạm vi thực hiện nhưng lại mất nhiều thời gian, không tranh thủ được điều kiện thời tiết tốt nhất để thi công.  Giữ nguyên theo dự thảo vì đây là hoạt động nạo vét không sử dụng ngân sách của Bộ GTVT và để đẩy nhanh công tác nạo vét |  |
| *4. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.* |  |  |  |
| *5. Sau khi hoàn thành công tác nạo vét, cơ quan, tổ chức tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao cho Bộ Giao thông vận tải để tổ chức quản lý, sử dụng.* |  |  |  |
| ***Điều 6. Yêu cầu đối với công tác thi công, đổ chất nạo vét*** | **Bộ QP:** Bổ sung 1 khoản có nội dung sau: *“Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển và bảo đảm an toàn giao thông”* để phù hợp Nghị định số 71/2015/NĐ-CP. | *Khoản 1 Điều 4 đã quy định “Hoạt động nạo vét phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định khác có liên quan của pháp luật…”.* | **Điều 5. Yêu cầu đối với công tác thi công, đổ chất nạo vét** |
| *1. Chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa chịu trách nhiệm tổ chức giám sát công tác thi công, đổ chất nạo vét trong suốt thời gian từ khi bắt đầu đến khi kết thúc hoạt động nạo vét, bao gồm và không giới hạn bởi các nội dung sau:* | **Vụ PC:** Đề nghị bỏ cụm từ “và không giới hạn” tại khoản 1 Điều 6 của Dự thảo. | Đề nghị giữ nguyên | 1. Chủ đầu tư, nhà đầu tư công trình nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa chịu trách nhiệm tổ chức giám sát công tác thi công, đổ chất nạo vét trong suốt thời gian từ khi bắt đầu đến khi kết thúc hoạt động nạo vét, bao gồm *và không giới hạn bởi* các nội dung sau: |
| *a) Tổ chức giám sát chặt chẽ phương tiện thi công nạo vét đảm bảo thi công đúng phạm vi, thiết kế công trình;* |  |  | a) Tổ chức giám sát chặt chẽ phương tiện, *thiết bị* thi công nạo vét đảm bảo thi công đúng phạm vi, thiết kế công trình; |
| *b) Tổ chức giám sát chặt chẽ hành trình của các phương tiện vận chuyển chất nạo vét và nhận chìm chất nạo vét ở biển, bãi chứa tại vị trí được cơ quan có thẩm quyền cấp phép phê duyệt hoặc thống nhất;* |  |  | b) Tổ chức giám sát chặt chẽ hành trình của các phương tiện*, thiết bị vận chuyển, hoạt động nhận chìm chất nạo vét ở biển, hoạt động đổ chất nạo vét vào khu vực, địa điểm* được cơ quan có thẩm quyền cấp phép phê duyệt hoặc *chấp thuận;* |
| *c) Tổ chức kiểm tra, giám sát lắp đặt, duy trì hoạt động hệ thống giám sát nạo vét, tổ chức quản lý dữ liệu của hệ thống giám sát nạo vét và được kết nối với hệ thống giám sát của cơ quan có thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu quản lý, kiểm tra giám sát, tra cứu dữ liệu khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;* | **Vụ PC:** Để bảo đảm tính khả thi của dự thảo Nghị định, đề nghị quy định rõ về phương thức kết nối, kết nối với ai, cơ sở dữ liệu gì,… quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 của Dự thảo.  **UBND Hà Nội:** Đề nghị bổ sung “Tổ chức kiểm tra, giám sát lắp đặt, duy trì hoạt động hệ thống giám sát nạo vét, hệ thống quan trắc, giám sát sự chuyển vị của các công trình hiện có trong phạm vi khu vực nạo vét để có phương án xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra, kiểm tra, quản lý dữ liệu của hệ thống giám sát nạo vét, kết nối với hệ thống giám sát của cơ quan có thẩm quyền để đáp ứng yêu cầu quản lý, kiểm tra giám sát, tra cứu dữ liệu khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền”. | Đã quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGTVT ngày 09/4/2018 của Bộ GTVT quy định quản lý và khai thác thông tin nhận dạng tự động của tàu thuyền. | c) Tổ chức kiểm tra, giám sát lắp đặt, duy trì hoạt động hệ thống giám sát nạo vét, tổ chức quản lý dữ liệu của hệ thống giám sát nạo vét *để đáp ứng yêu cầu quản lý, kiểm tra giám sát;* |
| *d) Tổ chức giám sát thi công nạo vét bảo đảm các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác theo quy định pháp luật.* |  |  |  |
| *2. Yêu cầu đối với hệ thống giám sát nạo vét:* | **Thanh Hóa:** Dự thảo nêu yêu cầu đối với hệ thống giám sát nạo vét; tuy nhiên, nội dung này chưa thể hiện rõ đơn vị nào đầu tư, lắp đặt và quản lý hệ thống giám sát nạo vét (chủ đầu tư, đơn vị giám sát hay nhà thầu thi công); đồng thời, chưa xác định kinh phí đầu tư hệ thống trên có được tính trong chi phí của dự án và một hệ thống có được áp dụng cho nhiều dự án hay chỉ một dự án. | *Tiếp thu, bổ sung thêm điểm d dưới đây.* |  |
| *a) Hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công: Thiết bị AIS để tự động cung cấp thông tin về vị trí thi công của phương tiện thông qua trạm bờ AIS đến trung tâm dữ liệu AIS;* | **Quảng Ngãi:** Việc lắp đặt thiết bị AIS trên các phương tiện Sà Lan không tự hành khi tham thi công, cũng gặp rất nhiều khó khăn cho chủ tàu, đơn vị thi công trong quá trình lắp đặt thiết bị AIS trên phương tiện này khi tham gia thi công nạo vét (như: hệ thống điện cung cấp cho thiết bị AIS, vị trí lắp đặt,...). Vì vậy, đề nghị xem xét, sửa đổi đối với trường hợp việc lắp đặt thiết bị AIS trên các phương tiện tham gia thi công nạo vét là sà lan không tự hành. |  |  |
| *b) Hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện vận chuyển, đổ chất nạo vét gồm: Thiết bị AIS cung cấp thông tin về hành trình di chuyển của phương tiện thông qua trạm bờ AIS đến trung tâm dữ liệu AIS; thiết bị ghi hình cung cấp các hình ảnh khoang chứa chất nạo vét từ khi bắt đầu tiếp nhận chất nạo vét, trong suốt hành trình di chuyển đến vị trí đổ, bắt đầu đổ cho đến khi kết thúc đổ chất nạo vét tại vị trí quy định;* |  |  |  |
| *c) Hệ thống giám sát nạo vét phải được lắp đặt tại vị trí phù hợp, cố định trên phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển đổ chất nạo vét, thuận lợi cho việc ghi nhận lưu trữ đầy đủ dữ liệu, hình ảnh, có biện pháp chống các tác động làm sai lệch dữ liệu (như kẹp chì, niêm phong,...), bảo đảm điều kiện hoạt động liên tục và ổn định trong suốt thời gian thi công.* |  |  |  |
|  |  | Bổ sung thêm khoản d quy định trách nhiệm của các đơn vị | *d) Hệ thống giám sát trên phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển do nhà thầu chịu trách nhiệm đầu tư. Hệ thống trạm bờ AIS và trung tâm dữ liệu do chủ đầu tư chịu trách nhiệm (trường hợp không có thì chủ đầu tư thuê dịch vụ).* |
| *3. Phương tiện thi công nạo vét phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, không làm rơi vãi chất nạo vét trong quá trình vận chuyển.* |  |  | *3. Phương tiện, thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển chất nạo vét phải lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét và bảo đảm các điều kiện hoạt động theo quy định pháp luật.* |
| **Điều 7. Quy định về công tác môi trường** |  |  | **Điều 6. Quy định về công tác môi trường** |
| *1. Các dự án đầu tư, nâng cấp công trình nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa phải thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên môi trường biển và hải đảo và pháp luật về biển Việt Nam.* | **1) Hưng Yên:** Bổ sung cụm từ “tài nguyên nước” và sửa lại như sau: *“Các dự án đầu tư, nâng cấp công trình nạo vét và dự án thu hồi sản phẩm nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa phải thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, tài nguyên môi trường biển và hải đảo và pháp luật về biển Việt Nam.”*  **2) Cao Bằng:** Đề nghị bổ sung, chỉnh sửa thành: *“1. Các dự án đầu tư, nâng cấp công trình nạo vét và dự án thu hồi sản phẩm nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa phải thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật về Tài nguyên nước, tài nguyên môi trường biển và hải đảo và pháp luật về biển Việt Nam”.*  Nguyên nhân: để mở rộng thêm cơ sở pháp lý cho hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. | **1) 2)** Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý lại như tại dự thảo Nghị định | *1. Công tác môi trường đối với các dự án nạo vét cơ bản và dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm, thực hiện theo quy định của pháp luật về môi trường.* |
| *2. Đối với các dự án, công trình nạo vét duy tu thực hiện theo quy định sau đây:* | **1) Hà Tĩnh:** Đề nghị căn cứ quy định Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường để quy định rõ đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường tuỳ theo quy mô dự án.  **2) TPHCM:** Sửa đổi khoản 2 như sau: *“2. Đối với các dự án nạo vét duy tu, việc xác định thủ tục môi trường (đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường) thực hiện theo quy định của pháp luật môi trường.”*  Lý do: Theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thủ tục môi trường của Dự án đầu tư nói chung được xác định trên cơ sở căn cứ các tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư quy định tại Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường, Chính phủ đã quy định chi tiết các tiêu chí này tại Điều 25 và ban hành Danh mục các nhóm dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường tại các Phụ lục III, IV, V an hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.  **3) Bộ TNMT:** đề nghị rà soát, sửa đổi theo hướng không quy định đối tượng phải thực hiện đăng ký môi trường, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường tại dự thảo Nghị định này bởi vì, nội dung này đã được quy định cụ thể tại Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành; trường hợp đơn vị chủ trì muốn quy định cụ thể đối tượng thì đề nghị dẫn chiếu đến quy định pháp luật về bảo vệ môi trường để đảm bảo thống nhất.  **4) Bộ QP:** Đề nghị viết lại thành: “*Trường hợp chất nạo vét được đổ trên bờ phải thực hiện hồ sơ trong lĩnh vực môi trường đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.”* để thống nhất theo Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. | - Bộ GTVT đã căn cứ vào quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Tài nguyên Môi trường biển và hải đảo, Luật Biển Việt Nam và các ý kiến góp ý để xây dựng dự thảo và có tiếp thu chỉnh lý lại khoản 2 Điều này bao gồm ba điểm a), b) và c) như quy định tại dự thảo Nghị định, cụ thể đã quy định thành ba trường hợp đổ chất nạo vét trên bờ, lần đầu thực hiện nhận chìm chất nạo vét ở biển và lần tiếp theo thực hiện nhận chìm chất nạo vét ở biển để phù hợp với tính chất đặc thù của công tác nạo vét duy tu trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy nội địa.  *Lý do*: Hoạt động nạo vét duy tu là hoạt động đặc thù của ngành hàng hải và đường thủy nội địa được triển khai hàng năm nhằm duy trì chuẩn tắc cho các tuyến luồng, khu nước, vùng nước phục vụ tàu thuyền ra vào các bến cảng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hoạt động này phải tranh thủ điều kiện thời tiết, khí hậu, thủy văn để thực hiện nạo vét nhằm đảm bảo an toàn cho con người và tàu thuyền tham gia thực hiện.  Tuy nhiên hoạt động này đang gặp rất nhiều khó khăn và bất cập về quy hoạch, cấp phép khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét cũng như về thời gian, kinh phí thực hiện các thủ tục về bảo vệ môi trường, thủ tục về Giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển.  Hiện nay theo quy định của các văn bản nêu trên, chỉ riêng thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường, công trình nạo vét duy tu khu nước, vùng nước và luồng hàng hải phải thực hiện 2 thủ tục hành chính, bao gồm: (1) Báo cáo đánh giá tác động môi trường, (2) Giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển để sử dụng (trong trường hợp nhận chìm ở biển). Thời gian thẩm định và cấp giấy phép nhận chìm và giao khu vực biển cho các dự án và công trình nhận chìm chất nạo vét ngoài biển kéo dài không phù hợp với đặc thù của công tác duy tu.  Thêm vào đó, hoạt động nạo vét duy tu thường xuyên được thực hiện có khối lượng thi công, vị trí đổ chất nạo vét tương đối ổn định nhưng mỗi năm đều lại phải thực hiện các thủ tục về môi trường như báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp phép nhận chìm, giao khu vực biển... với nội dung gần như không thay đổi. Việc này mất rất nhiều thời gian, kinh phí và xin ý kiến các cơ quan hữu quan như Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng... cũng phải thực hiện lặp đi lặp lại). Mặc dù Bộ TNMT đã có hướng dẫn quy trình liên thông giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển, tuy nhiên, thời gian thực hiện vẫn còn kéo rất dài và phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ nạo vét duy tu đảm bảo chuẩn tắc, ảnh hưởng đến hoạt động của tàu thuyền ra vào các bến cảng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của các địa phương trên cả nước.  (Ví dụ gần đây nhất: thời gian thẩm định, phê duyệt của Bộ TNMT: luồng Hải phòng (Kênh Hà Nam, Bạch Đằng là 7 tháng 4 ngày), luồng Hải Phòng (đoạn Lạch Huyện là 7 tháng 20 ngày) *(không bao gồm thời gian lập và chỉnh sửa hồ sơ của Chủ đầu tư).* Thời gian thẩm định và phê duyệt quá dài như trên không phù hợp với đặc thù của các dự án, công trình nạo vét duy tu đặc biệt là các dự án, công trình nạo vét duy tu sử dụng nguồn sự nghiệp kinh tế phải hoàn thành trong năm.  - Thêm vào đó hàng năm các doanh nghiệp cảng thực hiện nạo vét duy tu khu nước, vùng nước trước cầu cảng với khối lượng rất nhỏ, thời gian thi công chỉ kéo dài khoảng vài ngày hoặc 1 tuần đến 2 tuần. Tuy nhiên, theo quy định về BVMT vẫn phải thực hiện đầy đủ thủ tục về đánh giá tác động môi trường, lập dự án nhận chìm ở biển và giao khu vực biển. Thủ tục này kéo dài trong thời gian nhiều tháng gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ, hiệu quả khai thác tuyến luồng cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh khai thác của các doanh nghiệp, dẫn đến công trình không tận dụng được thời gian nạo vét hợp lý phù hợp với điều kiện thời tiết biển, gây lãng phí thời gian và thiệt hại tài chính cho doanh nghiệp và xã hội.  Mặt khác, dự thảo sau khi chỉnh lý đã phù hợp với các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Tài nguyên Môi trường biển và hải đảo và Luật Biển Việt Nam.  Do đó, các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định là cần thiết và phù hợp với thực tiễn và đặc thù của ngành hàng hải và đường thủy nội địa, đồng thời giảm thiểu thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phù hợp với các chính sách, Nghị quyết của Đảng, của Chính phủ về việc giảm thủ tục hành chính. | *2. Đối với các dự án, công trình nạo vét duy tu, công tác môi trường**thực hiện theo quy định sau đây:* |
| *a) Trường hợp chất nạo vét được đổ trên bờ chỉ thực hiện đăng ký môi trường, trừ đối tượng được miễn đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.* | **1) Quảng Ngãi:** Trường hợp chất nạo vét được đổ trên bờ, đề nghị xem xét, vẫn thực hiện các quy định về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với lần đầu, vì chất nạo vét từ môi trường biển có độ mặn cao, ảnh hưởng đến hệ sinh thái, môi trường sống của động thực vật tại khu vực đổ chất nạo vét.  **2) Bình Định:** Trường hợp chất nạo vét được đổ trên bờ, có thu hồi sản phẩm nạo vét thuộc đối tượng cấp phép khai thác khoáng sản thì thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại Điều 30, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, không thuộc đối tượng lập hồ sơ Đăng ký môi trường. Do vậy, đề nghị chỉnh sửa thành *“Trường hợp chất nạo vét được đổ trên bờ phải thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”.* | **1) 2)** Liên quan đến việc thực hiện Đăng ký môi trường, Giấy phép môi trường tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành, các chủ đầu tư rất khó phân biệt dự án, công trình của mình thuộc đối tượng phải thực hiện Đăng ký môi trường, miễn Đăng ký môi trường, Giấy phép môi trường hay đánh giá tác động môi trường. Ngoài ra dự án, công trình nạo vét duy tu là hoạt động thường xuyên được thực hiện hàng năm nhằm đảm bảo chuẩn tắc thiết kế, việc đổ chất nạo vét trên bờ đều vào các vị trí nằm trong danh mục các vị trí đã được UBND cấp tỉnh chấp thuận. Do đó, việc quy định rõ sẽ giúp các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng theo quy định pháp luật về môi trường, tránh cách hiểu khác nhau khi áp dụng luật. Bộ GTVT đã rà soát theo Điều 49, Luật Bảo vệ môi trường 2020, tiến hành rà soát và chỉnh lý lại khoản 2 Điều 7 như tại dự thảo Nghị định. | *a) Dự án, công trình nạo vét duy tu đổ chất nạo vét trên bờ thực hiện theo quy định Điều 49, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, trừ đối tượng quy định tại Điều 30, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.* |
| *b) Trường hợp nhận chìm chất nạo vét ngoài biển:*  *Lần đầu thực hiện công tác nạo vét duy tu vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa phải thực hiện các quy định về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập dự án nhận chìm ở biển và giao khu vực biển theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên môi trường biển và hải đảo, pháp luật về biển Việt Nam.*  *Đối với những lần tiếp theo thực hiện việc nạo vét duy tu vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa nếu khối lượng thực hiện không vượt quá khối lượng đã đánh giá, phương án thi công, phương thức nhận chìm không thay đổi và khu vực nhận chìm đã được cấp phép đủ khả năng tiếp nhận chất nạo vét, chỉ thực hiện công tác giám sát môi trường theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và giấy phép nhận chìm ở biển đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và cấp cho công trình, dự án lần đầu.* | **1) Bình Định:** Đề nghị sửa thành: *“Trường hợp nhận chìm vật, chất nạo vét ở biển: Phải thực hiện các hồ sơ, thủ tục về môi trường, cấp giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển theo quy định quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên môi trường biển và hải đảo và pháp luật về biển Việt Nam.”*  **2) Nam Định:** Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 7 của dự thảo Nghị định.  Lý do: Nội dung tại điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 7 chưa phù hợp với các quy định liên quan đến nhận chìm chất nạo vét ngoài biển, giao khu vực biển của Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo năm 2015; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển. Cụ thể, theo khoản 1 Điều 57 Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo năm 2015 quy định *“1. Việc nhận chìm ở biển chỉ được thực hiện khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của Luật này”*; khoản 2 Điều 59 Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo năm 2015 quy định *“2. Thời hạn của Giấy phép nhận chìm ở biển được xem xét trên cơ sở vật, chất được nhận chìm, quy mô, tính chất hoạt động nhận chìm và khu vực biển được sử dụng để nhận chìm tối đa không quá 02 năm và được gia hạn một lần nhưng không quá 01 năm”.*  **3) Bộ TNMT:** đề nghị xem xét lại quy định này để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo đã quy định cụ thể về hoạt động nhận chìm ở biển. Theo đó, khoản 1 Điều 57 của Luật quy định “việc nhận chìm ở biển chỉ được thực hiện khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định”, khoản 2 Điều 59 Luật quy định thời hạn của Giấy phép nhận chìm ở biển tối đa không quá 02 năm và được gia hạn một lần nhưng không quá 01 năm. Việc Dự thảo Nghị định quy định chỉ thực hiện thủ tục xin cấp phép nhận chìm ở biển cho lần đầu thực hiện công tác nạo vét duy tu vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa, những lần tiếp theo chỉ thực hiện công tác giám sát môi trường mà không phải thực hiện các thủ tục liên quan đến cấp giấy phép nhận chìm ở biển là không phù hợp với các quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.  **4) Bộ Công Thương:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét đề xuất giải pháp cắt giảm giấy phép, TTHC trong hoạt động nạo vét duy tu vùng nước cảng biển và nhận chìm chất nạo vét ở biển.  **5) Vụ KHCN-MT:** Để bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành về pháp luật bảo vệ môi trường, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, đề nghị làm rõ việc áp dụng các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 là áp dụng cho lần đầu thực hiện nạo vét hay lần đầu thực hiện hoạt động nhận chìm.  **6) Thừa Thiên - Huế:**Đề nghị nghiên cứu sửa đổi vì chưa phù hợp khoản 1 Điều 57, khoản 2 Điều 59 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015.  **7) Bộ Tư** **pháp:** Hiểu rằng trong những trường hợp này sẽ không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường và xin cấp phép nhận chìm ở biển. Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ thuyết minh, làm rõ căn cứ pháp lý, lợi ích của quy định này.  Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp nhận thấy các quy định về công tác môi trường tại Điều 7 dự thảo Nghị định bao gồm đánh giá tác động môi trường, đăng ký môi trường, giấy phép nhận chìm đã được quy định ở các văn bản quy phạm pháp luật khác như Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. Do đó Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ cân nhắc không quy định lặp lại ở dự thảo Nghị định này.  **8) Quảng Ngãi:** Tại khoản 2, Điều 59 của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015 có quy định:*“Thời hạn của Giấy phép nhận chìm ở biển được xem xét trên cơ sở vật, chất nhận chìm, quy mô, tính chất hoạt động nhận chìm và khu vực biển được sử dụng để nhận chìm tối đa không quá 02 năm và được gia hạn một lần nhưng không quá 01 năm”*. Do đó, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 là chưa phù hợp. Nếu Giấy phép nhận chìm ở biển cấp cho công trình, dự án lần đầu hết hiệu lực thì vẫn phải thực hiện xin cấp Giấy phép nhận chìm ở biển cho hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa của công trình, dự án các lần sau. | Đã tiến hành rà soát và chỉnh lý lại dự thảo  *Lý do:*  Hoạt động nạo vét duy tu là hoạt động đặc thù của ngành hàng hải và đường thủy nội địa được triển khai hàng năm nhằm duy trì chuẩn tắc cho các tuyến luồng, khu nước, vùng nước phục vụ tàu thuyền ra vào các bến cảng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hoạt động này phải tranh thủ điều kiện thời tiết, khí hậu, thủy văn để thực hiện nạo vét nhằm đảm bảo an toàn cho con người và tàu thuyền tham gia thực hiện.  Tuy nhiên hoạt động này đang gặp rất nhiều khó khăn và bất cập về quy hoạch, cấp phép khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét cũng như về thời gian, kinh phí thực hiện các thủ tục về bảo vệ môi trường, thủ tục về Giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển.  Hiện nay theo quy định của các văn bản nêu trên, chỉ riêng thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường, công trình nạo vét duy tu khu nước, vùng nước và luồng hàng hải phải thực hiện 2 thủ tục hành chính, bao gồm: (1) Báo cáo đánh giá tác động môi trường, (2) Giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển để sử dụng (trong trường hợp nhận chìm ở biển). Thời gian thẩm định và cấp giấy phép nhận chìm và giao khu vực biển cho các dự án và công trình nhận chìm chất nạo vét ngoài biển kéo dài không phù hợp với đặc thù của công tác duy tu.  Thêm vào đó, hoạt động nạo vét duy tu thường xuyên hàng năm được thực hiện có khối lượng thi công, vị trí đổ chất nạo vét tương đối ổn định nhưng mỗi năm đều lại phải thực hiện các thủ tục về môi trường như báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp phép nhận chìm, giao khu vực biển... với nội dung gần như không thay đổi. Việc này mất rất nhiều thời gian, kinh phí và xin ý kiến các cơ quan hữu quan như Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng... cũng phải thực hiện lặp đi lặp lại). Mặc dù Bộ TNMT đã có hướng dẫn quy trình liên thông giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển, tuy nhiên, thời gian thực hiện vẫn còn kéo rất dài và phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ nạo vét duy tu đảm bảo chuẩn tắc, ảnh hưởng đến hoạt động của tàu thuyền ra vào các bến cảng phục vụ phát triển kinh tế xã hội của các địa phương trên cả nước.  (Ví dụ gần đây nhất: thời gian thẩm định, phê duyệt của Bộ TNMT: luồng Hải phòng (Kênh Hà Nam, Bạch Đằng là 7 tháng 4 ngày), luồng Hải Phòng (đoạn Lạch Huyện là 7 tháng 20 ngày) *(không bao gồm thời gian lập và chỉnh sửa hồ sơ của Chủ đầu tư).* Thời gian thẩm định và phê duyệt quá dài như trên không phù hợp với đặc thù của các dự án, công trình nạo vét duy tu đặc biệt là các dự án, công trình nạo vét duy tu sử dụng nguồn sự nghiệp kinh tế phải hoàn thành trong năm.  - Thêm vào đó hàng năm các doanh nghiệp cảng thực hiện nạo vét duy tu khu nước, vùng nước trước cầu cảng với khối lượng rất nhỏ, thời gian thi công chỉ kéo dài khoảng vài ngày hoặc 1 tuần đến 2 tuần. Tuy nhiên, theo quy định về BVMT vẫn phải thực hiện đầy đủ thủ tục về đánh giá tác động môi trường, lập dự án nhận chìm ở biển và giao khu vực biển. Thủ tục này kéo dài trong thời gian nhiều tháng gây ảnh hưởng lớn đến tiến độ, hiệu quả khai thác tuyến luồng cũng như kế hoạch sản xuất kinh doanh khai thác của các doanh nghiệp, dẫn đến công trình không tận dụng được thời gian nạo vét hợp lý phù hợp với điều kiện thời tiết biển, gây lãng phí thời gian và thiệt hại tài chính cho doanh nghiệp và xã hội.  Khoản 1 Điều 57 Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo chỉ quy định: “Việc nhận chìm ở biển chỉ được thực hiện khi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép theo quy định của Luật này.”.  Khoản 1 Điều 31 Luật Bảo vệ môi trường quy định “Đánh giá tác động môi trường được thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án”  Với những lý do nêu trên, Dự thảo Nghị định đang chỉ quy định theo hướng giảm việc thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập dự án nhận chìm ở biển trong trường hợp các công trình, dự án nạo vét duy tu không có thay đổi tăng quy mô, công suất, phương án thi công, phương thức nhận chìm, vị trí nhận chìm làm tăng tác động xấu đến môi trường so với dự án, công trình đã thực hiện nhận chìm lần đầu, chủ đầu tư dự án, công trình nạo vét duy tu vẫn phải thực hiện rà soát các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép nhận chìm ở biển đã được cấp trước đó trong quá trình thực hiện lập dự án và thực hiện theo các quy định của kết quả phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM đã phê duyệt, thực hiện sửa đổi bổ sung giấy phép nhận chìm ở biển để được cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (sửa đổi, bổ sung).  Do đó, dự thảo Nghị định không trái với quy định của Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo. Các nội dung quy định tại dự thảo Nghị định là cần thiết và phù hợp với thực tiễn và đặc thù của ngành hàng hải và đường thủy nội địa, đồng thời giảm thiểu thời gian giải quyết thủ tục hành chính, phù hợp với các chính sách, Nghị quyết của Đảng, của Chính phủ về việc giảm thủ tục hành chính. | *b) Dự án, công trình nạo vét duy tu lần đầu thực hiện nhận chìm chất nạo vét ở biển: chủ đầu tư dự án, công trình phải thực hiện các quy định về lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập dự án nhận chìm ở biển và giao khu vực biển theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên môi trường biển và hải đảo, pháp luật về biển Việt Nam.*  *c) Dự án, công trình nạo vét duy tu lần tiếp theo thực hiện nhận chìm chất nạo vét ở biển, Chủ đầu tư dự án, công trình phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép nhận chìm ở biển khi có một trong các thay đổi về tăng quy mô, công suất, phương án thi công, phương thức nhận chìm, vị trí nhận chìm làm tăng tác động xấu đến môi trường so với dự án, công trình đã thực hiện nhận chìm lần đầu. Trường hợp không có thay đổi về tăng quy mô, công suất, phương án thi công, phương thức nhận chìm, vị trí nhận chìm làm tăng tác động xấu đến môi trường so với dự án, công trình đã thực hiện nhận chìm lần đầu, chủ đầu tư dự án, công trình thực hiện như sau:*  *i) Tự đánh giá tác động đến môi trường theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.*  *ii) Đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung thời điểm và thời hạn thực hiện nhận chìm chất nạo vét tại Giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển đã cấp cho công trình thực hiện nhận chìm lần đầu để tiếp tục thực hiện nhận chìm chất nạo vét của dự án, công trình các lần tiếp theo.*  *iii) Chủ đầu tư dự án, công trinh nạo vét lần tiếp theo có nghĩa vụ thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt lần đầu; Giấy phép nhận chìm ở biển và Quyết định giao khu vực biển được sửa đổi, bổ sung.* |
| *3. Đối với các dự án, công trình nạo vét khẩn cấp, chủ đầu tư hoặc chủ dự án, công trình không phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký môi trường, giấy phép môi trường, cấp phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển.* | **1) Hà Tĩnh:** Việc xác định dự án nạo vét khẩn cấp không phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường đề nghị nghiên cứu, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 để dự thảo quy định phù hợp.  **2) Bình Định:** Theo quy định đối tượng được miễn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường tại Điều 30 và Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 là các *“dự án đầu tư công khẩn cấp”*. Do vậy, đề nghị chỉnh sửa thành *“Đối với các dự án nạo vét thuộc đối tượng đầu tư công khẩn cấp, chủ đầu tư hoặc chủ dự án, công trình không phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký môi trường, giấy phép môi trường, cấp phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển.”*  **3) BĐATHH miền Bắc:**Đề nghị sửa đổi lại thành *"Đối với các dự án nạo vét khẩn cấp, chủ đầu tư hoặc chủ dự án, công trình không phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký môi trường, giấy phép môi trường, cấp phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển mà được phép sử dụng các vị trí tiếp nhận chất nạo vét đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận trong thời gian 3 năm gần nhất còn đủ khả năng tiếp nhận.”*  **4) Bộ TNMT:** về quy định “đối với dự án nạo vét khẩn cấp”, hiện nay pháp luật hiện hành chưa có quy định về “khẩn cấp”, do vậy, đề nghị bỏ quy định tại khoản này. Trường hợp việc nạo vét thuộc tình trạng khẩn cấp theo quy định của Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp thì đề nghị dẫn chiếu việc thực hiện theo quy định của Pháp lệnh này. Trường hợp việc nạo vét để phòng chống thiên tai, đề nghị dẫn chiếu việc thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai.  **5) Thừa Thiên – Huế:**Đề nghị sửa thành *“Đối với các dự án nạo vét khẩn cấp thuộc dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công chủ đầu tư hoặc chủ dự án, công trình … cấp phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển.”.* Đề nghị nghiên cứu sửa đổi vì chưa phù hợp khoản 1 Điều 57, khoản 2 Điều 59 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo 2015.  **6) Bộ CA:** làm rõ căn cứ quy định về dự án nạo vét khẩn cấp. | Khoản 14 Điều 4 Luật Đầu tư công 2019 (có hiệu lực 01/01/2020) quy định: Dự án đầu tư công khẩn cấp là dự án đầu tư công **nhằm kịp thời phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai**, thảm họa, dịch bệnh; nhiệm vụ cấp bách để bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại theo quyết định của cấp có thẩm quyền.  Khoản 2, Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường 2020 có quy định “Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thuộc dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường”.  Khoản 3, Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 có quy định “Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này thuộc trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công được miễn giấy phép môi trường”.  Với đặc thù của ngành hàng hải và đường thủy, trong quá trình hoạt động có thể xảy ra một số trường hợp bất khả kháng do: sa bồi do thiên tai, tai nạn, sự cố làm tàu thuyền hoặc vật thể khác chìm đắm trên luồng gây ách tắc, cản trở đến hoạt động giao thông hàng hải, đường thủy nội địa (phù hợp với quy định tại Khoản 14 Điều 4 Luật Đầu tư công 2019 về dự án đầu tư công khẩn cấp).  Tuy nhiên khi xảy ra trường hợp bất khả kháng không thể triển khai thi công khẩn cấp do các dự án, công trình vẫn phải thực hiện các thủ tục về môi trường như với dự án, công trình triển khai bình thường theo kế hoạch. Do đó cần thiết phải có quy định đặc thù cho các dự án, công trình nạo vét, duy tu khẩn cấp để đảm bảo an toàn giao thông do nguyên nhân bất khả kháng do: sa bồi do thiên tai, tai nạn, sự cố làm tàu thuyền hoặc vật thể khác chìm đắm trên luồng gây ách tắc, cản trở đến hoạt động giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.  Trong lĩnh vực hàng hải và đường thủy nội địa, các dự án nạo vét khẩn cấp hầu hết là dự án sử dụng NSNN, do vậy, BGTVT đã nghiên cứu đề xuất quy định nêu trên phù hợp với quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật đầu tư công năm 2019. | *3. Đối với các công trình nạo vét khẩn cấp, chủ đầu tư hoặc chủ công trình không phải thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký môi trường, giấy phép môi trường, cấp phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển.* |
| ***Điều 8. Quy định về khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét*** |  |  | **Điều 7. Quy định về khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét** |
| *1. Trình tự, thủ tục công bố khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ*  *a) Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đăng tải thông tin về nhu cầu tìm kiếm khu vực, địa điểm để đổ chất nạo vét trên địa bàn tỉnh trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*  *b) Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét hoặc có nhu cầu tiếp nhận chất nạo vét gửi văn bản tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị được chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này.*  *c) Trong thời gian 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời cho các tổ chức, cá nhân về việc khu vực, địa điểm có đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản này.*  *d) Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét hoặc có nhu cầu tiếp nhận chất nạo vét phải có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất. Việc tiếp nhận chất nạo vét của các tổ chức, cá nhân không làm thay đổi mục đích sử dụng đất.*  *đ) Khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét phải đảm bảo có thể tiếp nhận toàn bộ hoặc một phần chất nạo vét của các công trình, dự án trên địa bàn hoặc các tỉnh lân cận, không có tranh chấp, không trong tình trạng đang chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc chuyển quyền sử dụng đất.*  *e) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập danh mục các khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ đã chấp thuận cho các tổ chức, cá nhân tiếp nhận và các khu vực, địa điểm thuộc đất sử dụng mục đích công cộng đủ điều kiện tiếp nhận (nếu có).*  *g) Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của địa phương và các khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ tại điểm e khoản 1 Điều này và hiện trạng sử dụng đất, chậm nhất sau 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ thuộc phạm vi quản lý, trước ngày 15 tháng 11 hàng năm cập nhật bổ sung nếu có thay đổi so với khu vực, địa điểm đã được công bố. Việc công bố này phải được ban hành thành Quyết định và niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này.* | **1) Bộ Tư pháp**: đề nghị Quý Bộ cân nhắc chuyển các điểm b, c, d, đ khoản 1 sang khoản 3 Điều 8 cho phù hợp.  **2) Hà Tĩnh:** Đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét của “Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét” và của “Chủ đầu tư các dự án nạo vét, duy tu”.  **3) Phú Thọ:** Bổ sung quy định: Dự án tại địa phương nào thì đổ chất nạo vét tại địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ hoặc địa điểm nhận chìm chất nạo vét ở biển tại địa phương đó. Trường hợp địa phương có dự án không có vị trí tiếp nhận chất nạo vét phù hợp, phải đổ chất nạo vét tại địa phương khác thì phải có ý kiến thống nhất của địa phương có dự án và địa phương tiếp nhận chất nạo vét. Lý do: Để tránh thất thoát tài nguyên, khoáng sản.  **4) Hải Dương:** Đề nghị nghiên cứu kỹ hơn nội dung Quy định về khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét. Việc xác định các vị trí đổ thải, tập kết …. khi thực hiện liên quan đến quản lý nhà nước về quy hoạch thuộc nhiều lĩnh vực (quy hoạch tỉnh, quy hoạch về pháp luật xây dựng, quy hoạch về pháp luật đất đai và pháp luật về môi trường ). Do vậy, không thể chỉ đơn thuần là UBND tỉnh đăng tải thông tin về nhu cầu tìm kiếm khu vực, địa điểm để đổ chất nạo vét trên địa bàn tỉnh trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hơn nữa: “chất nạo vét” kể cả trong trường hợp không sử dụng được làm vật liệu xây dựng, thì vẫn có giá trị sử dụng nhất định, phục vụ tạo mặt bằng san lấp, hoàn thổ...  **4) Bình Định:**Đề nghị bổ sung Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của Sở Xây dựng theo đúng chức năng quản lý, phù hợp với chủ trương về ưu tiên tối đa việc sử dụng chất nạo vét để san lấp mặt bằng công trình ven biển.  **5) VP Bộ:** Đề nghị sửa thành: *“Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét hoặc có nhu cầu tiếp nhận chất nạo vét gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính văn bản đề nghị được chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét theo quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.* Đồng thời, bổ sung mẫu văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân vào dự thảo Nghị định. Tương tự, đề nghị cơ quan soạn thảo sửa lại điểm a khoản 3 Điều 8 và bổ sung mẫu văn bản trả lời cho tổ chức, cá nhân.  **6) Cục QLĐTXD:** xem xét bổ sung: “…gửi văn bản tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị được chấp thuận khu vực, địa điểm, thời gian, thời hạn tiếp nhận chất nạo vét…”  **7) Bộ QP:** Sửa cụm từ “mẫu số 01” thành “phụ lục số 01”  **8) Tiền Giang:** Đề nghị chỉnh sửa như sau: *“Trong thời gian 30 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời cho các tổ chức, cá nhân về việc khu vực, địa điểm có đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản này”.*  Lý do: Để đảm bảo thời gian cho các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc của UBND cấp tỉnh kiểm ra, rà soát trước khi tham mưu UBND cấp tỉnh có văn bản trả lời.  **9) Thanh Hóa:** Đề nghị sửa thành: *“Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của địa phương, UBND cấp tỉnh tổng hợp, lập danh mục các khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ đã chấp thuận cho các tổ chức, cá nhân tiếp nhận và các khu vực, địa điểm thuộc nhà nước quản lý đủ điều kiện tiếp nhận (nếu có)”*  **10) TPHCM:**  **-** Sửa đổi, bổ sung điểm c, khoản 1 như sau:*“c) Trong thời gian 15 ngày làm việc,* ***trên cơ sở ý kiến về khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu*** *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời cho các tổ chức, cá nhân về việc khu vực, địa điểm có đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản này.”*  - Đề nghị xem xét một số điều kiện của địa điểm tiếp nhận chất nạo vét, sửa đổi bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:  - Đối với nội dung quy định điều kiện về việc tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét hoặc có nhu cầu tiếp nhận chất nạo vét của các tổ chức, cá nhân không làm thay đổi mục đích sử dụng đất, cần xác định mục đích sử dụng đất nào theo giấy tờ pháp lý phù hợp cho việc tiếp nhận chất nạo vét.  - Do hoạt động đổ thải chất nạo vét có thể sẽ ảnh hưởng tới khu vực dân cư xung quanh (về mùi hôi, nước thải, các sự cố môi trường,…); do đó, ngoài việc tổ chức, cá nhân đề xuất tiếp nhận chất nạo vét, cần nghiên cứu sự cần thiết phải có ý kiến của địa phương nơi vị trí tiếp nhận chất nạo vét.  - Thực hiện phân định thành phần, tính chất chất nạo vét để quy định các loại chất nạo vét được đổ thải.  - Ý kiến tham vấn cộng đồng dân cư xung quanh khu vực tiếp nhận chất nạo vét; quy định khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu vực tiếp nhận chất nạo vét. | 1) Bảo lưu.  *Lý do:* Nội dung tại các điểm b, c, d, đ khoản 1 quy định đối với các đối tượng có vị trí đổ chất nạo vét có nhu cầu đưa vào danh mục khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ để UBND cấp tỉnh công bố. Nội dung tại khoản 3 Điều 8 quy định cho các tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét cho công trình, dự án của mình trên cơ sở danh mục khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét đã được UBND cấp tỉnh công bố tại khoản 1. Do vậy, việc ghép quy định với các đối tượng khác nhau vào cùng một khoản sẽ dễ dẫn đến dễ nhầm lẫn đối tượng áp dụng.  **2)** Trách nhiệm của Chủ đầu tư các dự án nạo vét, duy tu Khoản 2, Điều 7 và khoản 2, Điều 9 của dự thảo. Tiếp thu ý kiến bổ sung điểm d vào Khoản 3, Điều 8 dự thảo Nghị định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét.  **3)** Hiện nay theo quy định của Khoản 6, Điều 65, Luật Bảo vệ môi trường 2020 có quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển và Điều 47, Nghị định số 158/2018/NĐ-CP có quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh “Trước 30 tháng 01 hàng năm công bố địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ và ngoài biển thuộc phạm vi quản ly”. Tuy nhiên hiện nay nhiều tỉnh, thành phố chưa công bố cũng như không bố trí được vị trí đổ chất nạo vét cho các dự án, công trình nạo vét luồng hàng hải và khu nước, vùng nước cảng biển và đường thủy nội địa, dẫn đến các tổ chức cá nhân phải tìm kiếm các địa điểm đổ chất nạo vét trên địa bàn tỉnh, thành phố khác.  Tại Khoản 7, Điều 47, Nghị định số 158/2018/NĐ-CP cũng đã có quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng chất nạo vét đổ lên bờ theo quy định”. Có một số Luồng hàng hải và luồng đường thủy quốc gia đi qua địa giới hành chính của nhiều tỉnh thành phố, chất nạo vét được đổ lên địa phận tỉnh thành phố khác, thì thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép ở biển và giao khu vực biển là thuộc của Bộ TNMT, trong hội đồng thẩm định đều có đại diện của các tỉnh thành phố có liên quan đến dự án, công trình, ngoài ra, quá trình cấp phép nhận chìm ở biển, các tỉnh, thành phố đều có văn bản giới thiệu vị trí đổ chất nạo vét và nhận chìm.  Do đó không nên quy định cứng “Dự án tại địa phương nào thì đổ chất nạo vét tại địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ hoặc địa điểm nhận chìm chất nạo vét ở biển tại địa phương đó. Trường hợp địa phương có dự án không có vị trí tiếp nhận chất nạo vét phù hợp, phải đổ chất nạo vét tại địa phương khác thì phải có ý kiến thống nhất của địa phương có dự án và địa phương tiếp nhận chất nạo vét”. Điều này sẽ tạo thêm thủ tục hành chính nội bộ giữa các tỉnh, thành phố, kéo dài thời gian thực hiện dự án, công trình, gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân, không phù hợp với chủ trương cái cách và cắt giảm thủ tục của Chình phủ.  **4)** Việc Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của Sở Xây dựng theo đúng chức năng quản lý, phù hợp với chủ trương về ưu tiên tối đa việc sử dụng chất nạo vét để san lấp mặt bằng công trình ven biển là công việc nội bộ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, dự thảo Nghị định này không quy định cụ thể nhiệm vụ của các cơ quan thuộc UBND.  **5, 6, 8, 9)** Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý lại điểm b, c, e Khoản 1, Điều 8, dự thảo Nghị định như sau: *b) Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét hoặc có nhu cầu tiếp nhận chất nạo vét gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính văn bản đề nghị được chấp thuận khu vực, địa điểm, thời gian, thời hạn tiếp nhận chất nạo vét theo quy định tại Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*  *c) Trong thời gian 30 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời cho các tổ chức, cá nhân về việc khu vực, địa điểm có đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản này*  *e) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập danh mục các khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ đã chấp thuận cho các tổ chức, cá nhân tiếp nhận và các khu vực, địa điểm thuộc đất do nhà nước quản lý đủ điều kiện tiếp nhận (nếu có).*  **7)** Đã rà soát và chỉnh lý cụm từ “Mẫu số xx” thành “Biểu mẫu số….” phù hợp cụm từ được sử trong Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.  **10)** Việc UBND cấp huyện, Sở GTVT lấy ý kiến Sở TNMT tham mưu cho UBND cấp tỉnh, hay việc ý kiến của địa phương nơi vị trí tiếp nhận chất nạo vét và ý kiến tham vấn cộng đồng dân cư là công việc và quy trình nội bộ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, dự thảo Nghị định này không quy định cụ thể nhiệm vụ của các cơ quan thuộc UBND.  Điểm d đã có quy định: Việc tiếp nhận chất nạo vét của các tổ chức, cá nhân không làm thay đổi mục đích sử dụng đất.  Việc quy định về điều kiện của khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét tại điểm đ khoản 1 trên cơ sở thực tế triển khai thực hiện trong thời gian qua. | 1. Trình tự, thủ tục công bố khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ  a) Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đăng tải thông tin về nhu cầu tìm kiếm khu vực, địa điểm để đổ chất nạo vét trên địa bàn tỉnh trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  *b) Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét hoặc có nhu cầu tiếp nhận chất nạo vét gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính văn bản đề nghị được chấp thuận khu vực, địa điểm, thời gian, thời hạn tiếp nhận chất nạo vét theo quy định tại Biểu mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*  *c) Trong thời gian 30 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời cho các tổ chức, cá nhân về việc khu vực, địa điểm có đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản này.*  d) Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét hoặc có nhu cầu tiếp nhận chất nạo vét phải có giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất. Việc tiếp nhận chất nạo vét của các tổ chức, cá nhân không làm thay đổi mục đích sử dụng đất.  đ) Khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét phải đảm bảo có thể tiếp nhận toàn bộ hoặc một phần chất nạo vét của các công trình, dự án trên địa bàn hoặc các tỉnh lân cận, không có tranh chấp, không trong tình trạng đang chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc chuyển quyền sử dụng đất.  e) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp, lập danh mục các khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ đã chấp thuận cho các tổ chức, cá nhân tiếp nhận và các khu vực, địa điểm thuộc đất do nhà nước quản lý đủ điều kiện tiếp nhận (nếu có).  g) Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của địa phương và các khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ tại điểm e khoản 1 Điều này và hiện trạng sử dụng đất, chậm nhất sau 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố danh mục khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ thuộc phạm vi quản lý, trước ngày 15 tháng 11 hàng năm cập nhật bổ sung nếu có thay đổi so với khu vực, địa điểm đã được công bố. Việc công bố này phải được ban hành thành Quyết định và niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định *tại Biểu mẫu số 02* ban hành kèm theo Nghị định này*.* |
| *2. Công bố khu vực, địa điểm nhận chìm chất nạo vét ở biển* | **Bộ QP:**Bổ sung cụm từ *“bao gồm cả trong và ngoài vùng biển 06 hải lý”* vào sau cụm từ*“địa điểm nhận chìm chất nạo vét ở biển”* | *Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý tại dự thảo Nghị định* | *2. Công bố khu vực, địa điểm nhận chìm chất nạo vét ở biển bao gồm cả trong và ngoài vùng biển 06 hải lý* |
| *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố, niêm yết công khai danh mục khu vực, địa điểm nhận chìm chất nạo vét ở biển trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này, chậm nhất sau 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và trước ngày 15 tháng 11 hàng năm cập nhật bổ sung nếu có thay đổi so với khu vực, địa điểm đã được công bố.* | **1) Bình Định:** Đề nghị chỉnh sửa cho phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên môi trường biển và hải đảo và pháp luật về biển Việt Nam (Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP, Nghị định số 11/2021/NĐ-CP)[[2]](#footnote-2).  **2) Nam Định:** Đề nghị sửa đổi.  Lý do: Việc xác định khu vực, địa điểm nhận chìm chất nạo vét ở biển gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc do quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo năm 2015: *“3. Khu vực biển được sử dụng để nhận chìm phải phù hợp với quy hoạch sử dụng biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ”*; Khu vực nhận chìm chất nạo vét ở biển phải được xác định theo quy định kỹ thuật tại Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 và Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26/12/2022; việc xác định này rất phức tạp, nguồn lực của địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu để đánh giá, xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở biển. Nên việc đảm bảo thời gian chậm nhất sau 06 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, UBND tỉnh có trách nhiệm công bố, niêm yết công khai danh mục khu vực, địa điểm nhận chìm chất nạo vét ở biển là khó đảm bảo.  **3) Bộ QP:** Sửa cụm từ “mẫu số 02” thành “phụ lục số 02”.  **4) UBQLVNN:** Để đơn giản hóa thủ tục và tiết kiệm thời gian xin cấp phép nhận chìm, đề nghị bổ sung thêm nội dung như sau: ***“****Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy hoạch vị trí nhận chìm chất nạo vét ngoài biển quy định quy mô nhận chìm và mức thu phí của từng vị trí cụ thể; giao cho một đơn vị làm đầu mối quản lý, thu phí đổ thải của các đơn vị có nhu cầu đổ thải chất nạo vét****”.*** | **1)** Khoản 6, Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường có quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển, do đó việc quy định như dự thảo là hoàn toàn phù hợp Luật Bảo vệ môi trường 2020.  **2)** **3)** Đã tiến hành rà soát và chỉnh lý cụm từ “Mẫu số xxx” thành “Biểu mẫu số….” phù hợp cụm từ được sử trong Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và sửa như tại cột bên.  **4)**Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý tại Khoản 2, Điều 7 dự thảo theo hướng đơn giản hóa thủ tục và tiết kiệm thời gian xin cấp phép nhận chìm | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công bố, niêm yết công khai danh mục khu vực, địa điểm nhận chìm chất nạo vét ở biển trên trang thông tin điện tử và tại trụ sở của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại *Biểu mẫu số 02* ban hành kèm theo Nghị định này, chậm *nhất sau 01 (Một) năm* kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và trước ngày 15 tháng 11 hàng năm cập nhật bổ sung nếu có thay đổi so với khu vực, địa điểm đã được công bố. |
| *3. Trình tự, thủ tục cấp phép khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét* | **1) Quảng Ngãi:** Đây là giai đoạn ban đầu xin giới thiệu/thỏa thuận vị trí, địa điểm đổ chất nạo vét làm cơ sở để chủ dự án lập các thủ tục pháp lý tiếp theo (báo cáo đánh giá tác động môi trường, giao khu vực biển, cấp giấy phép nhận chìm ở biển,…), sử dụng từ *“cấp phép”* là chưa phù hợp; đề nghị chỉnh sửa tiêu đề thành *“Trình tự, thủ tục giới thiệu/thoả thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét”.* Đề nghị xem xét, bổ sung một điểm, đối với việc trình tự, thủ tục cấp phép giao khu vực nhận chìm ở biển thuộc thẩm quyền của Thủ tướng, Bộ Tài nguyên và Môi trường (ngoài 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm), thực hiện theo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên môi trường biển và hải đảo, pháp luật về biển Việt Nam.  **2) Bình Định:** Để tránh chồng lấn với các quy định liên quan, đề nghị chỉnh sửa nội dung cho phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên môi trường biển và hải đảo và pháp luật về biển Việt Nam như sau:  + Đề nghị giao khu vực biển để nhận chìm ở biển: phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 15, 16 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP.  + Đề nghị cấp giấy phép nhận chìm vật, chất nạo vét ở biển: phải thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Chương VIII Nghị định 40/2016/NĐ-CP. | **1)**Tiếp thu ý kiến và đã chỉnh lý như tại dự thảo.  **2)** Khoản 6, Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường có quy định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định khu vực, địa điểm đổ thải, nhận chìm đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển, do đó việc quy định trình tự, thủ tục chấp thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ và nhận chìm ở biển hoàn toàn phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường | *3. Trình tự, thủ tục chấp thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ và nhận chìm ở biển* |
| *a) Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư gửi trực tiếp văn bản đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác để được bố trí và chấp thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét cho công trình.* | **1) BĐATHH miền Bắc:** Đề nghị sửa đổi lại thành *"a) Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu chính văn bản đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để được bố trí khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trong các vị trí đã được công bố; chấp thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét do chủ đầu tư, nhà đầu tư chủ động đề xuất (nằm ngoài các vị trí đã được công bố).”*  **2) Bộ QP:** Trường hợp chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư đề xuất khu vực dự kiến nhận chìm chất nạo vét nằm ngoài phạm vi vùng biển 06 hải lý (khu vực thuộc thẩm quyền của Bộ TNMT về việc cấp giấy phép) thì CĐT hoặc NĐT gửi văn bản đến Bộ TNMT hay UBND cấp tỉnh để được bố trí và chấp thuận. | **1)** Đã tiến hành rà soát và chỉnh lý điểm a, Khoản 3 như tại dự thảo Nghị định.  **2)** Theo quy định tại Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm quy định vị trí đổ chất nạo vét và vị trí nhận chìm chất nạo vét. Do đó, với vị trí nằm ngoài vùng biển 6 hải lý, UBND cấp tỉnh vẫn là đơn vị quy định vị trí nhận chìm. Các tổ chức, cá nhân vẫn căn cứ vị trí đã được UBND cấp tỉnh chấp thuận để làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển theo quy định. | *a) Căn cứ danh mục khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét, nhận chìm chất nạo vét do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh công bố, Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư gửi trực tiếp văn bản đề nghị đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc qua đường bưu chính hoặc bằng hình thức phù hợp khác để được chấp thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét cho công trình. Trường hợp chưa có danh mục hoặc khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét đã được công bố không bảo đảm yếu tố kinh tế, kỹ thuật của dự án, công trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên cơ sở đề nghị của Chủ đầu tư.* |
| *b) Trong thời gian 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời về việc bố trí khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét phù hợp cho chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư dự án, công trình; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;* | **Tiền Giang:** Đề nghị chỉnh sửa như sau: *“Trong thời gian 30 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời về việc bố trí khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét phù hợp cho chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư dự án, công trình; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do”.*  Lý do: Để đảm bảo thời gian cho các cơ quan chuyên môn, các đơn vị trực thuộc của UBND cấp tỉnh kiểm ra, rà soát trước khi tham mưu UBND cấp tỉnh có văn bản trả lời. | Hoạt động nạo vét duy tu cần tranh thủ thời tiết và được triển khai thực hiện hàng năm, việc chấp thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét cho chủ đầu tư trên cơ sở danh mục đã được Ủy ban nhân dân tỉnh công bố, do đó việc quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính với thời gian 15 ngày là hoàn toàn phù hợp.  Đã tiến hành rà soát, bổ sung biểu mẫu văn bản chấp thuận và chỉnh lý điểm b, Khoản 3 như tại dự thảo Nghị định. | *b) Trong thời gian 15 ngày làm việc, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải có văn bản trả lời về việc bố trí khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét phù hợp cho chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư dự án, công trình ; trường hợp không chấp thuận phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.* |
| *c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét để tiếp nhận chất nạo vét.* |  |  | *c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét để tiếp nhận chất nạo vét.* |
|  |  | Đã tiến hành rà soát và bổ sung thêm điểm d) và khoản 4 để phù hợp với các điều khoản đã tiếp thu chỉnh sửa ở các khoản trên vào dự thảo Nghị định. | *d) Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý chất nạo vét đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.*  *4. Đối với việc bố trí khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét cho công trình nạo vét khẩn cấp*  *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét cho công trình nạo vét khẩn cấp ngay sau khi nhận được đề xuất của Chủ đầu tư.* |
| ***Điều 9. Quy định về quản lý chất nạo vét*** | **1) BĐATHH miền Bắc:** Đề xuất bổ sung một Điều 9a để có chỉ dẫn cụ thể việc áp dụng các quy định tại chương III đối với công tác nạo vét cơ bản và công tác nạo vét khẩn cấp từ nguồn NSNN vì theo cách trình bày hiện tại của dự thảo thì các quy định tại chương III chỉ áp dụng được cho công tác nạo vét duy tu; xem xét chuyển cả nội dung điểm b, khoản 2 Điều 12 lên thành một khoản của điều này.  **2) TPHCM:** Để xác định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư, đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 9 với nội dung sau:  “***1.* *Đối với các dự án nạo vét thực hiện theo hình thức nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản.***  *2. Chủ đầu tư các dự án nạo vét, duy tu trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa không thực hiện theo hình thức nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm quy định tại Chương IV Nghị định này không phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản.”* | ***2)*** Nội dung này đã được quy định tại khoản 2 Điều 23 | **Điều 8. Quy định về quản lý chất nạo vét** |
| *1. Chủ đầu tư các dự án nạo vét, duy tu trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa không thực hiện theo hình thức nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm quy định tại Chương IV Nghị định này không phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản.* | **Bộ Công Thương:** Đề nghị xem xét quy định hình thức nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm thực hiện theo các quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản.  **Hải Dương:** đề nghị cơ quan soạn thảo Nghị định cần nghiên  cứu thêm, với các lý do:  - Điều khoản này quy định đối với công trình khẩn cấp.  - Đối với những công trình theo trình tự thực hiện tại Điều 13 Chương III không quy định vận dụng theo khoản này. Trường hợp này được hiểu tính pháp lý của Nghị định ban hành cao hơn các quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản. | Nội dung này đã được quy định tại khoản 1, Điều 7, dự thảo Nghị định, nội dung của khoản này quy định đối với các dự án nạo vét, duy tu trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa không thực hiện theo hình thức nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm | *1. Dự án nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa không thực hiện theo hình thức nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm quy định tại Chương IV Nghị định này không phải thực hiện theo các quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản.* |
| *2. Sau khi kết thúc dự án, Chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo và bàn giao khối lượng chất nạo vét thi công thực tế và khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét cho cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét để quản lý theo thẩm quyền. Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét có trách nhiệm quản lý, sử dụng chất nạo vét và khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét theo quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản.* | **1) BĐATHH miền Nam:** Sửa đổi bổ sung: *“Sau khi kết thúc dự án, Chủ đầu tư có trách nhiệm thông báo và bàn giao khối lượng chất nạo vét thi công thực tế và khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét cho chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét để quản lý theo thẩm quyền. Chủ sở hữu địa điểm đổ chất nạo vét, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét có trách nhiệm quản lý, sử dụng chất nạo vét và khu vực, địa điểm* *đổ chất nạo vét theo quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản.”*  Lý do: Công tác nạo vét, duy tu luồng hàng hải là một nhiệm vụ thường xuyên để đảm bảo chuẩn tắc thiết kế của các tuyến luồng đáp ứng khả năng chạy tàu và an toàn hàng hải. Các Tổng công ty là đơn vị quản lý trực tiếp các tuyến luồng hàng hải, có kinh nghiệm lâu năm và năng lực thực hiện, việc chủ trì tổ chức triển khai trình tự thủ tục đầu tư trong công tác nạo vét, duy tu luồng hàng hải hàng năm vừa là trách nhiệm và vừa là nghĩa vụ của các Tổng công ty. Thực tế từ trước đến nay công tác nạo vét duy tu tất cả các tuyến luồng hàng hải đều do các Tổng công ty tổ chức thực hiện. Do vậy, đề xuất trên là hoàn toàn phù hợp với các văn bản hướng dẫn luật hiện hành, đồng thời mang tính kế thừa lịch sử quản lý, tổ chức thực hiện công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải của các Tổng công ty thực hiện từ trước đến nay.  **2) BĐATHH miền Bắc:** Đề nghị sửa đổi lại thành *"Đối với các công trình đổ chất nạo vét lên bờ, sau khi kết thúc dự án Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao lại khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét cho tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý sử dụng đất đồng thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền đã chấp thuận khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét về khối lượng chất nạo vét thi công thực tế để tổ chức quản lý theo thẩm quyền."*  **3) Hải Phòng:** Đề nghị xem xét phân cấp thẩm quyền chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét cho Sở TN&MT đối với các vị trí đổ chất nạo vét phù hợp các vị trí đã được UBND cấp tỉnh công bố theo quy định tại khoản 1 Điều 8 để đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án nạo vét.  Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân có bãi chứa chất nạo vét đồng thời tránh làm thất thu nguồn tài nguyên là chất nạo vét, đề nghị xem xét quy định cụ thể hoặc giao cho các Bộ, ngành có hướng dẫn cụ thể về quản lý, sử dụng chất nạo vét đổ trên bờ.  **4) Thanh Hóa:** Nội dung này chỉ mới quy định đối với việc đổ chất nạo vét trên bờ, chưa quy định đối với các vị trí nhận chìm chất nạo vét ở biển. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định việc bàn giao, quản lý chất nạo vét đối với trường hợp nhận chìm ở biển. | **1, 2)**Đã tiến hành rà soát và chỉnh lý lại như tại dự thảo.  **3)** Việc thực hiện phân cấp thẩm quyền chấp thuận vị trí đổ chất nạo vét cho Sở TN&MT đối với các vị trí đổ chất nạo vét phù hợp các vị trí đã được UBND cấp tỉnh công bố theo quy định tại khoản 1 Điều 8 theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, dự thảo Nghị định này không quy định.  **4)** Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung thêm một Khoản 3, cụ thể như tại cột bên. | *2. Đối với các dự án, công trình đổ chất nạo vét lên bờ, sau khi kết thúc dự án Chủ đầu tư có trách nhiệm bàn giao lại khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét và khối lượng chất nạo vét thi công thực tế cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp nhận, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về khối lượng chất nạo vét thi công thực tế để tổ chức quản lý theo quy định của pháp luật.*  *3. Sau khi hết thời gian nhận chìm và giao khu vực biển, Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi báo cáo đánh giá hoạt động nhận chìm của dự án, công trình tới Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển và giao khu vực biển.* |
| **Chương III**  **NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG VÀ LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC DO BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH QUẢN LÝ** | **Vụ PC:** Đề nghị nghiên cứu xem xét Chương III có bao gồm nạo vét cơ bản và nạo vét khẩn cấp từ nguồn ngân sách nhà nước không. | **Tiếp thu, tách thành 2 mục, trong đó mục 1 chỉ bao gồm công nạo vét duy tu** | **Chương III**  **NẠO VÉT LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG VÀ LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA DO BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH QUẢN LÝ** |
|  |  |  | **Mục 1**  **NẠO VÉT DUY TU TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** **CẤP CHO BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH** |
| **Điều 10. Nguyên tắc quản lý nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa từ nguồn ngân sách nhà nước** |  |  | **Điều 9. Nguyên tắc quản lý nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa từ nguồn ngân sách nhà nước** |
| Công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng nguồn ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý được nhà nước bảo đảm, bố trí từ nguồn vốn ngân sách hàng năm *hoặc từ các nguồn vốn hợp pháp khác* để thực hiện. | **Bộ TC:** Theo báo cáo của Bộ Giao thông vận tải, hoạt động nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng, đường thủy nội địa quốc gia và địa phương sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên (dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước). Qua rà soát, dự thảo Nghị định chưa nêu rõ hoạt động nạo vét duy tu các tuyền luồng hàng hải công cộng là nhiệm vụ thuộc dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên. Do vậy, đề nghị Bộ Giao thông vận tải bổ sung quy định này tại Nghị định.  **Bộ KHĐT:**  1. Các nguồn vốn hợp pháp khác như nêu tại Điều 10 của dự thảo Nghị định không khải là ngân sách nhà nước và không thuộc ngân sách nhà nước. Vì vậy, việc Nhà nước bố trí từ các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa không thể được coi là như là sử dụng ngân sách nhà nước. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu, bỏ cụm từ “hoặc từ các nguồn vốn hợp pháp khác” tại Điều 10. Trường hợp muốn thực hiện cơ chế quản lý công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác do Nhà nước bố trí tương tự như sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước thì quy định rõ tại Điều 1 về phạm vi điều chỉnh.  2. Đề nghị Bộ GTVT tải nghiên cứu, bổ sung nguyên tắc: Việc nạo vét nhằm khơi thông luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa và đảm bảo tránh lãng phí, thất thoát tài nguyên thiên nhiên của đất nước.  **UBND Hà Nội:** Công tác nạo vét, duy tu là công tác có tính chất phức tạp, có quy mô, khối lượng và nhu cầu kinh phí thực hiện lớn. Để đảm bảo đủ căn cứ trong việc bố trí ngân sách cho công tác nạo vét duy tu được cụ thể, rõ ràng, tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện của các địa phương, đề nghị nghiên cứu, có quy định rõ về nguồn vốn ngân sách được sử dụng để thực hiện (nguồn vốn đầu tư công hay nguồn chi thường xuyên hay có thể sử dụng cả hai nguồn vốn; trường hợp nào xử dụng nguồn vốn đầu tư công, trường hợp nào sử dụng nguồn chi thường xuyên). |  | Công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng nguồn ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý được nhà nước bảo đảm, bố trí từ nguồn vốn ngân sách hàng năm hoặc từ các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện. |
|  |  |  |  |
| **Điều 11. Phân công tổ chức thực hiện** | **Bộ NV:** Đề nghị cơ quan soạn thảo không quy định cụ thể tên các cơ quan tại dự thảo Nghị định (Ví dụ như tại Điều 11, Điều 14, Điều 15...), bảo đảm phù hợp với phân công của Chính phủ về quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực; đồng thời rà soát các quy định khác để thống nhất trong dự thảo.  **Vụ TC:** Khoản 1 Điều 39, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy đinh: *“Cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công hoặc cơ quan, đơn vị quản lý vận hành tài sản công có trách nhiệm thực hiện việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan, người có thẩm quyền …. ban hành”.* Do vậy, đề nghị xem xét, nghiên cứu các quy định tại Điều 11, dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp các quy định.  **Bộ TC:[[3]](#footnote-3)** đề nghị Bộ Giao thông vận tải rà soát, xây dựng việc tổ chức quản lý dự án đảm bảo đồng bộ với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu và thực tiễn triển khai.  **Bộ XD:[[4]](#footnote-4)** đề nghị Bộ GTVT xem xét lại việc quy định giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án cho “Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải” tại khoản 3 Điều 11 dự thảo, bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật về xây dựng | *Bộ NV:*  *- Hiện nay Cục HHVN và Cục ĐTNĐVN là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về HH và ĐTNĐ được giao quản lý, sử dụng tài sản KCHTHH, KCHTĐTNĐ theo quy định. Các quy định tại dự thảo phù hợp với Luật Quản lý sử dụng tài sản công.*  *- Ban QLDA chuyên ngành và Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải là đơn vị thuộc Bộ GTVT có đủ năng lực theo quy định của pháp luật được giao QLDA quy định trong Nghị định này là phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng.*  Việc quy định như dự thảo của nghị định không làm phát sinh bộ máy tổ chức mà tận dụng được năng lực kinh nghiệm của các cơ quan, đơn vị hiện nay thuộc Bộ GTVT. Do vậy đề nghị giữ nguyên tên các cơ quan như dự thảo để rõ ràng trong quá trình tổ chức thực hiện.  *Bộ XD: Tiếp thu* | **Điều 10. Phân công tổ chức thực hiện** |
| 1. Cơ quan giao kế hoạch, dự toán: | **Thanh Hóa:** Theo các quy định nêu trên thì đối với việc nạo vét duy tu trên các luồng đường thủy nội địa quốc gia phân cấp cho địa phương quản lý, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh là cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án, tuy nhiên việc giao kế hoạch bảo trì, dự toán chi ngân sách nhà nước lại thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải, đề nghị Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu sửa đổi quy định để đảm bảo thống nhất, phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Đồng thời theo quy định tại Luật Giao thông đường thuỷ nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2014 thì hiện nay chưa có nội dung quy định về việc phân cấp các tuyến đường thuỷ nội địa quốc gia cho địa phương quản lý, do đó để đảm bảo thống nhất, đồng bộ trong quá trình áp dụng các quy định theo Luật và Nghị định, đề nghị Bộ Giao thông vận tải tham mưu, báo cáo với cấp có thẩm quyền xem xét việc sửa đổi, bổ sung quy định về nội dung phân cấp tuyến đường thuỷ nội địa quốc gia cho địa phương quản lý trong Luật Giao thông đường thuỷ nội địa. | Theo Luật Tổ chức CQ địa phương, việc phân cấp các nhiệm vụ của Bộ GTVT cho địa phương được quy định bằng VBQPPL. Trường hợp Bộ GTVT phân cấp cho địa phương có thể được thực hiện bằng Thông tư do Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành, vì vậy không cần sửa đổi Luật GT ĐTNĐ đối với nội dung này. | 1. Cơ quan giao kế hoạch, dự toán: |
| *a) Bộ Giao thông vận tải giao kế hoạch bảo trì, dự toán chi ngân sách nhà nước đối với công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa quốc gia;* |  |  | a) Bộ Giao thông vận tải giao kế hoạch bảo trì, dự toán chi ngân sách nhà nước đối với công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa quốc gia; |
| *b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao kế hoạch bảo trì, dự toán chi ngân sách nhà nước đối với công tác nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa địa phương.* |  |  | *b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao kế hoạch bảo trì, dự toán chi ngân sách nhà nước đối với công tác nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa địa phương và luồng đường thuỷ nội địa quốc gia được phân cấp.* |
| *2. Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu các tuyến luồng đường thủy nội địa quốc gia) thực hiện thẩm quyền của chủ đầu tư và được ủy quyền thực hiện thẩm quyền người quyết định đầu tư (quy định tại các Điều 16 và 17 của Nghị định này).* | **Thanh Hóa:** Đề nghị sửa thành: *“Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia) thực hiện thẩm quyền của chủ đầu tư và được thực hiện các nhiệm vụ do Bộ Giao thông vận tải (là cấp quyết định đầu tư) ủy quyền (quy định tại các Điều 16 và 17 của Nghị định này).”*  **Vụ PC:** Đề nghị xem xét quy định rõ các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Bộ, Cục, Doanh nghiệp, Ban quản lý dự án được nêu tại khoản 2 Điều 11 của dự thảo; đề nghị quy định rõ ai là người quyết định đầu tư, ai là chủ đầu tư, ai là đại diện chủ đầu tư.  **Bộ NN:** Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc việc quy định cụ thể các đơn vị thuộc Bộ tại dự thảo Nghị định, chỉ nên để chung là Bộ GTVT để thuận tiện cho hoạt động chỉ đạo, điều hành của Bộ. Việc giao các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện thẩm quyền của chủ đầu tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, không cần thiết quy định tại văn bản của Chính phủ. Tương tự, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại khoản 2 Điều 15 dự thảo Nghị định.  **Bộ KHĐT:[[5]](#footnote-5)** Đề nghị Bộ Giao thông vận tải làm rõ vai trò của người có thẩm quyền (người quyết định đầu tư), chủ đầu tư, đại diện của chủ đầu tư để tránh mâu thuẫn với quy định của pháp luật về đấu thầu. | *Tiếp thu, chỉnh sửa*  *Hiện nay Cục HHVN và Cục ĐTNĐVN là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về HH và ĐTNĐ được giao quản lý, sử dụng tài sản KCHTHH, KCHTĐTNĐ theo quy định. Các quy định tại dự thảo phù hợp với Luật Quản lý sử dụng tài sản công. Ban QLDA chuyên ngành và Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải là đơn vị thuộc Bộ GTVT có đủ năng lực theo quy định của pháp luật được giao QLDA quy định trong Nghị định này là phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng.*  Việc quy định như dự thảo của nghị định không làm phát sinh bộ máy tổ chức mà tận dụng được năng lực kinh nghiệm của các cơ quan, đơn vị hiện nay thuộc Bộ GTVT. Do vậy đề nghị giữ nguyên tên các cơ quan như dự thảo để rõ ràng trong quá trình tổ chức thực hiện. | *2. Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu các tuyến luồng đường thủy nội địa quốc gia): thực hiện thẩm quyền của chủ đầu tư; thực hiện thẩm quyền của người quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng khi được Bộ Giao thông vận tải uỷ quyền* |
| *3. Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án cho Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, Ban quản lý dự án chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải trên cơ sở đề xuất của Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia) hoặc chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc hoặc lựa chọn nhà thầu tư vấn theo quy định để thực hiện quản lý dự án.*  *Đại diện chủ đầu tư thực hiện các nội dung công việc quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19, 21 của Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về các công việc, nhiệm vụ được giao theo quy định.* | **Bộ KHĐT[[6]](#footnote-6):** đề nghị Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, rà soát việc giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án đối việc nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, Ban Quản lý dự án chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải.  **Vụ TC:** Qua rà soát dự thảo, chưa thấy có quy định nào liên quan đến việc *“đảm bảo nguồn lực”* cho các đơn vị được giao nhiệm vụ trên thực hiện nhiệm vụ.  **BĐATHH miền Bắc:** Đề nghị sửa đổi lại thành:  **+ Phương án 1** (phương án kiến nghị của Tổng công ty - giữ ổn định cơ chế tổ chức thực hiện):  *"a. Chủ đầu tư (theo quy định tại khoản 2) đề xuất để Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án cho Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải hoặc Ban quản lý dự án chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải.*  *b. Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý dự án sau đây gọi là Đại diện chủ đầu tư thực hiện các nội dung công việc quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19, 21 của Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về các công việc, nhiệm vụ được giao theo quy định."*  **+ Phương án 2:**  *"a. Chủ đầu tư (theo quy định tại khoản 2) đề xuất để Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án cho Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, Ban quản lý dự án chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải hoặc cho phép lựa chọn nhà thầu tư vấn hoặc sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc để thực hiện quản lý dự án. b. Đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý dự án sau đây gọi là Đại diện chủ đầu tư thực hiện các nội dung công việc quy định tại các Điều 16, 17, 18, 19, 21 của Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư về các công việc, nhiệm vụ được giao theo quy định. Trường hợp chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc để quản lý dự án thì Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện các nội dung này."*  **UBQLVNN:** Đề nghị Bộ GTVT xem xét bỏ nội dung này vì chưa tuân thủ các quy định hiện hành (khoản 19 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi Điều 62 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và điểm b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP).  **Vụ PC:** Đề nghị xem lại khoản 3 Điều 11 về việc bổ sung Ban Quản lý dự án chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải để phù hợp với khoản 2 Điều 62 Luật Xây dựng 2020; mặt khác đề nghị làm rõ việc giao cho tổng công ty, ban quản lý dự án dựa trên cơ sở, tiêu chuẩn, tiêu chí nào. Các tổng công ty, ban quản lý dự án có thể từ chối nhận nhiệm vụ được không.  **Bộ NN:** Đề nghị xem xét lại một số nội dung tại khoản 3 Điều 11 dự thảo Nghị định như: “Bộ Giao thông vận tải *giao nhiệm vụ*thực hiện quản lý dự án cho *Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công bảo đảm an toàn hàng hải*...” để phù hợp với các quy định của pháp luật về xây dựng và thống nhất Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.  **Ban QLDAHH:** Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại quy định về việc tổ chức quản lý dự án ĐTXD đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng quy định các hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng tại khoản 2 Điều 62 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. | *Tiếp thu*  Hình thức quản lý dự án công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, ĐTNĐ quốc gia áp dụng hình thức “Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành” theo điểm a khoản 1 Điều 62 được sửa đổi tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật Xây dựng: *“Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, người đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp nhà nước quyết định thành lập BQLDA đầu tư xây dựng chuyên ngành, BQLDA đầu tư xây dựng khu vực để quản lý một số dự án thuộc cùng chuyên ngành, tuyến công trình hoặc trên cùng một địa bàn”*. Hiện nay Bộ GTVT có các BQLDA chuyên ngành (hàng hải, đường thủy); hai Tổng công ty BĐATHH là các Tổng công ty nhà nước có ngành nghề QLDA và cũng có các BQLDA chuyên ngành được thành lập. Vì vậy, nội dung tại khoản này đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật về xây dựng (người quyết định đầu tư, chủ đầu tư và hình thức quản lý dự án); Phù hợp với hình thức tổ chức QLDA đầu tư xây dựng quy định tại pháp luật về xây dựng và đặc thù của hoạt động nạo vét. |  |
| 4. Đối với công tác nạo vét duy tu các luồng đường thủy nội địa địa phương, *đường thủy nội địa quốc gia được phân cấp cho địa phương quản lý*:  Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền của người quyết định đầu tư, Sở Giao thông vận tải thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư. | **Hưng Yên:** Bổ sung cụm từ *“hoặc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng”* và sửa lại như sau: “*Đối với công tác nạo vét duy tu các luồng đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa quốc gia được phân cấp cho địa phương quản lý: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền của người quyết định đầu tư, Sở Giao thông vận tải (hoặc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng) thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư.”* | Tiếp thu, chỉnh sửa | *3. Đối với công tác nạo vét duy tu các luồng đường thủy nội địa địa phương, luồng đường thủy nội địa quốc gia được phân cấp cho địa phương quản lý (gọi chung là luồng đường thuỷ nội địa do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quản lý): Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền của người quyết định đầu tư và giao nhiệm vụ cho cơ quan, đơn vị trực thuộc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thẩm quyền của chủ đầu tư.* |
| **Điều 12. Hình thức thực hiện** |  |  | **Điều 11. Hình thức thực hiện** |
| 1. Hình thức nạo vét luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, gồm: | **BĐATHH miền Bắc:** Đề nghị sửa đổi lại thành *"1. Hình thức nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, gồm:* | Tiếp thu, sửa thành *“Hình thức nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, gồm:”* | 1. Hình thức nạo vét *duy tu* luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng nguồn ngân sách nhà nước, gồm: |
| *a) Nạo vét theo khối lượng thực tế gồm: Nạo vét duy tu hàng năm; nạo vét khẩn cấp.* | *a) Bảo trì theo khối lượng thực tế (khối lượng nạo vét được xác định theo thực tế thực hiện trên cơ sở kết quả đo đạc bàn giao mặt bằng trước khi thi công và đo đạc nghiệm thu sau khi kết thúc thi công) gồm: Nạo vét duy tu hàng năm; nạo vét khẩn cấp* | Đề nghị giữ nguyên | a) Nạo vét theo khối lượng thực tế gồm: Nạo vét duy tu hàng năm; nạo vét khẩn cấp. |
| b) Nạo vét theo chất lượng thực hiện: Nạo vét duy tu khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định. | *b) Bảo trì theo chất lượng thực hiện: Nạo vét duy tu khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định.”* | Đề nghị giữ nguyên | b) Nạo vét theo chất lượng thực hiện: Nạo vét duy tu khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định. |
| 2. Bộ Giao thông vận tải: | **BĐATHH miền Bắc:** Đề nghị sửa đổi lại thành “*2.* *Bộ Giao thông vận tải quyết định cụ thể về hình thức thực hiện nạo vét duy tu đối với từng tuyến luồng hàng hải công cộng và luồng đường thuỷ nội địa quốc gia.”* | Đề nghị giữ nguyên | 2. Bộ Giao thông vận tải:  luồng đường thủy nội địa quốc gia; |
| a) Quyết định hình thức thực hiện nạo vét duy tu đối với các tuyến luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa quốc gia. |  |  | a) Quyết định hình thức thực hiện nạo vét duy tu đối với các tuyến luồng hàng hải công cộng và |
| *b) Quy định chi tiết về nạo vét duy tu khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định; nạo vét khẩn cấp.* | **Quảng Ngãi:** Đề nghị quy định chi tiết trực tiếp vào Dự thảo, đồng thời quy định phân cấp, phân quyền cho địa phương thực hiện nạo vét khẩn cấp trong một số trường hợp đặc biệt thuộc phạm vi điều chỉnh của Dự thảo.  **Bộ NN:**cơ quan chủ trì soạn thảo dự kiến uỷ quyền quy định chi tiết một số nội dung cho Bộ Giao thông vận tải, gồm: **(i)** quy định chi tiết về nạo vét duy tu khoán duy trì *chuẩn tắc* trong khoảng thời gian xác định; nạo vét khẩn cấp (điểm b khoản 2 Điều 12) | Tiếp thu, sau khi Nghị định ban hành, Bộ GTVT sẽ xây dựng Thông tư quy định nội dung chi tiết. | b) Quy định chi tiết về nạo vét duy tu khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định; nạo vét khẩn cấp. |
| 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể về hình thức thực hiện nạo vét duy tu đối với luồng đường thủy nội địa địa phương. |  | Do bổ sung thêm *đường thủy nội địa quốc gia được phân cấp cho địa phương quản lý*. | 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể về hình thức thực hiện nạo vét duy tu đối với luồng đường thủy nội địa *do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.* |
| **Điều 13. Trình tự thực hiện** |  |  | **Điều 12. Trình tự thực hiện** |
| Nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo các bước sau: |  |  | Nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo các bước sau: |
| 1. Lập kế hoạch bảo trì. |  |  | 1. Lập kế hoạch bảo trì *theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.* |
| 2. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước. |  |  | 2. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước *theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.* |
| 3. Thủ tục về bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại *Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định này.* | **Lạng Sơn:** Đề nghị xem xét, chỉnh sửa như sau: *“Thực hiện các thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định này”.* | Tiếp thu, chỉnh sửa. | 3. Thực hiện *các thủ tục về bảo vệ môi trường* theo quy định tại *các Điều 6, 7 và 8 Nghị định này.* |
| 4. Lập thiết kế, dự toán công trình. |  | Công trình nạo vét duy tu thực hiện thiết kế 1 bước | 4. Lập thiết kế *bản vẽ thi công*, dự toán công trình *theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.* |
| 5. Tổ chức lựa chọn nhà thầu. |  |  | 5. Tổ chức lựa chọn nhà thầu *theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.* |
| 6. Bàn giao mặt bằng, tổ chức thi công công trình và kiểm tra giám sát. |  |  | 6. Bàn giao mặt bằng, tổ chức thi công công trình và kiểm tra giám sát *theo quy định tại các Điều 17, 18 và 19 Nghị định này.* |
| 7. Nghiệm thu công trình. |  |  | 7. Nghiệm thu công trình *theo quy định tại Điều 20 Nghị định này.* |
| 8. Thanh toán, quyết toán công trình. |  |  | 8. Thanh toán, quyết toán công trình *theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.* |
| **Điều 14. Lập kế hoạch bảo trì** |  |  | **Điều 13. Lập kế hoạch bảo trì** |
| *1. Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam lập kế hoạch và kinh phí dự kiến nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, đường thủy nội địa quốc gia trong kế hoạch bảo trì công trình hàng hải, đường thủy nội địa hằng năm trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận.* | **Vụ PC:** Về quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 15, có bao gồm kinh phí nạo vét cơ bản và nạo vét khẩn cấp không, hay chỉ bao gồm nạo vét duy tu thôi? | Việc lập KH bảo trì chỉ thực hiện cho công tác nạo vét duy tu từ nguồn NSNN chi thường xuyên cho hoạt động HH, ĐTNĐ không bao gồm nạo vét khẩn cấp, nạo vét cơ bản. | 1. Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam lập kế hoạch và kinh phí dự kiến nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, đường thủy nội địa quốc gia trong kế hoạch bảo trì công trình hàng hải, đường thủy nội địa hằng năm trình Bộ Giao thông vận tải chấp thuận. |
| *2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và phê duyệt kế hoạch bảo trì luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.* | **Lạng Sơn:** Đề nghị chỉnh sửa như sau: *“Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý”*  **Hoà Bình:** *“2. Sở Giao thông vận tải lập trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý”.*  **UBND Hà Nội:** Đề nghị sửa thành: “Sở Giao thông vận tải tổ chức lập và trình UBND cấp tỉnh tổ chức phê duyệt kế hoạch bảo trì luồng đường thủy nội địa do UBND cấp tỉnh quản lý” | Tiếp thu, sửa thành: | *2. Chủ đầu tư lập và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch bảo trì luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.* |
| **Điều 15. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước** |  |  | **Điều 14. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước** |
| 1. Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam lập dự toán chi ngân sách nhà nước trình Bộ Giao thông vận tải tổng hợp dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định. |  |  | 1. Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam lập dự toán chi ngân sách nhà nước trình Bộ Giao thông vận tải tổng hợp dự toán chi ngân sách nhà nước theo quy định. |
| 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước *được* giao, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho Cục Hàng hải Việt Nam và Cục Đường thủy nội địa Việt Nam. Việc giao dự toán chi các công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa căn cứ trên kế hoạch bảo trì công trình hàng hải, đường thủy nội địa được duyệt; không bắt buộc phải có dự toán công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt. |  |  | 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao, Bộ Giao thông vận tải giao dự toán chi ngân sách nhà nước cho Cục Hàng hải Việt Nam và Cục Đường thủy nội địa Việt Nam. Việc giao dự toán chi các công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa căn cứ trên kế hoạch bảo trì công trình hàng hải, đường thủy nội địa được duyệt; không phải phê duyệt dự toán công trình. |
| *3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và giao dự toán chi cho các công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.* | **Hoà Bình:** *“3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Giao thông vận tải lập trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao dự toán chi cho các công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.”*  **UBND Hà Nội:** Đề nghị sửa thành: “Sở GTVT là cơ quan lập dự toán; trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, UBND cấp tỉnh quyết định giao dự toán theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước”. | Tiếp thu, sửa thành | *3. Chủ đầu tư lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao dự toán chi cho các công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.* |
| **Điều 16. Thiết kế, dự toán công trình** |  |  | **Điều 15. Thiết kế *bản vẽ thi công,* dự toán công trình** |
| 1. Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán được lập trên cơ sở bình đồ khảo sát thông báo độ sâu luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa gần nhất nhưng không quá 06 tháng tính đến thời điểm duyệt thiết kế; trường hợp thông báo hàng hải, luồng đường thủy nội địa quá 06 tháng tính đến thời điểm duyệt thiết kế hoặc không có số liệu thông báo hàng hải, luồng đường thủy nội địa phải tiến hành khảo sát để lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán. Khối lượng nạo vét thiết kế bao gồm khối lượng nạo vét tính toán đến chuẩn tắc thiết kế, khối lượng nạo vét vượt quá so với chuẩn tắc thiết kế và khối lượng sa bồi dự kiến từ thời điểm khảo sát đo đạc thông báo hàng hải, luồng đường thủy nội địa quốc gia đến thời điểm khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng; không thực hiện bước lập dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật và bước thẩm định, kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng; | **Thanh Hóa:** Chưa phù hợp và thống nhất với quy định tại Điều 54 của của Luật Xây dựng: *“tuỳ theo tính chất, quy mô của từng loại công trình, thiết kế xây dựng công trình có thể được lập một bước, hai bước hoặc ba bước”*; đề nghị nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung quy định để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Xây dựng.  **Bộ XD:** Đề nghị Bộ Giao thông vận tải làm rõ cơ sở pháp lý trong việc chỉ quy định được thực hiện thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng đối với công tác nạo vét duy tu công trình mà không thực hiện đầy đủ trình tự về đầu tư xây dựng (từ lập, thẩm định, phê duyệt dự án; lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng; nghiệm thu công trình xây dựng). | Do đặc thù của hiện tượng sa bồi là thường xuyên liên tục nên theo quy trình thực hiện công tác nạo vét để đưa ra con số chính xác về khối lượng nạo vét thì thời điểm thực hiện khảo sát lập bình đồ độ sâu phục vụ tính toán thiết kế phải trong vòng dưới 10 ngày trước khi thi công nạo vét và tương tự bình đồ nghiệm thu phải sau không quá 10 ngày kể từ khi chấm dứt việc nạo vét duy tu. Tuy nhiên, thời gian để hoàn thành được công tác lập thiết kế dự toán, thẩm tra và thẩm định phê duyệt thiết kế nạo vét duy tu thực tế thường không thể hoàn thành được trong thời gian 10 ngày đã nêu trên. Do vậy bình đồ đo đạc sử dụng trong khi lập thiết kế dự toán đã trở nên lạc hậu ngay sau khi hoàn thành giai đoạn phê duyệt và để chính xác được khối lượng thực tế thi công của nhà thầu, khi bàn giao mặt bằng cần phải đo đạc để tính toán lại một lần nữa. Như vậy cần thiết phải có biện pháp rút ngắn thời gian lập và thẩm định phê duyệt dự án và điều chỉnh tỷ lệ phần trăm dự phòng chi cho khối lượng phát sinh trong quá trình thi công nạo vét cho phù hợp với đặc thù của tuyến luồng và thời gian thi công nạo vét. Sau khi thiết kế dự toán được phê duyệt thì phải khẩn trương thi công ngay để hạn chế tối đa phát sinh và điều chỉnh. Thêm vào đó, việc thiết kế nạo vét đồng đều toàn tuyến là không xét đến các đoạn có hệ số bồi lấp khác nhau nên qua một thời gian ngắn sau kỳ nạo vét một số đoạn bị bồi lấp mạnh, tuy khối lượng nạo vét chưa nhiều nhưng độ sâu khai thác luồng bị giảm dẫn đến hiệu quả đầu tư thấp.  Do tính đặc thù trong lĩnh vực hàng hải, đường thủy nội địa nên xây dựng quy định theo hướng quản lý chặt chẽ, chú trọng công tác giám sát đổ thải, quy định cụ thể về trình tự, hình thức thực hiện,... theo hướng rút gọn thủ tục để đáp ứng yêu cầu tiến độ, chất lượng như: Quy định không thực hiện bước lập dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật; bước thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng. Do công tác thi công nạo vét duy tu luồng được thực hiện lập lại hàng năm, không thay đổi chuẩn tắc, quy mô chỉ thay đổi về chi phí theo thực tế. Một số nội dung trong bước lập dự án như các dự án thông thường không cần thiết thực hiện, chẳng hạn như: không phải làm rõ sự cần thiết và chủ trương đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô, địa điểm, thiết kế cơ sở, thiết kế công nghệ,…,. Mặt khác, đặc thù của các công trình nạo vét duy tu luồng là chịu ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt, mang tính cấp bách, khẩn trương, do vậy nếu không phải thực hiện bước lập dự án, bước thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng sẽ tranh thủ được thời điểm thuận lợi để thi công. | 1. Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán được lập trên cơ sở bình đồ khảo sát thông báo độ sâu luồng hàng hải, luồng đường thủy nội địa *được thực hiện gần nhất hoặc tiến hành khảo sát để lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.* ~~nhưng không quá 06 tháng tính đến thời điểm duyệt thiết kế; trường hợp thông báo hàng hải, luồng đường thủy nội địa quá 06 tháng tính đến thời điểm duyệt thiết kế hoặc không có số liệu thông báo hàng hải, luồng đường thủy nội địa phải tiến hành khảo sát để lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.~~ Khối lượng nạo vét thiết kế gồm *khối lượng tính toán theo yêu cầu của tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình* và khối lượng sa bồi dự kiến từ thời điểm khảo sát đo đạc thông báo hàng hải, luồng đường thủy nội địa quốc gia đến thời điểm khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng; không thực hiện bước lập dự án hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật và bước thẩm định, kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng; |
| 2. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình | **Cục QLĐTXD:** đề nghị rà soát:  - Đảm bảo thống nhất nội dung đối với Cục Hàng hải Việt Nam và Cục Đường thuỷ nội địa Việt Nam;  - Xem xét diễn giải theo hướng tổng quát, nhóm các công việc có liên quan: Đơn vị quản lý dự án tổ chức lập và trình Cục Hàng hải Việt Nam/Cục Đường thuỷ nội địa Việt Nam thẩm định phê duyệt thiết kế xây dựng, nhiệm vụ và dự toán chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí quản lý dự án, chi phí khác và các nhiệm vụ khác được Chủ đầu tư giao nhiệm vụ, ủy quyền hoặc các nhiệm vụ theo hợp đồng quản lý dự án ký với chủ đầu tư. | Nghiên cứu tiếp thu, viết gộp điểm a và điểm b như dưới đây: | *2. Lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình* |
| a*) Đại diện chủ đầu tư tổ chức lập và trình Cục Hàng hải Việt Nam thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình, dự toán chi phí bảo vệ môi trường, dự toán chi phí dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS phục vụ quản lý phương tiện thi công và vận chuyển chất nạo vét, dự toán chi phí thực hiện phương án bảo đảm an toàn hàng hải (nếu có), đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng, đề cương giám sát, đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát nghiệm thu công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và các nhiệm vụ khác theo hợp đồng quản lý dự án ký với chủ đầu tư.* | **Ban QLDAHH:** Để đảm bảo tính đồng bộ phương thức, phân công tổ chức thực hiện trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình, kính đề nghị Bộ GTVT xem xét nội dung thực hiện phân cấp, ủy quyền cho đại diện Chủ đầu tư thực hiện các thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ đầu tư quy định trong việc thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán (các nhiệm vụ nêu trên Bộ GTVT đã phân cấp, ủy quyền cho các Cục chuyên ngành và Ban QLDA chuyên ngành trực thuộc thực hiện gồm cả các dự án do Bộ GTVT làm Chủ đầu tư tại Quyết định số 729/QĐ-BGTVT ngày 15/6/2023). | Các nhiệm vụ của đại diện chủ đầu tư trong việc quản lý dự án sẽ được quy định cụ thể tại Hợp đồng QLDA ký giữa chủ đầu tư và đại diện chủ đầu tư. | *a) Đại diện chủ đầu tư tổ chức lập và trình chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình, dự toán chi phí bảo vệ môi trường (nếu có), dự toán chi phí dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS phục vụ quản lý phương tiện thi công và vận chuyển chất nạo vét, dự toán chi phí thực hiện phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thuỷ nội địa (nếu có), phương án, dự toán rà phá bom mìn, vật nổ công trình (nếu có); đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng, đề cương giám sát, đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát nghiệm thu công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, luồng đường thuỷ nội địa quốc gia và các nhiệm vụ khác theo hợp đồng quản lý dự án ký với chủ đầu tư.* |
| b) *Đại diện Chủ đầu tư* tổ chức lập và trình Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thẩm định, phê duyệt: đề cương nhiệm vụ và dự toán khảo sát khảo sát *phục vụ* lập thiết kế bản vẽ thi công; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình; dự toán chi phí bảo vệ môi trường (nếu có); *phương án, dự toán rà phá bom mìn, vật nổ công trình; phương án, dự toán chi phí dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS phục vụ quản lý phương tiện thi công và vận chuyển chất nạo vét*; đề cương giám sát, đề cương nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát nghiệm thu công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia *và các nhiệm vụ khác theo hợp đồng quản lý dự án ký với chủ đầu tư.* |  | (Đã gộp chung khoản a và b) |  |
| *c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.* | **Trà Vinh:** Đề nghị sửa thành: *“Sở Giao thông vận tải lập và trình thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý”.*  Lý do: Tại khoản 4 Điều 11, Sở GTVT được phân công nhiệm vụ chủ đầu tư.  **Hoà Bình:** *“c) Sở Giao thông vận tải tổ chức lập, thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thiết kế, dự toán công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.”* | Tiếp thu, sửa thành: | *b) Chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.* |
| **Điều 17. Tổ chức lựa chọn nhà thầu** |  |  | **Điều 16. Tổ chức lựa chọn nhà thầu** |
| 1. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu |  |  | 1. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu |
| a) *Đại diện chủ đầu tư lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu các tuyến luồng đường thủy nội địa quốc gia) thẩm định, phê duyệt theo quy định.* |  |  | *a) Đối với công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia, đại diện chủ đầu tư trình chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt theo quy định.* |
| b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thẩm định, phê duyệt theo quy định *đối với công trình nạo vét duy tu đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.* | **Lạng Sơn:** Đề nghị xem xét, chỉnh sửa như sau: *“Sở Giao thông vận tải tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định đối với công trình nạo vét duy tu đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý”* để phù hợp với nhiệm vụ Chủ đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 11 dự thảo Nghị định.  Trà Vinh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu, thẩm định, phê duyệt theo quy định *đối với công trình nạo vét duy tu đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.*  **Trà Vinh:** Đề nghị sửa thành: *“Sở Giao thông vận tải tổ chức lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và trình thẩm định, phê duyệt theo quy định đối với công trình nạo vét duy tu đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.”*  Lý do: Theo quy định tại Điều 36 Luật Đấu thầu thì trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu là chủ đầu tư.  **Hoà Bình:** *“b) Sở Giao thông vận tải tổ chức lập trình Sở kế hoạch và Đầu tư thẩm định để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định đối với công trình nạo vét duy tu đường thủy nội địa do* *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý”.* | Tiếp thu, sửa thành: | *b) Đối với công trình nạo vét duy tu đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, chủ đầu tư lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định, phê duyệt theo quy định.* |
| 2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu | **BĐATHH miền Bắc:** Đề xuất bổ sung điểm c quy định cho phép cả các doanh nghiệp không thuộc nhóm cấp nhỏ và siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp được tham gia đấu thầu các gói thầu nạo vét duy tu có giá gói thầu không quá 5 tỷ đồng.  **Hải Dương:** Đề nghị cơ quan soạn thảo xác định cụ thể hơn trường hợp nào quy định tổ chức lựa chọn nhà thầu. Đối với các loại sản phẩm qua nạo vét thu hồi được và có giá trị sử dụng, về nguyên tắc, sản phẩm đó phải được đấu giá. Do vậy: Nếu lựa chọn hình thức đấu thầu thì vẫn chưa rõ nguyên tắc.  - Loại hình hoạt động “nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm” tương đối phức tạp khi xác định tiêu chí lựa chọn Nhà thầu về mặt tài chính. Đề nghị lấy ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham gia quy định cụ thể về quy trình, nguyên tắc xác định giá gói thầu, nguyên tắc thanh toán đối với loại hợp đồng này. | Không bổ sung, vì đã có quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 10 Luật Đấu thầu 2023. | 2. Tổ chức lựa chọn nhà thầu |
| *a) Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu các tuyến luồng đường thủy nội địa quốc gia) thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền, chủ đầu tư trong lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu đối với công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng. Đại diện chủ đầu tư thực hiện một số trách nhiệm trong lựa chọn nhà thầu theo nhiệm vụ được giao trong hợp đồng quản lý dự án.* | **Cục QLĐTXD:** Đề nghị rà soát, điều chỉnh: *“…đối với công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, đường thủy nội địa quốc gia”.*  **Vụ KHĐT:**Đề nghị rà soát, điều chỉnh: *“…đối với công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, đường thủy nội địa quốc gia”.*  **Vụ PC:** Đề nghị quy định rõ khái niệm và nội dung của Hợp đồng quản lý dự án được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 17; đồng thời quy định trách nhiệm của các bên tại các Điều 18, 19, 20, 21 phù hợp với nội dung của Hợp đồng. | Tiếp thu ý kiến Cục QLĐTXD và Vụ KHĐT  Khái niệm và nội dung của Hợp đồng quản lý dự án tuân theo quy định pháp luật về hợp đồng. Trong hợp đồng sẽ quy định chi tiết trách nhiệm các bên theo quy định pháp luật. | *a) Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thực hiện trách nhiệm của chủ đầu tư trong lựa chọn nhà thầu; Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thuỷ nội địa Việt Nam thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền theo quy định của Luật Đấu thầu đối với công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, luồng đường thuỷ nội địa quốc gia.* Đại diện chủ đầu tư thực hiện một số trách nhiệm của *bên mời thầu* trong lựa chọn nhà thầu theo nhiệm vụ được giao trong hợp đồng quản lý dự án. |
| *b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.* | **Hoà Bình:** *“b) Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý”.* | Tiếp thu, sửa thành: *“Sở Giao thông vận tải (hoặc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng) tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu đối với công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý”.* | *b) Chủ đầu tư tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu theo quy định đối với công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.* |
|  | **BĐATHH miền Bắc:** Đề xuất xem xét bổ sung thêm **khoản 3** quy định về Hợp đồng trong công tác nạo vét duy tu (hiện nay trong dự thảo nghị định chưa có hướng dẫn về nội dung này) quy định hợp đồng thi công nạo vét đối với hình thức bảo trì theo khối lượng thực tế sử dụng hình thức hợp đồng theo đơn giá cố định.  **Ban QLDAHH:** Để thống nhất, phù hợp với các quy định về quản lý hợp đồng và quản lý thi công xây dựng công trình: xem xét bổ sung nội dung việc quản lý hợp đồng và quản lý thi công xây dựng công trình vào Dự thảo Nghị định: *Chủ đầu tư chịu trách nhiệm ký hợp đồng (hoặc phân cấp, ủy quyền cho đại diện Chủ đầu tư) với nhà thầu thi công, nhà thầu tư vấn theo quy định tại Luật Xây dựng, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn.* | *Tiếp thu, bổ sung khoản 3 như sau:* | *3. Chủ đầu tư ký kết hoặc ủy quyền ký kết và quản lý hợp đồng với nhà thầu theo quy định pháp luật.* |
| **Điều 18. Bàn giao mặt bằng thi công** |  |  | **Điều 17. Bàn giao mặt bằng thi công** |
| 1. Công tác đo đạc bàn giao mặt bằng được triển khai trước thời điểm bắt đầu thi công nạo vét tối đa không quá 15 ngày. Khối lượng bàn giao mặt bằng là căn cứ để xác định giá trị hợp đồng chính thức. |  |  | 1. Công tác đo đạc bàn giao mặt bằng được triển khai trước thời điểm bắt đầu thi công nạo vét tối đa không quá 15 ngày. Khối lượng bàn giao mặt bằng là căn cứ để xác định giá trị hợp đồng chính thức. |
| 2. Đối với công tác nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng: |  | Chỉnh sửa, bổ sung | *2. Đối với công tác nạo vét duy tu tuyến luồng hàng hải công cộng, tuyến luồng đường thủy nội địa quốc gia:* |
| *a) Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu các tuyến luồng đường thủy nội địa quốc gia) chủ trì tổ chức thực hiện khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng; kiểm tra trình tự, thủ tục và quá trình thực hiện của các đơn vị theo đề cương được duyệt (nếu có).* |  |  | *a) Chủ đầu tư tổ chức thực hiện công tác khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng;* |
| *b) Cục Hàng hải Việt Nam, Đại diện Chủ đầu tư, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế tiến hành kiểm tra, giám sát quá trình khảo sát đo đạc mặt bằng của nhà thầu tư vấn khảo sát và nghiệm thu kết quả khảo sát bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công.* | **BĐATHH miền Bắc:** Đề nghị sửa đổi lại thành *"Đại diện chủ đầu tư chủ trì, phối hợp tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế tiến hành kiểm tra trình tự, thủ tục và quá trình thực hiện của các đơn vị theo đề cương được duyệt; kiểm tra, giám sát quá trình khảo sát đo đạc mặt bằng của nhà thầu tư vấn khảo sát phù hợp với nhiệm vụ được giao trong hợp đồng quản lý dự án.”* | *Tiếp thu, sửa thành: “Đại diện Chủ đầu tư, tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế tiến hành kiểm tra, giám sát quá trình khảo sát đo đạc mặt bằng của nhà thầu tư vấn khảo sát và nghiệm thu kết quả khảo sát bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công.”* | *b) Đại diện chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế tiến hành kiểm tra trình tự, thủ tục và quá trình thực hiện của các đơn vị theo đề cương được duyệt; kiểm tra, giám sát quá trình khảo sát đo đạc mặt bằng của nhà thầu tư vấn khảo sát và trình chủ đầu tư nghiệm thu kết quả khảo sát bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công;* |
| *c) Trường hợp kết quả khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng phát sinh tăng khối lượng nạo vét so với hồ sơ thiết kế đã phê duyệt thì trong 10 ngày làm việc, Đại diện chủ đầu tư báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam xem xét, chấp thuận. Cục Hàng hải Việt Nam chấp thuận điều chỉnh chuẩn tắc nạo vét, khối lượng, kinh phí dự kiến thực hiện của công trình nhưng không tăng quá 20% kinh phí dự kiến của công trình, không làm tăng tổng kinh phí dự kiến trong kế hoạch bảo trì công trình hàng hải được phê duyệt. Trường hợp điều chỉnh tăng quá 20% kinh phí dự kiến của công trình và không làm tăng tổng kinh phí dự kiến trong kế hoạch bảo trì công trình hàng hải được phê duyệt, chủ đầu tư báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định.* |  |  | *c)* Trường hợp kết quả khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng phát sinh tăng khối lượng nạo vét so với hồ sơ thiết kế đã phê duyệt thì trong 10 ngày làm việc, Đại diện chủ đầu tư báo cáo chủ đầu tư xem xét, chấp thuận.Chủ đầu tư chấp thuận điều chỉnh chuẩn tắc nạo vét, khối lượng, kinh phí dự kiến thực hiện của công trình nhưng không tăng quá 20% kinh phí dự kiến của công trình, không làm tăng tổng kinh phí dự kiến trong kế hoạch bảo trì được phê duyệt. *Trường hợp điều chỉnh tăng quá 20% kinh phí dự kiến của công trình, chủ đầu tư báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định.* |
| *3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức bàn giao mặt bằng thi công đối với công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.* | **Hoà Bình:** *“3. Sở Giao thông vận tải tổ chức bàn giao mặt bằng thi công đối với công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý”.* | Tiếp thu, sửa thành: | *3. Chủ đầu tư tổ chức bàn giao mặt bằng thi công đối với công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý.* |
| **Điều 19. Tổ chức quản lý thi công công trình** |  |  | **Điều 18. Tổ chức quản lý thi công công trình** |
| 1. Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về tổ chức thực hiện và nội dung hợp đồng thi công công trình. | **Bộ NN: (ii)** quy định chi tiết về tổ chức thực hiện và nội dung hợp đồng thi công công trình (khoản 1 Điều 19). Đối với những nội dung này, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung vào dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cũng như để bảo đảm Nghị định sau khi ban hành có thể triển khai ngay trong thực tiễn mà không cần đợi văn bản hướng dẫn. |  | 1. Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về tổ chức thực hiện và nội dung hợp đồng thi công công trình. |
| 2. Đối với công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia: |  |  | 2. Đối với công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia: |
| a) Đại diện chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện của nhà thầu, tư vấn giám sát và tư vấn môi trường trong quá trình thi công công trình để bảo đảm chất lượng thi công, tiến độ thi công và an toàn lao động, bảo vệ môi trường; | **BĐATHH miền Bắc:** Đề nghị sửa đổi lại thành *"Đại diện chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý quá trình thi công phù hợp với nhiệm vụ được giao trong hợp đồng quản lý dự án”* | Giữ nguyên để nâng cao trách nhiệm Đại diện chủ đầu tư. | a) Đại diện chủ đầu tư chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện của nhà thầu, tư vấn giám sát và tư vấn môi trường trong quá trình thi công công trình để bảo đảm chất lượng thi công, tiến độ thi công và an toàn lao động, bảo vệ môi trường; |
| b) Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia) tổ chức kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất (nếu cần) để bảo đảm chất lượng, tiến độ công trình. |  | Chỉnh sửa cho phù hợp | *b) Chủ đầu tư tổ chức kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất (nếu cần) để bảo đảm chất lượng, tiến độ công trình.* |
| *3. Đối với công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện thi công của nhà thầu để bảo đảm chất lượng, tiến độ công trình.* | **Lạng Sơn:** *“3. Đối với công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Giao thông vận tải tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện thi công của nhà thầu và chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ công trình.”*  **Bình Định:** Đề nghị bổ sung nội dung: *“giám sát chất lượng môi trường tại vị trí nhận chìm vật, chất nạo vét và các khu vực lân cận trong quá trình triển khai thực hiện và sau khi kết thúc hoạt động nhận chìm”*.  **Hoà Bình:** *“3. Đối với công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Sở Giao thông vận tải tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện thi công của nhà thầu để bảo đảm chất lượng, tiến độ công trình”.* | Tiếp thu, sửa thành: | *3. Đối với công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, chủ đầu tư tổ chức quản lý, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện thi công của nhà thầu để bảo đảm chất lượng, tiến độ công trình.* |
| **Điều 20. Nội dung công tác kiểm tra, giám sát** | **Cục QLĐTXD:** Đề nghị rà soát theo hướng thực hiện theo quy định tại điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ chỉ bổ sung các nội chuyên ngành hàng hải, đường thủy nội địa.  **TPHCM:** Sửa đổi tiêu đề để phù hợp với các nội dung quy định tại Điều này, cụ thể: ***“Điều 20. Trách nhiệm, nội dung công tác kiểm tra, giám sát".*** | Giữ nguyên, cần hướng dẫn chi tiết đối với công tác nạo vét duy tu luồng để triển khai thuận tiện, phù hợp đặc thù của công tác nạo vét và phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao của các đơn vị. | **Điều 19. Nội dung công tác kiểm tra, giám sát** |
| *1. Công tác kiểm tra, giám sát thi công công trình thực hiện theo quy định tại Điều 4, 5, 6 Nghị định này.* | **TPHCM:** Bổ sung để đảm bảo rõ ràng, đầy đủ nội dung trong công tác tổ chức thực hiện: *“1. Công tác kiểm tra, giám sát thi công công trình thực hiện theo* ***nội dung tại điều này và các*** *quy định tại Điều 4, 5, 6 Nghị định này.”* | *Đề nghị giữ nguyên* | 1. Công tác kiểm tra, giám sát thi công công trình thực hiện theo quy định tại ***các Điều 4, 5*** Nghị định này |
| 2. Giám sát công tác nạo vét duy tu, gồm: | **TPHCM:** Sửa đổi tên *“2.* ***Kiểm tra,*** *giám sát công tác nạo vét duy tu, gồm:”* | Tiếp thu | *2.* ***Kiểm tra,*** *giám sát công tác nạo vét duy tu, gồm:”* |
| a) Xem xét, kiểm tra trình tự và biện pháp thi công chi tiết do nhà thầu thi công công trình lập trước khi trình phê duyệt; | **Vụ PC:** Đề nghị quy định rõ ai phê duyệt tại điểm a khoản 1… của Điều 20; nếu đây là thủ tục hành chính thì phải quy định rõ tại Nghị định này. | Đây ko phải TTHC, đã quy định tại Điều 113 Luật Xây dựng. | a) Xem xét, kiểm tra trình tự và biện pháp thi công chi tiết do nhà thầu thi công công trình lập trước khi trình phê duyệt; |
| b) Kiểm tra hệ thống mốc định vị mặt bằng và cao độ phục vụ trong suốt quá trình thi công công trình; |  |  | b) Kiểm tra hệ thống mốc định vị mặt bằng và cao độ phục vụ trong suốt quá trình thi công công trình; |
| c) Kiểm tra, giám sát các máy móc, thiết bị thi công tập kết tới công trường theo danh mục, quy cách, chủng loại, tính năng kỹ thuật, thời hạn đăng kiểm, chứng chỉ của thuyền viên, bảo hiểm của phương tiện và các yêu cầu cần thiết khác nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình thi công; |  |  | c) Kiểm tra, giám sát các máy móc, thiết bị thi công tập kết tới công trường theo danh mục, quy cách, chủng loại, tính năng kỹ thuật, thời hạn đăng kiểm, chứng chỉ của thuyền viên, bảo hiểm của phương tiện và các yêu cầu cần thiết khác nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình thi công; |
| d) Kiểm tra việc lắp đặt và chất lượng của hệ thống giám sát nạo vét. Các thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, niêm phong hoặc kẹp chì cố định khi lắp đặt, đảm bảo hiển thị các dữ liệu tên (số hiệu) phương tiện, kích thước, vị trí, vận tốc di chuyển, thời điểm dừng đỗ để thuận lợi cho công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát; |  |  | d) Kiểm tra việc lắp đặt và chất lượng của hệ thống giám sát nạo vét. Các thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, niêm phong hoặc kẹp chì cố định khi lắp đặt, đảm bảo hiển thị các dữ liệu tên (số hiệu) phương tiện, kích thước, vị trí, vận tốc di chuyển, thời điểm dừng đỗ để thuận lợi cho công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát; |
| đ) Theo dõi tiến độ nạo vét; |  |  | đ) Theo dõi tiến độ nạo vét; |
| e) Kiểm tra điều kiện khởi công công trình; nhân sự của nhà thầu thi công đưa vào, rời công trường; |  |  | e) Kiểm tra điều kiện khởi công công trình; nhân sự của nhà thầu thi công đưa vào, rời công trường; |
| g) Giám sát công tác an toàn và bảo vệ môi trường; |  |  | g) Giám sát công tác an toàn và bảo vệ môi trường; |
| h) Giám sát thi công nạo vét đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế được duyệt; |  |  | h) Giám sát thi công nạo vét đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật theo thiết kế được duyệt; |
| i) Giám sát công tác đo đạc kiểm tra sau khi hoàn thành công tác nạo vét, bảo đảm hệ thống mốc định vị mặt bằng và cao độ sử dụng để đo đạc trước và sau khi nạo vét là không thay đổi; |  |  | i) Giám sát công tác đo đạc kiểm tra sau khi hoàn thành công tác nạo vét, bảo đảm hệ thống mốc định vị mặt bằng và cao độ sử dụng để đo đạc trước và sau khi nạo vét là không thay đổi; |
| k) Kiểm tra, xác nhận khối lượng. | **TPHCM:** Chuyển đổi khoản k thành 1 điểm của khoản 5 Điều này. Lý do: Công tác kiểm tra, xác nhận khối lượng phải được thực hiện kịp thời, liên tục tại hiện trường cũng như đảm bảo phù hợp chức năng, nhiệm vụ của đơn vị TVGS. | Đề nghị giữ nguyên do việc kiểm tra, xác nhận khối lượng được thực hiện tại các đợt đo nghiệm thu và việc xác nhận khối lượng nạo vét hàng ngày theo nhật ký thi công | k) Kiểm tra, xác nhận khối lượng. |
| 3. Giám sát công tác vận chuyển và đổ chất nạo vét, gồm: |  |  | 3. Giám sát công tác vận chuyển và đổ chất nạo vét, gồm: |
| a) Giám sát phương tiện vận chuyển đổ chất nạo vét tại vị trí nạo vét, hành trình đi đổ chất nạo vét và vị trí đổ chất nạo vét được phê duyệt trong suốt thời gian thi công công trình; |  |  | a) Giám sát phương tiện vận chuyển đổ chất nạo vét tại vị trí nạo vét, hành trình đi đổ chất nạo vét và vị trí đổ chất nạo vét được phê duyệt trong suốt thời gian thi công công trình; |
| b) Thu thập, tổng hợp các thông tin, dữ liệu hiện trường (vị trí, vận tốc di chuyển, thời điểm dừng đỗ) từ hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công, vận chuyển. Chụp ảnh khoang chứa chất nạo vét của phương tiện vận chuyển tại các thời điểm: bắt đầu nhận chất nạo vét tại khu vực thi công; kết thúc quá trình nhận chất nạo vét để di chuyển đi đổ; kết thúc hành trình di chuyển đến vị trí đổ và kết thúc quá trình đổ chất nạo vét để di chuyển về khu vực thi công. | **Hà Nam:** Đề nghị bổ sung thêm tại Khoản 3, Điều 20 nội dung sau: *“Phương tiện vận chuyển chất nạo vét đã được Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt trong dự án khi vận chuyển chất nạo vét đi đổ phải thông báo và phối hợp với chính quyền địa phương về thời gian, lộ trình di chuyển từ vị trí nạo vét đến vị trí đổ chất nạo vét để đảm bảo ATGT trong quá trình vận chuyển.”* | Giữ nguyên, do theo quy định các công trình nạo vét đều phải lập phương án đảm bảo an toàn hàng hải, phương án đảm bảo ATGT, trong đó đều có yêu cầu thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành về HH, ĐTNĐ để phục vụ việc điều tiết, đảm bảo ATGT. | b) Thu thập, tổng hợp các thông tin, dữ liệu hiện trường (vị trí, vận tốc di chuyển, thời điểm dừng đỗ) từ hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công, vận chuyển. Chụp ảnh khoang chứa chất nạo vét của phương tiện vận chuyển tại các thời điểm: bắt đầu nhận chất nạo vét tại khu vực thi công; kết thúc quá trình nhận chất nạo vét để di chuyển đi đổ; kết thúc hành trình di chuyển đến vị trí đổ và kết thúc quá trình đổ chất nạo vét để di chuyển về khu vực thi công. |
| 4. Giám sát công tác hoàn thiện, gồm: |  |  | 4. Giám sát công tác hoàn thiện, gồm: |
| a) Kiểm tra tọa độ, cao độ và mái dốc của khu vực nạo vét theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế; |  |  | a) Kiểm tra tọa độ, cao độ và mái dốc của khu vực nạo vét theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế; |
| b) Giám sát công tác khảo sát đo đạc và xác nhận khối lượng công việc hoàn thành của nhà thầu; giám sát công tác đo đạc và xác nhận khối lượng công việc tại vị trí đổ chất nạo vét đối với trường hợp đổ chất nạo vét tại vị trí trên cạn bằng phương pháp hút phun sử dụng đường ống; |  |  | b) Giám sát công tác khảo sát đo đạc và xác nhận khối lượng công việc hoàn thành của nhà thầu; giám sát công tác đo đạc và xác nhận khối lượng công việc tại vị trí đổ chất nạo vét đối với trường hợp đổ chất nạo vét tại vị trí trên cạn bằng phương pháp hút phun sử dụng đường ống; |
| c) Giám sát nghiệm thu công việc toàn bộ hạng mục công trình. Việc đo đạc nghiệm thu sẽ được thực hiện sau khi nhà thầu thi công thông báo đã hoàn thành công tác nạo vét. Nếu kết quả đo đạc nghiệm thu cho thấy công việc của nhà thầu chưa đạt yêu cầu thì nhà thầu thi công phải thực hiện bổ sung cho đến khi kiểm tra đạt yêu cầu; |  |  | c) Giám sát nghiệm thu công việc toàn bộ hạng mục công trình. Việc đo đạc nghiệm thu sẽ được thực hiện sau khi nhà thầu thi công thông báo đã hoàn thành công tác nạo vét. Nếu kết quả đo đạc nghiệm thu cho thấy công việc của nhà thầu chưa đạt yêu cầu thì nhà thầu thi công phải thực hiện bổ sung cho đến khi kiểm tra đạt yêu cầu; |
| d) Giám sát các công tác hoàn thiện khác. |  |  | d) Giám sát các công tác hoàn thiện khác. |
| 5. Trách nhiệm của tư vấn giám sát |  |  | 5. Trách nhiệm của tư vấn giám sát |
| a) Thực hiện giám sát theo các nội dung quy định tại Điều này và quy định của pháp luật có liên quan; |  |  | a) Thực hiện giám sát theo các nội dung quy định tại Điều này và quy định của pháp luật có liên quan; |
| b) Lập sơ đồ tổ chức và đề cương giám sát, trình chủ đầu tư xem xét, phê duyệt trước khi giám sát thi công; |  |  | b) Lập sơ đồ tổ chức và đề cương giám sát, trình chủ đầu tư xem xét, phê duyệt trước khi giám sát thi công; |
| c) Phải có bộ phận chuyên trách bảo đảm duy trì hoạt động giám sát một cách có hệ thống toàn bộ quá trình thi công nạo vét, từ khi khởi công đến khi nghiệm thu, bàn giao; bố trí nhân sự thực hiện công tác giám sát gồm Giám sát trưởng và các Giám sát viên; |  |  | c) Phải có bộ phận chuyên trách bảo đảm duy trì hoạt động giám sát một cách có hệ thống toàn bộ quá trình thi công nạo vét, từ khi khởi công đến khi nghiệm thu, bàn giao; bố trí nhân sự thực hiện công tác giám sát gồm Giám sát trưởng và các Giám sát viên; |
| d) Bố trí đầy đủ trang thiết bị cần thiết cho công tác giám sát; bố trí đủ cán bộ kỹ thuật có năng lực, kinh nghiệm chuyên môn để thực hiện giám sát chặt chẽ, kiểm tra thường xuyên toàn bộ quá trình thực hiện của nhà thầu khảo sát, thi công nạo vét đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình cũng như các điều kiện về an toàn lao động, bảo vệ môi trường. Ghi chép toàn bộ kết quả giám sát về quá trình thi công nạo vét và vận chuyển đổ chất nạo vét; |  |  | d) Bố trí đầy đủ trang thiết bị cần thiết cho công tác giám sát; bố trí đủ cán bộ kỹ thuật có năng lực, kinh nghiệm chuyên môn để thực hiện giám sát chặt chẽ, kiểm tra thường xuyên toàn bộ quá trình thực hiện của nhà thầu khảo sát, thi công nạo vét đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình cũng như các điều kiện về an toàn lao động, bảo vệ môi trường. Ghi chép toàn bộ kết quả giám sát về quá trình thi công nạo vét và vận chuyển đổ chất nạo vét; |
| đ) Thường xuyên kiểm tra, giám sát về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào, ra công trường (kể cả nhà thầu phụ và các thiết bị đi thuê); xác nhận số lượng, chất lượng máy móc, thiết bị theo hợp đồng hoặc theo hồ sơ trúng thầu (danh sách thiết bị, tính năng kỹ thuật, thời hạn đăng kiểm, chứng chỉ của thuyền viên, bảo hiểm...); phản ánh kịp thời tới chủ đầu tư đối với các thiết bị không phải của nhà thầu thi công xuất hiện tại công trường; |  |  | đ) Thường xuyên kiểm tra, giám sát về nhân lực, thiết bị thi công của nhà thầu thi công xây dựng công trình đưa vào, ra công trường (kể cả nhà thầu phụ và các thiết bị đi thuê); xác nhận số lượng, chất lượng máy móc, thiết bị theo hợp đồng hoặc theo hồ sơ trúng thầu (danh sách thiết bị, tính năng kỹ thuật, thời hạn đăng kiểm, chứng chỉ của thuyền viên, bảo hiểm...); phản ánh kịp thời tới chủ đầu tư đối với các thiết bị không phải của nhà thầu thi công xuất hiện tại công trường; |
| e) Hàng ngày, phải kiểm tra tình trạng lắp đặt, hoạt động của hệ thống giám sát nạo vét trên các phương tiện thiết bị thi công của nhà thầu; yêu cầu khắc phục ngay khi phát hiện sự cố, sai khác không đáp ứng chất lượng theo quy định; |  |  | e) Hàng ngày, phải kiểm tra tình trạng lắp đặt, hoạt động của hệ thống giám sát nạo vét trên các phương tiện thiết bị thi công của nhà thầu; yêu cầu khắc phục ngay khi phát hiện sự cố, sai khác không đáp ứng chất lượng theo quy định; |
| g) Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quản lý chất lượng nội bộ của nhà thầu; kiểm tra tọa độ, cao độ và mái dốc của khu vực nạo vét theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế; theo dõi, đôn đốc tiến độ nạo vét; |  |  | g) Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống quản lý chất lượng nội bộ của nhà thầu; kiểm tra tọa độ, cao độ và mái dốc của khu vực nạo vét theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế; theo dõi, đôn đốc tiến độ nạo vét; |
| h) Bố trí đủ nhân sự có mặt tại hiện trường thi công trong suốt thời gian thi công công trình để thực hiện công tác giám sát theo quy định tại Nghị định này, đối với trường hợp không thực hiện giám sát liên tục được các phương tiện tại vị trí thi công và vị trí đổ chất nạo vét thì phải thực hiện giám sát trực tiếp trên phương tiện trong quá trình phương tiện đi đổ chất nạo vét; chụp ảnh khoang chứa chất nạo vét của phương tiện vận chuyển tại các thời điểm: bắt đầu nhận chất nạo vét tại khu vực thi công, kết thúc quá trình nhận chất nạo vét để di chuyển đi đổ, kết thúc hành trình di chuyển đến vị trí đổ và kết thúc quá trình đổ chất nạo vét để di chuyển về khu vực thi công (ảnh chụp phải thể hiện số liệu tọa độ GPS và thời gian thực tại thời điểm chụp ảnh); chuyển giao kịp thời các hình ảnh chụp tới chủ đầu tư để theo dõi, lưu trữ cùng với hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định; |  |  | h) Bố trí đủ nhân sự có mặt tại hiện trường thi công trong suốt thời gian thi công công trình để thực hiện công tác giám sát theo quy định tại Nghị định này, đối với trường hợp không thực hiện giám sát liên tục được các phương tiện tại vị trí thi công và vị trí đổ chất nạo vét thì phải thực hiện giám sát trực tiếp trên phương tiện trong quá trình phương tiện đi đổ chất nạo vét; chụp ảnh khoang chứa chất nạo vét của phương tiện vận chuyển tại các thời điểm: bắt đầu nhận chất nạo vét tại khu vực thi công, kết thúc quá trình nhận chất nạo vét để di chuyển đi đổ, kết thúc hành trình di chuyển đến vị trí đổ và kết thúc quá trình đổ chất nạo vét để di chuyển về khu vực thi công (ảnh chụp phải thể hiện số liệu tọa độ GPS và thời gian thực tại thời điểm chụp ảnh); chuyển giao kịp thời các hình ảnh chụp tới chủ đầu tư để theo dõi, lưu trữ cùng với hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định; |
| i) Tham gia công tác khảo sát đo đạc nghiệm thu nội bộ của nhà thầu và đánh giá chất lượng kết quả thi công của nhà thầu, báo cáo chủ đầu tư về điều kiện đáp ứng đối với đề xuất tổ chức khảo sát đo đạc nghiệm thu công trình của nhà thầu; |  |  | i) Tham gia công tác khảo sát đo đạc nghiệm thu nội bộ của nhà thầu và đánh giá chất lượng kết quả thi công của nhà thầu, báo cáo chủ đầu tư về điều kiện đáp ứng đối với đề xuất tổ chức khảo sát đo đạc nghiệm thu công trình của nhà thầu; |
| k) Báo cáo kịp thời các kết quả thực hiện, phát sinh, vướng mắc, đề xuất biện pháp xử lý trong quá trình thực hiện về cơ quan quản lý; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan quản lý về kết quả thực hiện. |  |  | k) Báo cáo kịp thời các kết quả thực hiện, phát sinh, vướng mắc, đề xuất biện pháp xử lý trong quá trình thực hiện về cơ quan quản lý; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan quản lý về kết quả thực hiện. |
| 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám sát trưởng |  |  | 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám sát trưởng |
| a) Phụ trách chung công tác giám sát thi công tại hiện trường; phân công nhiệm vụ cụ thể và kiểm tra, đôn đốc công tác giám sát của các giám sát viên; |  |  | a) Phụ trách chung công tác giám sát thi công tại hiện trường; phân công nhiệm vụ cụ thể và kiểm tra, đôn đốc công tác giám sát của các giám sát viên; |
| b) Xem xét và hướng dẫn nhà thầu hoàn thiện biện pháp thi công chi tiết để trình phê duyệt theo quy định; |  |  | b) Xem xét và hướng dẫn nhà thầu hoàn thiện biện pháp thi công chi tiết để trình phê duyệt theo quy định; |
| c) Đề ra kế hoạch và kiểm tra thường xuyên công tác giám sát. Yêu cầu tạm dừng thi công đối với các phương tiện thi công không đáp ứng yêu cầu; |  |  | c) Đề ra kế hoạch và kiểm tra thường xuyên công tác giám sát. Yêu cầu tạm dừng thi công đối với các phương tiện thi công không đáp ứng yêu cầu; |
| d) Tổng hợp tình hình thi công các hạng mục công trình; báo cáo kịp thời tình hình thi công, kiến nghị các biện pháp xử lý khó khăn vướng mắc xảy ra trong quá trình thi công; báo cáo các hồ sơ nghiệm thu trong quá trình thi công cho lãnh đạo đơn vị tư vấn; |  |  | d) Tổng hợp tình hình thi công các hạng mục công trình; báo cáo kịp thời tình hình thi công, kiến nghị các biện pháp xử lý khó khăn vướng mắc xảy ra trong quá trình thi công; báo cáo các hồ sơ nghiệm thu trong quá trình thi công cho lãnh đạo đơn vị tư vấn; |
| đ) Tham gia việc lập các hồ sơ nghiệm thu về mặt kỹ thuật, khối lượng, hồ sơ hoàn công tổng nghiệm thu công trình; |  |  | đ) Tham gia việc lập các hồ sơ nghiệm thu về mặt kỹ thuật, khối lượng, hồ sơ hoàn công tổng nghiệm thu công trình; |
| e) Thực hiện trách nhiệm của Giám sát viên đối với các trường hợp trực tiếp tham gia thực hiện; |  |  | e) Thực hiện trách nhiệm của Giám sát viên đối với các trường hợp trực tiếp tham gia thực hiện; |
| g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác giám sát trong suốt thời gian thi công. |  |  | g) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác giám sát trong suốt thời gian thi công. |
| 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Giám sát viên |  |  | 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Giám sát viên |
| a) Giám sát về mặt kỹ thuật, đảm bảo công trình đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật, đúng quy trình và hồ sơ thiết kế; |  |  | a) Giám sát về mặt kỹ thuật, đảm bảo công trình đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật, đúng quy trình và hồ sơ thiết kế; |
| b) Giám sát và xác nhận các chuyến vận chuyển đổ chất nạo vét; |  |  | b) Giám sát và xác nhận các chuyến vận chuyển đổ chất nạo vét; |
| c) Giám sát hoặc thực hiện việc lập các văn bản nghiệm thu được giao theo đúng mẫu quy định; |  |  | c) Giám sát hoặc thực hiện việc lập các văn bản nghiệm thu được giao theo đúng mẫu quy định; |
| *d) Thực hiện công tác kiểm tra và ký xác nhận nhật ký thi công kịp thời trong suốt thời gian thi công.* | **TPHCM:** Kiến nghị sửa như sau: *“d) Thực hiện công tác kiểm tra và ký xác nhận nhật ký thi công,* ***ký xác nhận khối lượng nạo vét*** *kịp thời trong suốt thời gian thi công.”* | *Đề nghị giữ nguyên do trong nhật ký thi công đã mô tả khối lượng thi công nạo vét và được các bên có liên quan ký xác nhận* | *d) Thực hiện công tác kiểm tra và ký xác nhận nhật ký thi công kịp thời trong suốt thời gian thi công.* |
|  | **Vụ KHĐT:** Đề nghị nghiên cứu bổ sung thêm điểm quy định trách nhiệm của giám sát viên *“Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước giám sát trưởng về công tác giám sát trong suốt thời gian thi công.”* | Tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung thêm điểm đ | *đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước giám sát trưởng về công tác giám sát trong suốt thời gian thi công.* |
| *8. Giám sát tác giả của tư vấn thiết kế: Tư vấn thiết kế có trách nhiệm thực hiện giám sát tác giả theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định trong hợp đồng.* |  |  | *8. Giám sát tác giả của tư vấn thiết kế: Tư vấn thiết kế có trách nhiệm thực hiện giám sát tác giả theo yêu cầu của chủ đầu tư và quy định trong hợp đồng.* |
| *9. Đối với hoạt động nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định: Ngoài giám sát của Tư vấn giám sát theo quy định, chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát đo đạc kiểm tra đột xuất để kiểm tra việc duy trì chuẩn tắc thiết kế của nhà thầu thi công.* | **TPHCM:** Nhằm phân định rõ trách nhiệm các bên liên quan, kiến nghị bổ sung thêm một khoản sau khoản 9 với nội dung sau: *“Các cơ quan QLNN tại khu vực có trách nhiệm kiểm tra công tác kiểm tra, giám sát của chủ đầu tư, nhà đầu tư, đại diện chủ đầu tư, đơn vị TVGS theo các quy định liên quan tại Nghị định này.”* | *Đề nghị giữ nguyên do đây là quy định trách nhiệm giám sát của các bên trong Nghị định về đầu tư xây dựng.* | *9. Đối với hoạt động nạo vét duy tu theo hình thức khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định: Ngoài giám sát của Tư vấn giám sát theo quy định, chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn thực hiện khảo sát đo đạc kiểm tra đột xuất để kiểm tra việc duy trì chuẩn tắc thiết kế của nhà thầu thi công.* |
| **Điều 21. Nghiệm thu công trình** | **Cục QLĐTXD:** Đề nghị rà soát phù hợp với quy định tại khoản 6, 7 Điều 11 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. | Đã rà soát phù hợp chức năng, nhiệm vụ của Cục HHVN và Cục ĐTNĐVN. | **Điều 20. Nghiệm thu công trình** |
| 1. Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia) tổ chức thực hiện công tác nghiệm thu giai đoạn thi công (nếu có), hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng theo quy định. |  |  | *1. Chủ đầu tư tổ chức thực hiện công tác nghiệm thu giai đoạn thi công (nếu có), hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng theo quy định.* |
| 2. Đại diện chủ đầu tư phối hợp với Tư vấn giám sát kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện khảo sát đo đạc nghiệm thu công trình tại hiện trường và tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát đo đạc; nghiệm thu khối lượng, chất lượng thi công, tiến độ thi công nạo vét và nghiệm thu công tác bảo vệ môi trường. | **BĐATHH miền Bắc:** Đề nghị sửa đổi lại thành *"Đại diện chủ đầu tư phối hợp với Tư vấn giám sát kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện khảo sát đo đạc nghiệm thu công trình tại hiện trường và nghiệm thu các hạng mục công việc phù hợp nhiệm vụ được giao trong hợp đồng quản lý dự án”* | Chỉnh sửa cho phù hợp | 2. Đại diện chủ đầu tư phối hợp với *tư vấn thiết kế*, tư vấn giám sát kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện khảo sát đo đạc nghiệm thu công trình tại hiện trường; *tổ chức kiểm tra, xác nhận* kết quả khảo sát đo đạc, khối lượng, chất lượng, tiến độ thi công nạo vét và công tác bảo vệ môi trường *phục vụ công tác nghiệm thu hoàn thành công trình.* |
| 3. Sở Giao thông vận tải (hoặc Sở Giao thông vận tải - Xây dựng) tổ chức thực hiện công tác nghiệm thu công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng theo quy định đối với nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý. |  | Chỉnh sửa, quy định gộp vào khoản 1 điều này |  |
| *4. Đối với nạo vét duy tu khoán duy trì chuẩn tắc trong khoảng thời gian xác định thực hiện công tác nghiệm thu công trình như sau:* |  | *Sửa đổi để phù hợp với hình thức nạo vét quy định tại khoản 1 Điều 11* | *3. Đối với nạo vét theo chất lượng thực hiện, công tác nghiệm thu được xác định như sau:* |
| *a) Tổ chức nghiệm thu hoàn thành nạo vét và duy trì chuẩn tắc thiết kế theo từng giai đoạn thi công công trình (06 tháng, 01 năm);* |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *a) Tổ chức nghiệm thu hoàn thành giai đoạn nạo vét theo chất lượng thực hiện đối với từng giai đoạn thi công công trình (06 tháng, 01 năm);* |
| *b) Tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình nạo vét và duy trì chuẩn tắc thiết kế khi kết thúc thời gian duy trì chuẩn tắc theo hợp đồng.* |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *b) Tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình nạo vét theo chất lượng thực hiện khi kết thúc thời gian thực hiện hợp đồng.* |
| **Điều 22. Thanh toán, quyết toán công trình** |  |  | **Điều 21. Thanh toán, quyết toán công trình** |
| Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết việc thanh toán, quyết toán công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng ngân sách nhà nước | **Hải Dương:** Theo trình tư thực hiện tại Khoản 8 Điều 13 Chương III dự thảo có quy định “Thanh toán, quyết toán công trình”. Tuy nhiên, Điều 22 …quyết toán công tác…Như vậy, quyết toán được hiểu là quyết toán công trình hay quyết toán công tác. Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ nội dung này. | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết công tác thanh toán, quyết toán đối với công tác nạo vét theo chất lượng thực hiện sử dụng ngân sách nhà nước.* |
|  |  |  | **Mục 2**  **NẠO VÉT KHÔNG SỬ DỤNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC** **CẤP CHO BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH** |
|  |  | *Bổ sung Điều mới để phù hợp* | ***Điều 22. Nạo vét luồng hàng hải, luồng đường thuỷ nội địa không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho Bộ Giao thông vận tải*** |
|  |  |  | *1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu nạo vét luồng hàng hải, luồng đường thuỷ nội địa quốc gia gửi văn bản đến Bộ Giao thông vận tải đề xuất được tự thực hiện nạo vét. Nội dung đề xuất bao gồm các thông tin về sự cần thiết, phạm vi, quy mô, nguồn vốn, thời gian thực hiện và phương án khai thác, vận hành (nếu có). Trong thời gian 15 ngày làm việc, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời đề xuất của cơ quan, tổ chức.* |
|  |  |  | *2. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Bộ Giao thông vận tải, cơ quan, tổ chức lập dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng. Trước khi phê duyệt dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Cục Hàng hải Việt Nam (đối với vùng nước cảng biển), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với vùng nước đường thủy nội địa) về phạm vi, quy mô, biện pháp thi công, thời gian thực hiện.* |
|  |  |  | *3. Trình tự thực hiện đối với hoạt động nạo vét duy tu không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Bộ Giao thông vận tải quản lý, cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 12 Nghị định này.* |
|  |  |  | *4. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.* |
|  |  |  | *5. Sau khi hoàn thành công tác nạo vét, cơ quan, tổ chức tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao cho Bộ Giao thông vận tải để tổ chức quản lý, sử dụng.* |
|  |  |  | ***Điều 23. Nạo vét luồng đường thuỷ nội địa địa phương không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh*** |
|  |  |  | *1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu nạo vét luồng đường thuỷ nội địa địa phương gửi văn bản đến Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đề xuất được tự thực hiện nạo vét. Nội dung đề xuất bao gồm các thông tin về sự cần thiết, phạm vi, quy mô, nguồn vốn, thời gian thực hiện và phương án khai thác, vận hành (nếu có). Trong thời gian 15 ngày làm việc, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản trả lời đề xuất của cơ quan, tổ chức.* |
|  |  |  | *2. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức lập dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng.* |
|  |  |  | *3. Trình tự thực hiện đối với hoạt động nạo vét duy tu không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 12 Nghị định này.* |
|  |  |  | *4. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định này.* |
|  |  |  | *5. Sau khi hoàn thành công tác nạo vét, cơ quan, tổ chức tiến hành nghiệm thu hoàn thành công trình và bàn giao cho Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh để tổ chức quản lý, sử dụng.* |
| **Chương IV**  **NẠO VÉT KẾT HỢP THU HỒI SẢN PHẨM TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN VÀ VÙNG NƯỚC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** | **Phú Thọ:** Bổ sung quy định tại Chương IV: Đối với dự án nạo vét vùng nước cảng, bến thủy nội địa có kết hợp tận thu sản phẩm không phải lập danh mục dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trong vùng nước đường thủy nội địa trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt. Chủ cảng, bến thủy nội địa có nhu cầu thực hiện nạo vét vùng nước cảng, bến thủy nội địa của mình phải lập dự án nạo vét trình UBND tỉnh phê duyệt. Trong quá trình lập dự án, chủ cảng, bến thủy nội địa phải thực hiện khảo sát, lấy mẫu phân tích thành phần tính chất cơ lý của chất nạo vét. Đối với chất nạo vét có thể tận thu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản; đối với chất nạo vét không tận thu thực hiện theo quy định của Điều 9 Nghị định này.  Lý do: Vùng nước cảng, bến thủy nội địa là vùng nước đã được Cơ quan quản lý đường thủy nội địa xác nhận không ảnh hưởng đến luồng, hành lang bảo vệ luồng; phạm vi diện tích mặt nước cảng, bến có quy mô nhỏ. Nếu phải thực hiện theo quy định tại Chương IV, chủ cảng, bến sẽ mất nhiều thời gian, không xử lý nhanh, kịp thời vùng nước cảng, bến bị khan cạn, bồi lắng để bảo đảm an toàn cho các phương tiện ra vào, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông đường thủy nội địa.  **Bộ TC:[[7]](#footnote-7)** Đề nghị Bộ Giao thông vận tải bỏ các quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính liên quan đến công tác nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm tại khoản 4 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 4 Điều 40, khoản 3 Điều 44 và khoản 3 Điều 46 |  | **Chương IV**  **NẠO VÉT KẾT HỢP THU HỒI SẢN PHẨM** |
| **Điều 23. Nạo vét kết hợp thu hồi sản phầm** |  |  | **Điều 24. Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm** |
| Công tác nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm phải được lập thành dự án gồm: |  |  | Công tác nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm phải được lập thành dự án gồm: |
| 1. Dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với công trình đường thủy nội địa, hàng hải trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý về tài sản kết cấu hạ tầng thực hiện theo quy định tại Chương này (sau đây gọi là Dự án do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý). |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 1. *Dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với kết cấu hạ tầng hàng hải, kết cấu hạ tầng đường thuỷ nội địa trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý* ~~về tài sản kết cấu hạ tầng~~ thực hiện theo quy định tại Chương này (sau đây gọi là dự án do Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý). |
| 2. Dự án nạo vét khu nước trước bến cảng, luồng chuyên dùng có kết hợp thu hồi sản phẩm: | **Hà Tĩnh[[8]](#footnote-8):** *“2. Dự án nạo vét khu nước trước bến cảng, luồng chuyên dùng có kết hợp thu hồi sản phẩm: Trong quá trình lập dự án, chủ đầu tư phải thực hiện khảo sát, lấy mẫu phân tích thành phần, tính chất của chất nạo vét và thực hiện theo quy định sau:*  *a) Đối với chất nạo vét có thể thu hồi thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản và pháp luật khác có liên quan. Trường hợp thu hồi chất nạo vét là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường thì không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.*  *b) Đối với chất nạo vét không thu hồi thực hiện theo quy định của Điều 9 Nghị định này.*  *c) Đối với khối lượng chất nạo vét có thể tận thu không phải thực hiện đấu giá mà thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định này”.*  **Hải Dương:** Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ khái niệm “khu nước trước bến cảng, luồng chuyên dùng” | **Hà Tĩnh:**  Dự án nạo vét khu nước trước bến cảng, luồng chuyên dùng kết hợp thu hồi sản phẩm không phải là dự án khai thác khoáng sản, chất nạo vét thay vì phải mang đi đổ thải thì cho phép tận thu và phải thực hiện theo quy định của pháp luật về môi trường và tài nguyên khoáng sản.  Tiếp thu ý kiến bố sung khoản 3: **Đối với chất nạo vét tận thu từ Dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm không phải thực hiện đấu giá mà thực hiện theo quy định tại Nghị định này** | 2. Dự án nạo vét ~~khu~~ *vùng* nước trước *cầu* ~~bến~~ cảng biển; vùng nước của cảng, bến thủy nội địa; luồng chuyên dùng có kết hợp thu hồi sản phẩm:  a) Chủ đầu tư tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và không phải thực hiện trình tự dự án theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.  b) Trong quá trình lập dự án, chủ đầu tư phải thực hiện khảo sát, lấy mẫu phân tích thành phần tính chất cơ lý của chất nạo vét. Đối với *phần* chất nạo vét tận thu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản; đối với *phần* chất nạo vét không tận thu thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định này. |
| Trong quá trình lập dự án, chủ đầu tư phải thực hiện khảo sát, lấy mẫu phân tích thành phần tính chất cơ lý của chất nạo vét. Đối với chất nạo vét có thể tận thu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản; đối với chất nạo vét không tận thu thực hiện theo quy định của Điều 9 Nghị định này. | **Sóc Trăng:** Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung nội dung như sau: *“Trong quá trình lập dự án, chủ đầu tư phải thực hiện khảo sát, lấy mẫu phân tích thành phần tính chất cơ lý của chất nạo vét. “Đối với chất nạo vét có thể tận thu thì thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký khối lượng theo quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản”*; đối với chất nạo vét không tận thu thực hiện theo quy định của Điều 9 Nghị định này.  **Đồng Tháp:** Đề nghị bổ sung nội dung về đối tượng bao gồm các cảng, bến thủy nội địa và khu neo đậu không phải là tài sản kết cầu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Điều chỉnh bổ sung như sau: *“2. Dự án nạo vét luồng chuyên dùng vào cảng (cảng biển, cảng thủy nội địa), bến thủy nội địa và vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu không thuộc tài sản kết cầu hạ tầng do Bộ Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý có kết hợp thu hồi sản phẩm:…”.*  **Hải Phòng:** Đề nghị sửa thành:*“Trường hợp Chủ đầu tư có thu hồi sản phẩm là chất nạo vét thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên. Trường hợp Chủ đầu tư không có nhu cấu thu hồi sản phẩm chất nạo vét thì thực hiện theo quy định của Điều 9 Nghị định này.”*  Lý do: Một số dự án nạo vét trong vùng nước cảng biển mà chất nạo vét có khả năng thu hồi để làm VLXD thông thường nhưng Chủ đầu tư lại không có nhu cầu thu hồi.  **Bộ CA:** đề nghị bổ sung*“…lấy mẫu phân tích thành phần tính chất* ***hoá học****, cơ lý của chất nạo vét…”*  **TPHCM:** Đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:*“Trong quá trình lập dự án, để xác định khu vực nạo vét có tồn tại khoáng sản hay không, chủ đầu tư các dự án nạo vét cần thực hiện khảo sát, lấy mẫu phân tích thành phần tính chất cơ lý của chất nạo vét, đánh giá thành phần, hàm lượng các loại khoáng sản có trong chất nạo vét và gửi cơ quan có thẩm quyền xác minh trước khi thi công. Trong trường hợp có phát hiện, thu hồi khoáng sản trong chất nạo vét chủ đầu tư các dự án nạo vét phải thực hiện các quy định pháp luật về tài nguyên khoáng sản. Trong trường hợp không phát hiện khoáng sản trong chất nạo vét thì chủ đầu tư thực hiện theo quy định của Điều 9 Nghị định này.”*  Lý do: Trên khu vực các con sông, vùng biển có thể tồn tại các mỏ khoáng sản. | **Sóc Trăng:**  Đề nghị giữ nguyên do tại dự thảo đã quy định đối với chất nạo vét có thể tận thu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về môi trường và tài nguyên khoáng sản bao gồm cả đăng ký khối lượng nếu pháp luật về tài nguyên, khoáng sản có quy định.  **Hải Phòng:**  Đề nghị giữ nguyên do Điều 23 quy định đối với dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm, trường hợp dự án không thu hồi sản phẩm thì không phải thực hiện theo quy định tại Điều này  **Bộ Công an:**  Đề nghị giữ nguyên do mục đích khảo sát, lấy mẫu phân tích để xác định chất nạo vét có thể tận thu hay không nên không nhất thiết phải phân tích thành phần hóa học  **Tp. Hồ Chí Minh:**  Đề nghị giữ nguyên do mục đích khảo sát, lấy mẫu phân tích để xác định chất nạo vét có thể tận thu được hay không chứ không phải mục đích là khai thác khoáng sản, trường hợp không tận thu chất nạo vét thì chủ đầu tư vẫn phải thực hiện nạo vét để đảm bảo điều kiện khai thác |  |
|  |  |  | 3. Đối với *phần* chất nạo vét tận thu từ dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm *trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa* không phải thực hiện đấu giá *mà thực hiện theo quy định tại Nghị định này.* |
| **Điều 24. Trình tự thực hiện dự án** |  |  | **Điều 25. Trình tự thực hiện dự án** |
| 1. Lập và công bố danh mục Dự án theo quy định tại Điều 27, 28 Nghị định này. |  |  | 1. Lập và công bố danh mục dự án theo quy định tại *Điều 28, 29* Nghị định này. |
| 2. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án theo quy định tại Điều 29, 30, 31 và 32 Nghị định này. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 2. Lập, thẩm định ~~phê duyệ~~t báo cáo nghiên cứu khả thi, *phê duyệt dự án* theo quy định tại *Điều 30, 31, 32, 33* Nghị định này. |
| 3. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng Dự án theo quy định tại Điều 33, 34, 35, 36, 37 và 38 Nghị định này. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 3. ~~Tổ chức~~ Lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng dự án theo quy định tại *Điều 34, 35, 36, 37, 38* Nghị định này. |
| 4. Triển khai thực hiện hợp đồng Dự án và bàn giao Dự án theo quy định tại Điều 39, 40, 41 và 42 Nghị định này. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 4. Triển khai thực hiện hợp đồng dự án, bàn giao dự án, *kiểm toán, quyết toán dự án* theo quy định tại *Điều 39, 40, 41, 43, 44, 45* Nghị định này. |
| **Điều 25. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án** |  |  | **Điều 26. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án** |
| 1. Đối với Dự án do Bộ Giao thông vận tải quản lý: Bộ Giao thông vận tải là cơ quan có thẩm quyền phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có Dự án thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 24 Nghị định này. Trường hợp Dự án nằm trên phạm vi từ 02 (hai) tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, Bộ Giao thông vận tải có văn bản lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh liên quan đến phạm vi Dự án và quyết định 01 (một) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 24 Nghị định này. | **Bộ KHĐT:[[9]](#footnote-9)** Đề nghị nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định theo hướng, Bộ Giao thông vận tải là cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm chính trong công tác quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện đối với các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải quản lý; chỉ thực hiện phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong một số trường hợp đặc thù, nếu thấy cần thiết.  **Đồng Nai:**Đề nghị xem xét, điều chỉnh thành:*“Đối với Dự án do Bộ Giao thông vận tải quản lý: Bộ Giao thông vận tải là cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 24 Nghị định này.”*  **Cao Bằng:**khi triển khai thực hiện sẽ có vướng mắc quy định tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, cụ thể:  - Tại khoản 4 Điều 9 quy định “Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo”.  - Tại khoản 9 Điều 9 quy định “Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác”.  Dự án nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trở lên được Bộ Giao thông vận tải phân cấp cho 01 tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ và địa phương đó sẽ phải bố trí ngân sách địa phương để thực hiện. Như vậy, khi triển khai công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn 02 tỉnh sẽ vướng mắc bởi quy định tại khoản 4, khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.  **Cần Thơ:** Trường hợp Bộ GTVT ủy quyền cho địa phương là cơ quan nhà nước thẩm quyền triển khai dự án, cần quy định Bộ Giao thông vận tải thẩm định (góp ý) báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, khả thi làm cơ sở để địa phương phê duyệt triển khai thực hiện. Do các địa phương không có kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước luồng cảng biển và Bộ Giao thông vận tải là đơn vị tiếp nhận, quản lý khai thác khi dự án được hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng.  - Việc phân cấp cho các địa phương cần phải quan tâm hỗ trợ việc tập huấn triển khai cho các địa phương. | Bộ KHĐT: Thống nhất một cơ chế thực hiện đối với nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm là Bộ GTVT phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có thẩm quyền nhằm phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động quản lý hành chính nhà nước tại trung ương và địa phương; phát huy tính tự chủ, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế, nguồn lực của các địa phương trong toàn bộ quá trình thực hiện dự án (từ bước đánh giá sự cần thiết, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để lập dự án tận thu sản phẩm; bước xác định giá trị sản phẩm tận thu, đánh giá tác động môi trường, xã hội, đánh giá an toàn, phòng chống sạt, lở đường bờ đến bước kiểm tra, giám sát cộng đồng trong quá trình thực hiện) từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực; việc phân cấp có thể làm giảm bớt các thủ tục hành chính, trong quá trình thực hiện sẽ sát với thực tế tại địa phương và nhu cầu của địa phương  Đồng Nai: Đề nghị giữ nguyên do Bộ GTVT thực hiện đẩy mạnh phân cấp theo Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2021 và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, thống nhất một cơ chế thực hiện đối với nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm (hiện Nghị định 159/2018/NĐ-CP (Điều 24) đã quy định phân cấp đối với nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm)  Cao Bằng: đối với công tác giải phóng mặt bằng để phục vụ thi công (nếu có) sẽ do Nhà đầu tư thực hiện bằng kinh phí của Nhà đầu tư nên không phải bố trí ngân sách địa phương.  Cần Thơ: Bổ sung cho phù hợp | 1. Đối với dự án do Bộ Giao thông vận tải quản lý:  a) Bộ Giao thông vận tải ~~là cơ quan có thẩm quyền~~ *tổ chức thực hiện khoản 1 Điều 25 Nghị định này*.  b) ~~phân cấp cho~~ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án *tổ chức* thực hiện ~~các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại~~ khoản 2, 3, 4 *Điều 25* Nghị định này. Trường hợp dự án nằm trên phạm vi từ 02 (hai) tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh liên quan đến phạm vi dự án và quyết định 01 (một) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ~~các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại~~ khoản 2, 3, 4 *Điều 25* Nghị định này. |
| 2. Sau khi Bộ Giao thông vận tải công bố danh mục Dự án theo quy định tại Điều 28 Nghị định này, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp tại khoản 1 Điều này. | **Đồng Nai:**Đề nghị xem xét, điều chỉnh thành:*“Đối với Dự án do Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 24 Nghị định này.”* | **Đồng Nai:** không tiếp thu do Bộ GTVT thực hiện đẩy mạnh phân cấp theoNghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2021 và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, thống nhất một cơ chế thực hiện đối với nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm (hiện Nghị định 159/2018/NĐ-CP (Điều 24) đã quy định phân cấp đối với nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm) | ~~2. Sau khi Bộ Giao thông vận tải công bố danh mục dự án theo quy định tại Điều 28 Nghị định này, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh được phân cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp tại khoản 1 Điều này.~~ |
| 3. Đối với Dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định này. |  |  | 2. Đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ~~là cơ quan có thẩm quyền~~ tổ chức thực hiện ~~theo quy định tại~~ *Điều 25* Nghị định này. |
| 4. Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan được phân cấp theo quy định tại Điều này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý dự án theo quy định. | **Đồng Nai:**Đề nghị xem xét, điều chỉnh thành:*“Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý dự án theo quy định.”* | **Đồng Nai:** không tiếp thu do Bộ GTVT thực hiện đẩy mạnh phân cấp theoNghị quyết số 99/NQ-CP ngày 24/6/2021 và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, thống nhất một cơ chế thực hiện đối với nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm (hiện Nghị định 159/2018/NĐ-CP (Điều 24) đã quy định phân cấp đối với nạo vét vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm) | ~~4. Cơ quan có thẩm quyền, cơ quan được phân cấp theo quy định tại Điều này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và quản lý dự án theo nhiệm vụ, quyền hạn quy định.~~ |
| **Điều 26. Chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án** | **UBND Hà Nội:** Tại các Điều 26, 29, 31, 33 dự thảo chưa quy định cụ thể nguồn vốn là nguồn nào (sự nghiệp hay đầu tư công), chưa quy định cụ thể hình thức tổ chức thẩm định, cơ quan có thẩm quyền để tổ chức thẩm định trình UBND cấp tỉnh phê duyệt; không quy định cụ thể nội dung thẩm định, trình tự thực hiện; không quy định cụ thể về năng lực tài chính, năng lực triển khai thực hiện, quy đình lựa chọn nhà đầu tư,… sẽ gây nhiều vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện… Đề nghị nghiên cứu, bổ sung để có thể huy động được tối đa nguồn lực Nhà nước và xã hội trong quá trình triển khai thực hiện. |  | **Điều 27. Chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án** |
| 1. Chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án, bao gồm: | **Hà Tĩnh:** Đề nghị quy định rõ các chi phí này (như: Chi phí hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức quản lý dự án; Chi phí thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện một số hoạt động thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý dự án,...) xác định như thế nào, có theo quy định pháp luật về đầu tư xây dựng hiện hành hay không, các quy định pháp luật về đầu tư xây dựng hiện hành đã đủ cơ sở xác định các chi phí này hay chưa. | Hà Tĩnh: tiếp thu, bổ sung như sau:  *“1. Chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án* theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật liên quan *bao gồm:”* | 1. Chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án *theo quy định của pháp luật đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường và pháp luật liên quan*, bao gồm: |
| a) Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; |  |  | a) Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; |
| b) Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; | **Bình Định:** Đề nghị chỉnh sửa thành *“Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, hoặc giấy phép môi trường hoặc lập hồ sơ Đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định liên quan”.* | Tiếp thu và đã chỉnh lý tại dự thảo | b) Chi phí lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, *giấy phép nhận chìm ở biển*, hoặc giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường theo quy định của pháp luật về ~~bảo vệ~~ môi trường và các quy định liên quan. |
| c) Chi phí tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; |  |  | c) Chi phí tổ chức lựa chọn nhà đầu tư; |
| d) Chi phí hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức quản lý dự án; chi phí giám sát dự án, chất lượng công trình, chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; |  |  | d) Chi phí hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức quản lý dự án; ~~chi phí giám sát dự án, chất lượng công trình,~~ chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành~~, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành~~; |
| đ) Chi phí thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện một số hoạt động thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý dự án; |  |  | đ) Chi phí thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện một số hoạt động thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý dự án; |
| e) Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, đàm phán hợp đồng dự án và các hợp đồng có liên quan; |  |  | e) Chi phí tổ chức hội nghị, hội thảo, đàm phán hợp đồng dự án và các hợp đồng có liên quan; |
| g) Chi phí khác. |  |  | *g) Chi phí nạo vét;* |
|  |  |  | *h) Các chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác liên quan đến dự án.* |
| 2. Chi phí quy định tại khoản 1 Điều này được bố trí từ các nguồn vốn sau: |  |  | 2. Chi phí quy định tại khoản 1 Điều này được bố trí từ các nguồn vốn sau: |
| a) Điểm a, b khoản 1 Điều này sử dụng từ nguồn vốn của doanh nghiệp đề xuất lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. Nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp trong kế hoạch hàng năm của địa phương được sử dụng trong trường hợp không có doanh nghiệp đề xuất lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | a) Điểm a, b khoản 1 Điều này sử dụng từ nguồn vốn của *tổ chức, cá nhân* ~~doanh nghiệp~~ đề xuất lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. Nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp trong kế hoạch hàng năm của địa phương được sử dụng trong trường hợp không có *tổ chức, cá nhân* ~~doanh nghiệp~~ đề xuất lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; |
| b) Điểm c khoản 1 Điều này sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp trong kế hoạch hàng năm của địa phương và nguồn thu từ việc bán hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư (nếu có); |  |  | b) Điểm c khoản 1 Điều này sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp trong kế hoạch hàng năm của địa phương và nguồn thu từ việc bán hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư (nếu có); |
| c) Điểm a, b, c khoản 1 Điều này sử dụng nguồn vốn do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả. Trường hợp doanh nghiệp đề xuất nghiên cứu dự án, đồng thời là nhà đầu tư được lựa chọn thì không phải hoàn trả chi phí tại điểm a, b khoản 1 Điều này; |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | c) Điểm a, b, c khoản 1 Điều này sử dụng nguồn vốn do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả *theo chi phí thực hiện dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chi phí do nhà đầu tư hoàn trả được thực hiện như sau:*  *Đối với chi phí tại điểm a, b khoản 1 Điều này: Trường hợp tổ chức, cá nhân đề xuất lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đồng thời là nhà đầu tư được lựa chọn thì không phải thực hiện hoàn trả; Trường hợp tổ chức, cá nhân đề xuất lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án không phải là nhà đầu tư được lựa chọn thì nhà đầu tư được lựa chọn hoàn trả cho tổ chức, cá nhân đề xuất lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án dưới sự giám sát của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án; Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi thì nhà đầu tư được lựa chọn hoàn trả theo hình thức nộp ngân sách nhà nước.*  *Đối với chi phí tại điểm c khoản 1 Điều này: nhà đầu tư được lựa chọn hoàn trả theo hình thức nộp ngân sách nhà nước.* |
| d) Điểm d, đ, e, g khoản 1 Điều này sử dụng nguồn vốn do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án chi trả; |  |  | d) Điểm d, đ, e, g, *h* khoản 1 Điều này sử dụng nguồn vốn do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án chi trả; |
| 3. Đối với Dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương sau khi được phân cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này để triển khai thực hiện. | **Lâm Đồng:** Xem xét sự phù hợp về việc sử dụng nguồn vốn với Luật Ngân sách hiện nay.  **Cao Bằng:**khi triển khai thực hiện sẽ có vướng mắc quy định tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, cụ thể:  - Tại khoản 4 Điều 9 quy định “Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo”.  - Tại khoản 9 Điều 9 quy định “Không được dùng ngân sách của cấp này để chi cho nhiệm vụ của cấp khác và không được dùng ngân sách của địa phương này để chi cho nhiệm vụ của địa phương khác”.  Dự án nằm trên địa bàn từ 02 tỉnh, thành phố trở lên được Bộ Giao thông vận tải phân cấp cho 01 tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ và địa phương đó sẽ phải bố trí ngân sách địa phương để thực hiện. Như vậy, khi triển khai công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn 02 tỉnh sẽ vướng mắc bởi quy định tại khoản 4, khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.  **Bộ KHĐT:[[10]](#footnote-10)** Đề nghị nghiên cứu chỉnh sửa cho phù hợp (với Khoản 1 Điều 25) | **Lâm Đồng:** Xin ý kiến chuyên môn về tài chính (Vụ TC)  **Cao Bằng:** đối với công tác giải phóng mặt bằng để phục vụ thi công (nếu có) sẽ do Nhà đầu tư thực hiện bằng kinh phí của Nhà đầu tư nên không phải bố trí ngân sách địa phương. | ~~3. Đối với Dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương sau khi được phân cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định này để triển khai thực hiện.~~ |
| 4. Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng chi phí do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *~~4. Bộ Tài chính hướng dẫn sử dụng chi phí do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả.~~* |
| **Điều 27. Lập danh mục dự án** | **Vụ KHĐT:**Đề nghị bổ sung điều kiện lựa chọn để đưa vào danh mục *“sự phù hợp với quy định chuyên ngành”*  **Bộ** **KHĐT**:  - Về điều kiện lựa chọn dự án đưa vào danh mục: Đề nghị nghiên cứu, bổ sung điều kiện sau: Vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa được đánh giá có tiềm năng tận thu sản phẩm nạo vét.  - Đề nghị nghiên cứu, bổ sung nội dung quy định danh mục dự án gồm những nội dung gì. | Đề nghị giữ nguyên do khi đánh giá sự cần thiết thực hiện phải đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, nhu cầu nạo vét… | **Điều 28. Lập danh mục dự án** |
| 1. Đối với Dự án do Bộ Giao thông vận tải quản lý: Trước tháng 9 của năm trước, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức lập hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt, trên cơ sở thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 1. Đối với *dự án quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này: Trong Quý I hàng năm*, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức *xây dựng danh mục dự án cho năm tiếp theo trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, công bố trên cơ sở* thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan. |
| 2. Đối với Dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Trước tháng 9 của năm trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, phê duyệt hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dự án. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 2. Đối với dự án *quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này: Trong Quý I hàng năm,* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *tổ chức xây dựng, công bố danh mục dự án cho năm tiếp theo.* |
| 3. Điều kiện lựa chọn dự án đưa vào danh mục: |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *3. Điều kiện lựa chọn dự án đưa vào danh mục:* |
| a) Sự cần thiết thực hiện dự án nạo vét; |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *a) Sự cần thiết đầu tư;* |
| b) Tên, địa điểm, phạm vi nạo vét; |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *b) Không trùng lặp với dự án nạo vét đã được quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định phê duyệt dự án hoặc quyết định phê duyệt kế hoạch bảo trì công trình hàng hải, đường thủy nội địa hằng năm;* |
| c) Tóm tắt các thông số kỹ thuật, chuẩn tắc thiết kế của công trình nạo vét; |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *c) Có lợi thế so với các hình thức đầu tư khác.* |
| d) Thời gian thực hiện. |  |  | ~~d) Thời gian thực hiện.~~ |
|  |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *4. Các trường hợp đưa dự án ra khỏi danh mục:*  *a) Dự án không khả thi.*  *b) Không tiến hành lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày công bố danh mục dự án.* |
|  |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *5. Các dự án đã đưa ra khỏi danh mục vẫn được xem xét đưa vào danh mục nếu đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều này* |
| **Điều 28. Công bố danh mục dự án** |  |  | **Điều 29. Công bố danh mục dự án** |
| 1. Đối với Dự án do Bộ Giao thông vận tải quản lý: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày danh mục dự án được phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải có văn bản thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được biết, đồng thời Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan quản lý chuyên ngành hàng hải, đường thủy nội địa thực hiện công bố danh mục dự án trên Trang thông tin điện tử của cơ quan. Danh mục dự án được công bố phải có những nội dung chủ yếu quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 26 của Nghị định này.  Đối với Dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày danh mục dự án được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện công bố danh mục dự án trên Trang thông tin điện tử của cơ quan. Danh mục dự án được công bố phải có những nội dung chủ yếu quy định tại khoản 3 Điều 27 của Nghị định này. | **Hà Tĩnh:** Đề nghị sửa lại là: *“…Danh mục dự án được công bố phải có những nội dung chủ yếu quy định tại khoản 3 Điều 27 của Nghị định này”.* | Tiếp thu | 1. Đối với *dự án quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này: Định kỳ trước ngày 30 tháng 4 hàng năm,* Bộ Giao thông vận tải công bố danh mục dự án và có văn bản thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án được biết. Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan quản lý chuyên ngành hàng hải, đường thủy nội địa thực hiện công bố, đăng tải danh mục dự án trên Trang thông tin điện tử của cơ quan. Danh mục dự án được công bố phải có những nội dung: Tên, địa điểm, phạm vi, thời gian thực hiện dự án; chuẩn tắc nạo vét; *tên, địa chỉ liên hệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định này.*  Đối với *dự án quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định này: Định kỳ trước ngày 30 tháng 4 hàng năm,* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện công bố danh mục dự án trên Trang thông tin điện tử của cơ quan. Danh mục dự án được công bố phải có những nội dung: Tên, địa điểm, phạm vi, thời gian thực hiện dự án; chuẩn tắc nạo vét; *tên, địa chỉ liên hệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị định này.* |
| 2. Khi danh mục dự án được phê duyệt sửa đổi, bổ sung, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan quản lý chuyên ngành hàng hải, đường thủy nội địa thực hiện việc thông báo và công bố theo quy định tại khoản 1 Điều này. |  |  | 2. *Trường hợp điều chỉnh danh mục dự án,* Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan quản lý chuyên ngành hàng hải, đường thủy nội địa thực hiện công bố, thông báo và đăng tải danh mục dự án theo quy định tại khoản 1 Điều này. |
| 3. Trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày công bố danh mục Dự án, trường hợp không phê duyệt được báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc không lựa chọn được Nhà đầu tư thì đưa dự án ra khỏi danh mục đã công bố. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *~~3. Trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày công bố danh mục Dự án, trường hợp không phê duyệt được báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc không lựa chọn được Nhà đầu tư thì đưa dự án ra khỏi danh mục đã công bố.~~* |
|  |  |  |  |
| **Điều 29. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án** | **Bộ XD:** Đề nghị Bộ Giao thông vận tải làm rõ về cơ sở pháp lý khi quy định các nội dung liên quan đến nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án và việc lập, thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án (bao gồm quy định về điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án) tại Điều 29, 30, 31, 32 dự thảo. |  | **Điều 30. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án** |
| 1. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do tổ chức, cá nhân đề xuất lập: | **VP Bộ:** Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bổ sung đầy đủ các thành phần của 01 TTHC theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát TTHC (ví dụ: cách thức nộp hồ sơ; mẫu văn bản đề nghị, mẫu văn bản trả lời, thời hạn giải quyết TTHC,…). | **VP Bộ:** một thủ tục HC phải đảm bảo yêu cầu theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 8 Nghị định  63/2010/NĐ-CP, tuy nhiên điều này không quy định TTHC nên chỉnh sửa lại một số nội dung | 1. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do tổ chức, cá nhân đề xuất lập: |
| a) Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề xuất đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án để được xem xét, chấp thuận. | **An Giang:** Cần làm rõ thêm điều kiện về kinh nghiệm và năng lực của tổ chức, cá nhận đăng ký tham gia. | Không tiếp thu do tham khảo Luật PPP không quy định điều kiện năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư đối với trường hợp dự án do nhà đầu tư đề xuất. | a) Tổ chức, cá nhân gửi văn bản đề xuất đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án để được xem xét, chấp thuận. |
| b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc tổ chức, cá nhân lập báo cáo nghiên cứu khả thi. Trường hợp chấp thuận phải quy định rõ thời hạn gửi báo cáo nghiên cứu khả thi đến Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh để thẩm định, phê duyệt. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *b) Văn bản chấp thuận việc tổ chức, cá nhân lập báo cáo nghiên cứu khả thi gồm các nội dung: Tên tổ chức, cá nhân được giao lập báo cáo nghiên cứu khả thi; Thời hạn, địa điểm nộp báo cáo nghiên cứu khả thi; cơ quan, đơn vị chủ trì tiếp nhận báo cáo nghiên cứu khả thi, thực hiện thủ tục trình thẩm định và trình phê duyệt dự án; Quy định về việc tổ chức, cá nhân chịu mọi chi phí, rủi ro trong trường hợp báo cáo nghiên cứu khả thi không được chấp thuận; Trách nhiệm, cách thức phối hợp của các cơ quan có liên quan trong việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân lập báo cáo nghiên cứu khả thi; Các nội dung khác có liên quan. Trường hợp không chấp thuận thì có văn bản nêu rõ lý do.*  *Trường hợp có từ 02 (hai) tổ chức, cá nhân đề xuất lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thì lựa chọn tổ chức, cá nhân lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo thứ tự ưu tiên gửi văn bản đề xuất sớm nhất đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án (theo quy định quản lý văn bản đến).* |
| c) Tổ chức, cá nhân sau khi hoàn thành lập báo cáo nghiên cứu khả thi, gửi đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thẩm định, phê duyệt. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *c) Tổ chức, cá nhân được chấp thuận thực hiện lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.* |
| d) Tổ chức, cá nhân lập báo cáo nghiên cứu khả thi chịu mọi chi phí, rủi ro khi báo cáo nghiên cứu khả thi không được phê duyệt. |  |  | d) Tổ chức, cá nhân lập báo cáo nghiên cứu khả thi chịu mọi chi phí, rủi ro khi báo cáo nghiên cứu khả thi không được phê duyệt. |
| 2. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập: |  |  | 2. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập: |
| Sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày công bố danh mục Dự án nếu không có tổ chức, cá nhân đề xuất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án làm cơ sở để lập hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư và đàm phán hợp đồng dự án. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | Sau 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày công bố danh mục dự án ~~nếu~~ không có tổ chức, cá nhân đề xuất *lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án,* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án ~~làm cơ sở để lập hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư và đàm phán hợp đồng dự án.~~ |
| **Điều 30. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án** |  |  | **Điều 31. Nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi dự án** |
| Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: |  |  | Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: |
| 1. Sự cần thiết đầu tư, lợi thế của việc đầu tư so với hình thức đầu tư khác; |  |  | 1. Sự cần thiết đầu tư, lợi thế của việc đầu tư so với hình thức đầu tư khác; |
| 2. Sự phù hợp của dự án với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *2. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.* |
| 3. Mục tiêu, quy mô và địa điểm thực hiện dự án; khối lượng nạo vét đánh giá thành phần chất nạo vét trên cơ sở số liệu khảo sát địa chất; mục đích và nhu cầu sử dụng chất nạo vét. | **Lai Châu:** Đề nghị sửa đổi thành: *“3. Mục tiêu, quy mô và địa điểm thực hiện dự án; khối lượng nạo vét; thành phần khoáng sản nạo vét theo số liệu khảo sát địa chất; khối lượng, mục đích và nhu cầu thu hồi, sử dụng khoáng sản từ quá trình nạo vét”.*  Lý do: Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Khoáng sản quy định: *“1. Khoáng sản là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ”.* Căn cứ quy định nêu trên thì bùn, đất, đá, cát, sỏi, than bùn (thực vật bị vùi bởi phù sa phân hủy lắng đọng) là khoáng sản. (than bùn nêu tại khoản 2 Điều 82 của Luật Khoáng sản).  Trong dự thảo *nêu “thành phần chất nạo vét theo số liệu khảo sát địa chất”* được hiểu là số liệu thành phần các cấu trúc của các vật thể trong đất, tích tụ trong lòng đất do đó cần điều chỉnh khoản 3 Điều 30 của dự thảo cho phù hợp quy định của tại khoản 1 Điều 2 của Luật Khoáng sản. | **Lai Châu:** Không tiếp thu doDự án nạo vét quy định tại Nghị định này không phải với mục đích khai thác khoáng sản, mà mục đích là nạo vét luồng, khu nước kết hợp thu hồi chất nạo vét để bù chi phí nên nội dung tại báo cáo nghiên cứu khả thi dự án chỉ xác định thành phần chất nạo vét. | 3. Mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện dự án; khối lượng nạo vét; thành phần chất nạo vét theo số liệu khảo sát địa chất; mục đích và nhu cầu sử dụng chất nạo vét; *khối lượng sản phẩm tận thu***.** |
| 4. Tiến độ, thời gian thực hiện dự án bao gồm: thời hạn hợp đồng, thời gian thi công. |  |  | 4. Tiến độ, thời gian thực hiện dự án bao gồm: thời hạn hợp đồng, thời gian thi công. |
| 5. Thuyết minh yêu cầu về phương án tổ chức quản lý, phương án thi công, phương tiện thi công, vị trí đổ thải đối với chất nạo vét không thu hồi (nếu có). Hồ sơ thiết kế theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 5. Thuyết minh yêu cầu về phương án tổ chức quản lý, *phương án kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của công trình, phương án xử lý đối với phần chất nạo vét* không tận thu (nếu có). Hồ sơ thiết kế theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan. |
| 6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có). |  |  | 6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có). |
| 7. Chi phí thực hiện dự án (bao gồm cả các chi phí được quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Nghị định này; thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản liên quan đến dự án; lãi vay huy động vốn thực hiện dự án, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư); giá trị sản phẩm tận thu; phương án thanh toán phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm tận thu.  a) Lãi vay huy động vốn thực hiện dự án: chỉ áp dụng đối với phần vốn nhà đầu tư phải đi vay; không tính lãi vay đối với phần vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư cam kết trong hợp đồng dự án. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết lãi vay huy động vốn thực hiện dự án;  b) Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư tính toán trong giai đoạn lập, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi, được tính trên thời gian thi công của dự án. Bộ Tài chính hướng dẫn cách xác định lợi nhuận của nhà đầu tư. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 7. Chi phí thực hiện dự án (bao gồm cả các chi phí được quy định tại Khoản 1 *Điều 27* của Nghị định này; thuế, phí, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản liên quan đến dự án; lãi vay huy động vốn thực hiện dự án, lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư); giá trị sản phẩm tận thu; phương án thanh toán phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm tận thu;  a) Lãi vay huy động vốn thực hiện dự án: chỉ *tính* ~~áp dụng~~ đối với phần vốn nhà đầu tư phải đi vay; không tính lãi vay đối với phần vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư cam kết trong hợp đồng dự án*, cách xác định theo quy định của pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư* ~~Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết lãi vay huy động vốn thực hiện dự án;~~  b) *Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư:* được tính *đối với* thời gian thi công của dự án, *cách xác định theo khung lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư thuộc lĩnh vực giao thông vận tải theo pháp luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư* ~~Bộ Tài chính hướng dẫn cách xác định lợi nhuận của nhà đầu tư.~~ |
| 8. Khả năng huy động vốn để thực hiện dự án. |  |  | 8. Khả năng huy động vốn để thực hiện dự án. |
| 9. Phân tích rủi ro, trách nhiệm của các bên về quản lý rủi ro trong quá trình thực hiện dự án. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 9. Phân tích rủi ro, *biện pháp* quản lý rủi ro của dự án. |
| 10. Các hình thức ưu đãi (nếu có). |  |  | 10. Các hình thức ưu đãi (nếu có). |
| 11. Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; Bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 11. Hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; *báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.* |
|  |  |  |  |
| **Điều 31. Tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án** |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | **Điều 32. Tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án *và phê duyệt dự án*** |
| Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án theo quy định pháp luật hiện hành. | **Hải Dương:[[11]](#footnote-11)** Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ: Cơ sở pháp lý để lập, phê duyệt “Dự án nạo vét” chịu sự điều chỉnh hành lang pháp lý của các quy định pháp luật nào có liên quan: Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công, Luật PPP, Luật đầu tư để sau khi Nghị định được Thủ tướng ban hành các địa phương không bị lung túng trong quá trình triển khai thực hiện. |  | *Cơ quan có thẩm quyền* tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và phê duyệt dự án theo quy định *pháp luật xây dựng và Nghị định này*. ~~hiện hành.~~ |
| **Điều 32. Điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án** |  |  | **Điều 33. Điều chỉnh dự án** |
| 1. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án được xem xét điều chỉnh trong trường hợp sau đây: |  |  | 1. ~~Báo cáo nghiên cứu khả thi~~ Dự án được xem xét điều chỉnh trong trường hợp sau đây: |
| a) Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng; |  |  | a) Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng; |
| b) Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội cho dự án; |  |  | b) Xuất hiện các yếu tố mang lại hiệu quả cao hơn về tài chính, kinh tế - xã hội cho dự án; |
| c) Quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi gây ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu, địa điểm, quy mô của dự án; |  |  | c) Quy hoạch, chính sách, pháp luật có liên quan thay đổi gây ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu, địa điểm, quy mô của dự án; |
| d) Không lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án. |  |  | d) Không lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án. |
| 2. Thủ tục thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định này. | **Tuyên Quang:**Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu lại nội dung này để đảm bảo chính xác vì Điều 31 dự thảo Nghị định chỉ quy định về nội dung tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án còn nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án được quy định tại Điều 32 dự thảo Nghị định. | Tiếp thu, chỉnh sửa | 2. *Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và phê duyệt điều chỉnh dự án* theo quy định *tại Điều 32 Nghị định này đối với nội dung điều chỉnh.* |
| **Điều 33. Lựa chọn nhà đầu tư** | **Hà Tĩnh:** Cần làm rõ hơn nội dung Điều 33, nên xác định việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án nạo vét khu nước trước bến cảng, luồng chuyên dùng có kết hợp thu hồi sản phẩm thực hiện theo Điều 16 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư (đã được sửa đổi tại Khoản 7 Điều 108 Nghị định 31/2021/NĐ-CP), để quá trình áp dụng rõ ràng hơn, căn cứ cụ thể hơn.  **Bộ KHĐT:[[12]](#footnote-12)** Đề nghị Bộ Giao thông vận tải giải trình, làm rõ cơ sở thực tiễn về việc điều chỉnh này.  **Hải Dương:[[13]](#footnote-13)** | Việc lựa chọn nhà đầu tư đã được quy định thực hiện theo pháp luật về đấu thầu vì vậy mọi trình tự, thủ tục mà quy định của pháp luật về đấu thầu đã quy định thì phải thực hiện và không cần quy định lại tại Nghị định này. | **Điều 34. Lựa chọn nhà đầu tư** |
| 1. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước theo quy định của pháp luật về đấu thầu. | **Cục QLĐTXD:** Đề nghị rà soát đảm bảo phù hợp với các quy định sau:  - Theo quy định tại Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2024): Việc tổ chức đấu thầu quốc tế để lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện đối với các dự án đầu tư kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật này (bao gồm dự án đầu tư thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực), trừ trường hợp sau đây:  *a) Dự án thuộc danh mục ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư;*  *b) Dự án cần thực hiện đấu thầu trong nước do yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội;*  *c) Dự án thực hiện tại khu vực hạn chế sử dụng đất, khu vực biển hạn chế sử dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan;*  *d) Dự án có tổng vốn đầu tư dưới 800 tỷ đồng;*  *đ) Dự án không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này và đã công bố, thông báo mời quan tâm tổ chức đấu thầu quốc tế nhưng không có nhà đầu tư nước ngoài tham gia.*  Như vậy, việc lựa chọn nhà đầu tư trong nước chỉ được áp dụng khi dự án nằm trong danh mục từ a) đến đ) nêu trên.  - Quy định tại Điều 16 và Mục A Phụ lục 1 Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư 2020 quy định về 25 ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường, công tác nạo vét không thuộc ngành nghề mà nhà đầu tư nước ngoài chưa được tiếp cận.  - Mặt khác, tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị định quy định: *“Hoạt động nạo vét phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này”.* | Tiếp thu, chỉnh sửa: | 1. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư *theo quy định của pháp luật về đấu thầu.* |
| 2. Điều kiện, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư và ưu đãi đối với nhà đầu tư trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. |  |  | 2. Điều kiện, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư và ưu đãi đối với nhà đầu tư trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. |
| 3. Trường hợp không lựa chọn được nhà đầu tư để thực hiện dự án, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền căn cứ mức độ cần thiết của dự án để bố trí ngân sách nhà nước thực hiện, trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại Chương III, Nghị định này. |  |  | 3. Trường hợp không lựa chọn được nhà đầu tư để thực hiện dự án, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền căn cứ mức độ cần thiết của dự án để bố trí ngân sách nhà nước thực hiện, trình tự thủ tục thực hiện theo quy định tại Chương III, Nghị định này. |
| **Điều 34. Ký kết hợp đồng dự án** |  |  | **Điều 35. Ký kết hợp đồng dự án** |
| Cơ quan có thẩm quyền tổ chức đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án với nhà đầu tư thực hiện dự án. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | Cơ quan có thẩm quyền tổ chức đàm phán, ký kết hợp đồng dự án với nhà đầu tư thực hiện dự án. *Đối với nhà đầu tư liên danh, tất cả các thành viên liên danh phải trực tiếp ký, đóng dấu (nếu có) vào hợp đồng.* |
| **Điều 35. Nội dung hợp đồng dự án** |  |  | **Điều 36. Nội dung hợp đồng dự án** |
| 1. Nội dung cơ bản của hợp đồng dự án:  a) Thông tin về các bên trong hợp đồng;  b) Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời hạn và tiến độ thực hiện dự án;  c) Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công trình dự án;  d) Chi phí thực hiện dự án theo quy định tại khoản 7, Điều 30 Nghị định này;  đ) Giá trị sản phẩm tận thu; giá trị thanh toán phần chênh lệch giữa giá trị sản phẩm tận thu và chi phí thực hiện dự án; hình thức thanh toán hợp đồng;  e) Nguồn vốn thực hiện dự án;  g) Bàn giao mặt bằng xây dựng, bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có);  h) Bảo đảm thực hiện hợp đồng;  h) Thi công xây dựng, kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng, nghiệm thu, quyết toán dự án;  i) Bàn giao dự án;  k) Bảo đảm thực hiện hợp đồng;  l) Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng;  m) Xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện dự án; phạt hợp đồng;  n) Sự kiện bất khả kháng và nguyên tắc xử lý;  o) Các hình thức ưu đãi (nếu có);  p) Khiếu nại và giải quyết tranh chấp hợp đồng;  q) Hiệu lực và thời hạn hợp đồng dự án; sửa đổi, bổ sung hợp đồng; chấm dứt hợp đồng;  r) Các nội dung khác theo thỏa thuận giữa các bên ký kết. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 1. Nội dung cơ bản của hợp đồng dự án:  a) Thông tin về các bên trong hợp đồng;  b) Mục tiêu, quy mô, địa điểm thực hiện dự án; *khối lượng nạo vét và phương án điều chỉnh khối lượng nạo vét, khối lượng sản phẩm tận thu và điều chỉnh khối lượng sản phẩm tận thu; mục đích sử dụng sản phẩm tận thu, phương án xử lý đối với phần chất nạo vét không tận thu (nếu có);* tiến độ, thời gian thực hiện dự án *gồm thời hạn hợp đồng, thời hạn thi công; điểu chỉnh tiến độ, thời gian thực hiện dự án;*  c) Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng công trình dự án;  d) Chi phí thực hiện dự án theo quy định tại khoản 7 Điều 31 Nghị định này, *đối với chi phí nạo vét thì đơn giá thi công nạo vét được thực hiện theo hình thức đơn giá cố định, phương án điều chỉnh chi phí thực hiện dự án khi điều chỉnh khối lượng nạo vét.*  đ) Giá trị sản phẩm tận thu; giá trị thanh toán *và phương án thanh toán* phần chênh lệch giữa giá trị sản phẩm tận thu và chi phí thực hiện dự án; hình thức và *thời hạn* thanh toán;  e) Nguồn vốn thực hiện dự án, *kế hoạch thu xếp tài chính;*  g) Bàn giao mặt bằng xây dựng, bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có);  h) Thiết kế, tổ chức thi công, kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng, nghiệm thu, quyết toán dự án; Bàn giao dự án;  i) Bảo đảm thực hiện hợp đồng;  k) Quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng; *trách nhiệm thực hiện các thủ tục xin cấp phép theo quy định của pháp luật có liên quan;*  l) *Phương án xử lý trong trường hợp hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự để tiếp tục thực hiện hợp đồng;* xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện dự án; phạt hợp đồng;  *m) Trách nhiệm của các bên liên quan đến bảo mật thông tin; chế độ báo cáo; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát;*  n) Sự kiện bất khả kháng và nguyên tắc xử lý;  o) Các hình thức ưu đãi (nếu có);  p) Các nguyên tắc, điều kiện sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn; quyền và nghĩa vụ các bên khi thanh lý hợp đồng;  q) Pháp luật điều chỉnh hợp đồng và cơ chế giải quyết tranh chấp;  r) Hiệu lực và thời hạn hợp đồng dự án; sửa đổi, bổ sung hợp đồng; chấm dứt hợp đồng;  s) Các nội dung khác theo thỏa thuận giữa các bên ký kết *đảm bảo phù hợp quy định pháp luật.* |
| 2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng dự án bao gồm phụ lục, tài liệu và giấy tờ khác là bộ phận không tách rời của hợp đồng dự án. |  |  | 2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng dự án bao gồm phụ lục, tài liệu và giấy tờ khác là bộ phận không tách rời của hợp đồng dự án. |
| 3. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết sử dụng khoản tiền phạt hợp đồng dự án. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *3. Nhà đầu tư thực hiện nộp ngân sách nhà nước tiền phạt theo hợp đồng dự án theo quy định của pháp luật* |
|  |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | ~~3. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết sử dụng khoản tiền phạt hợp đồng dự án~~ |
| **Điều 36. Sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án** |  |  | **Điều 37. Sửa đổi~~, bổ sung~~ hợp đồng dự án** |
| Hợp đồng dự án được sửa đổi, bổ sung khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định tại Điều 32 Nghị định này, điều chỉnh hồ sơ đề xuất dự án (đối với dự án chuyển tiếp) và các trường hợp khác theo quy định tại hợp đồng dự án. |  |  | Hợp đồng dự án được sửa đổi~~, bổ sung~~ khi dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng, điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định tại *Điều 33* Nghị định này, điều chỉnh hồ sơ đề xuất dự án (đối với dự án chuyển tiếp) và các trường hợp khác theo quy định tại hợp đồng dự án. |
| **Điều 37. Thời hạn và bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án** |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | **Điều 38. Thời hạn, bảo đảm thực hiện hợp đồng, *chấm dứt hợp đồng dự án*** |
| 1. Thời hạn hợp đồng dự án do các bên thỏa thuận phù hợp với hồ sơ đề xuất dự án hoặc hồ sơ đề xuất dự án điều chỉnh (đối với dự án chuyển tiếp), báo cáo nghiên cứu khả thi dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án điều chỉnh được phê duyệt. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 1. Thời hạn hợp đồng dự án do các bên thỏa thuận trên cơ sở *dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.* ~~hồ sơ đề xuất dự án hoặc hồ sơ đề xuất dự án điều chỉnh (đối với dự án chuyển tiếp), báo cáo nghiên cứu khả thi dự án hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi dự án điều chỉnh được phê duyệt.~~ |
| 2. Hợp đồng dự án chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cơ quan ký kết hợp đồng phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trước khi chấm dứt hợp đồng. |  |  | 2. Hợp đồng dự án chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Điều 422 Bộ luật Dân sự năm 2015. Cơ quan ký kết hợp đồng phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trước khi chấm dứt hợp đồng. |
| 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án được cơ quan có thẩm quyền quyết định hình thức, giá trị, thời gian hiệu lực theo quy định của pháp luật về đấu thầu và hợp đồng dự án. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án được cơ quan có thẩm quyền quyết định hình thức, giá trị, thời gian hiệu lực theo quy định của pháp luật về đấu thầu và ~~hợp đồng~~ dự án *được phê duyệt.* |
|  |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *4. Chấm dứt hợp đồng dự án*  *a) Việc chấm dứt hợp đồng dự án thực hiện theo quy định tại hợp đồng, làm cơ sở cho việc thanh lý hợp đồng.*  *b) Việc chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn chỉ áp dụng trong các trường hợp sau đây:*  *Dự án bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng mà các bên đã thực hiện các biện pháp khắc phục nhưng không bảo đảm việc tiếp tục thực hiện hợp đồng dự án;*  *Vì lợi ích quốc gia; bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước;*  *Khi nhà đầu tư mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;*  *Khi một trong các bên trong hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại hợp đồng;*  *Trường hợp khác do hoàn cảnh thay đổi cơ bản theo quy định của pháp luật về dân sự, các bên ký kết hợp đồng thỏa thuận về chấm dứt hợp đồng.* |
| **Điều 38. Điều kiện triển khai và lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án** |  |  | **Điều 39. Điều kiện triển khai và lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án** |
| 1. Dự án được triển khai sau khi hợp đồng dự án được ký kết và thực hiện đầy đủ các thủ tục về môi trường, tài nguyên khoáng sản và các thủ tục khác theo quy định. |  |  | 1. Dự án được triển khai sau khi hợp đồng dự án được ký kết và thực hiện đầy đủ các thủ tục về môi trường, tài nguyên khoáng sản và các thủ tục khác theo quy định. |
| 2. Nhà đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn, thi công, nhà thầu khác theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với việc thực hiện của mình. |  |  | 2. Nhà đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn, thi công, nhà thầu khác theo quy định pháp luật và chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với việc thực hiện của mình. |
| **Điều 39. Lập thiết kế bản vẽ thi công** |  |  | ***Điều 40. Lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở*** |
| 1. Nhà đầu tư lập thiết kế bản vẽ thi công gửi cơ quan có thẩm quyền để thống nhất trước khi phê duyệt. Sau khi phê duyệt, nhà đầu tư gửi cơ quan ký hợp đồng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công để giám sát, kiểm tra. Việc thay đổi thiết kế bản vẽ thi công phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. | **Quảng Nam:** Đề nghị bổ sung các nội dung cần xem xét, thống nhất TKBVTC của cơ quan có thẩm quyền để thuận lợi trong quá trình thực hiện.  Đề nghị bổ sung TH cho phép điều chỉnh TKBVTC, thủ tục thẩm định, phê duyệt điều chỉnh TKBVTC đối với DA nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trong vùng nước cảng biển và vùng nước ĐTNĐ.  **TPHCM:** Sửa đổi khoản 1 với nội dung sau: *“1. Nhà đầu tư lập thiết kế bản vẽ thi công gửi cơ quan có thẩm quyền để thống nhất trước khi phê duyệt. Việc thay đổi thiết kế bản vẽ thi công phải được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.”*  Lý do: Sau khi được phê duyệt, công tác ký hợp đồng với cơ quan có thẩm quyền, các hồ sơ liên quan đến dự án cần xuất trình ngoài hồ sơ TKBVTC có thể sẽ có các yêu cầu hồ sơ khác liên quan do cơ quan ký HĐ yêu cầu phù hợp theo quy định pháp luật.  **Bộ XD:** Đề nghị xem xét quy định việc lập “thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở” thay cho “thiết kế bản vẽ thi công” tại Điều 39 dự thảo để thống nhất với quy định của pháp luật về xây dựng. | **Quảng Nam:** tiếp thu, chỉnh sửa  **TPHCM:** tiếp thu, chỉnh sửa | *1.  Cơ quan có thẩm quyền quyết định số bước thiết kế xây dựng khi phê duyệt dự án.*  2. Nhà đầu tư lập *thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở* ~~thiết kế bản vẽ thi công~~ gửi cơ quan có thẩm quyền để thống nhất trước khi phê duyệt. Sau khi phê duyệt, nhà đầu tư gửi cơ quan ký hợp đồng hồ sơ *thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở* ~~thiết kế bản vẽ thi công~~ để giám sát, kiểm tra. Việc thay đổi *thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở* ~~thiết kế bản vẽ thi công~~ phải được sự thống nhất ~~chấp thuận~~ bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. |
| 2. Việc lập, thẩm tra, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng. |  | Chỉnh sửa cho phù hợp | 3. Việc lập, thẩm tra, phê duyệt *thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở* ~~thiết kế bản vẽ thi công~~ thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng. |
| **Điều 40. Giám sát thực hiện hợp đồng dự án** |  |  | **Điều 41. Giám sát thực hiện hợp đồng dự án** |
| 1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ của dự án; tổ chức lựa chọn tư vấn độc lập để giám sát môi trường, giám sát thi công xây dựng theo thiết kế, phương án thi công quy định tại hợp đồng dự án; phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn giám sát môi trường, giám sát thi công sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan có thẩm quyền. |  |  | 1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ của dự án; tổ chức lựa chọn tư vấn độc lập để giám sát môi trường, giám sát thi công xây dựng theo thiết kế, phương án thi công, ~~quy định tại~~ hợp đồng dự án; phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn giám sát môi trường, giám sát thi công sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan có thẩm quyền. |
| 2. Cơ quan có thẩm quyền tổ chức giám sát việc tuân thủ các nghĩa vụ của nhà đầu tư theo quy định tại hợp đồng dự án và quy định tại Nghị định này. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn tư vấn đủ năng lực để hỗ trợ quản lý thực hiện hợp đồng dự án. |  |  | 2. *Cơ quan ký kết hợp đồng* tổ chức giám sát việc tuân thủ các nghĩa vụ của nhà đầu tư theo quy định tại hợp đồng dự án và quy định tại Nghị định này. Trong trường hợp cần thiết, *cơ quan ký kết hợp đồng được thuê tư vấn hỗ trợ giám sát* thực hiện hợp đồng dự án. |
| 3. Kinh phí cho công tác tư vấn hỗ trợ quản lý thực hiện hợp đồng dự án quy định tại khoản 2 Điều này, được nhà đầu tư chuyển vào tài khoản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thanh toán cho tư vấn hỗ trợ quản lý thực hiện hợp đồng dự án. |  |  | 3. *Chi phí thuê tư vấn hỗ trợ giám sát* thực hiện hợp đồng dự án quy định tại khoản 2 Điều này được nhà đầu tư chuyển vào tài khoản của *cơ quan ký kết hợp đồng* để thực hiện thanh toán cho đơn vị tư vấn. |
| 4. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết khoản 3 Điều này. |  |  | ~~4. Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết khoản 3 Điều này.~~ |
| **Điều 41. Bàn giao dự án** |  |  | **Điều 42. Bàn giao dự án** |
| 1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn tư vấn độc lập để thực hiện khảo sát phục vụ nghiệm thu giai đoạn và hoàn thành dự án, kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn độc lập để thực hiện khảo sát phục vụ nghiệm thu giai đoạn và hoàn thành dự án, kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan có thẩm quyền. |  |  | 1. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn tư vấn độc lập để thực hiện khảo sát phục vụ nghiệm thu giai đoạn và hoàn thành dự án, kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; phê duyệt kết quả lựa chọn tư vấn độc lập để thực hiện khảo sát phục vụ nghiệm thu giai đoạn và hoàn thành dự án, kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan có thẩm quyền. |
| 2. Sau khi hoàn thành thực hiện dự án, nhà đầu tư báo cáo cơ quan có thẩm quyền để tổ chức khảo sát đo đạc, nghiệm thu hoàn thành, bàn giao đưa dự án vào sử dụng. | **Tiền Giang:** Đề nghị sửa thành: *“Sau khi hoàn thành thực hiện dự án, công trình phải thanh thải vật chướng ngại do xây dựng dự án, công trình gây ra (nếu có) và được đơn vị quản lý vùng nước cảng góp ý dự thảo Nghị định về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa biển hoặc vùng nước đường thủy nội địa phụ trách khu vực xác nhận giao thông trên luồng được bảo đảm như trước khi thi công dự án, công trình. Nhà đầu tư báo cáo cơ quan có thẩm quyền để tổ chức khảo sát đo đạc, nghiệm thu* *hoàn thành, bàn giao đưa dự án vào sử dụng”.*  Lý do: Nhằm phù hợp với quy định tại điểm d khoản 3 Điều 15 của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014. | Đề nghị giữ nguyên do công trình sau khi hoàn thành phải khảo sát., đo đạc đảm bảo yêu cầu mới được nghiệm thu | 2. Sau khi hoàn thành thực hiện dự án, nhà đầu tư báo cáo cơ quan có thẩm quyền để tổ chức khảo sát đo đạc, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án, *bàn giao dự án đưa vào sử dụng.* |
| 3. Trách nhiệm tổ chức nghiệm thu, bàn giao dự án: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức khảo sát đo đạc, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án và nhận bàn giao từ nhà đầu tư; thanh quyết toán theo hợp đồng dự án; thanh lý hợp đồng dự án và bàn giao cho Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quản lý đối với dự án được Bộ Giao thông vận tải phân cấp. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 3. Trách nhiệm tổ chức khảo sát đo đạc, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án, bàn giao dự án: *cơ quan có thẩm quyền* có trách nhiệm tổ chức khảo sát đo đạc, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án và nhận bàn giao từ nhà đầu tư; thanh quyết toán theo hợp đồng dự án; thanh lý hợp đồng dự án; bàn giao cho Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam quản lý đối với dự án *quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định này* ~~được Bộ Giao thông vận tải phân cấp.~~ |
| 4. Sau khi tiếp nhận dự án, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổ chức quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo chức năng, thẩm quyền. |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **Điều 42. Xác định giá trị sản phẩm thu hồi** | **Thừa Thiên – Huế**: Đề nghị nghiên cứu quy định tại Luật Khoáng sản 2010 và Luật Thuế tài nguyên (Nghị định số 67/2019/NĐ-CP)  **TPHCM:** Về nội dung liên quan xác định Giá sản phẩm tận thu tại khoản 9 Điều 3 và Điều 42: Cơ quan soạn thảo cần làm rõ khái niệm sản phẩm tận thu của các dự án nạo vét vì sản phẩm tận thu có thể bao gồm hoặc không bao gồm TNKS nên việc xác định Giá sản phẩm tận thu theo Bảng giá tính thuế TNKS do UBND cấp tỉnh ban hành thì có khá năng phát sinh vướng mắc trong công tác định giá. | Tiếp thu | **Điều 43. Xác định giá trị sản phẩm tận thu**  ~~1. Sản phẩm tận thu là chất nạo vét được tận thu để sử dụng.~~ *(Chuyển lên Điều 3)* |
| 1. Giá trị sản phẩm tận thu được xác định trên cơ sở khối lượng (trữ lượng) sản phẩm tận thu nhân với giá sản phẩm tận thu tại địa điểm thực hiện Dự án. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | 2. Giá trị sản phẩm tận thu được xác định trên cơ sở khối lượng sản phẩm tận thu từ dự án và giá sản phẩm tận thu. |
| 2. Giá sản phẩm tận thu tại địa điểm thực hiện dự án là giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm tận thu từ dự án do UBND cấp tỉnh quy định | **Sóc Trăng:** Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau: *“Giá sản phẩm tận thu tại địa điểm thực hiện dự án được xác định trên cơ sở giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm tận thu từ dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định”.*  **An Giang:**Cần làm rõ cụm từ *“là giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm tận thu”* để làm cơ sở áp dụng cho đúng theo quy định. | Mỗi địa phương sẽ ban hành giá tính thuế tài nguyên khoáng sản theo quy định và đơn giá này là cơ sở để tính thuế tài nguyên và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vì vậy sử dụng đơn giá tính thuế tài nguyên là có cơ sở để áp dụng | *3. Giá sản phẩm tận thu là giá tính thuế tài nguyên tương ứng với từng loại sản phẩm tận thu ~~từ dự án~~ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án quy định.*  *4. Tại thời điểm lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, trường hợp chưa xác định được giá tính thuế tài nguyên đối với từng loại sản phẩm tận thu từ dự án thì có thể tạm tính theo giá tính thuế tài nguyên của sản phẩm phù hợp nhất với sản phẩm tận thu và phù hợp nhất với mục đích sử dụng sản phẩm tận thu.*  *5. Đối với phần chất nạo vét không tận thu phải có hồ sơ, tài liệu chứng minh phương án xử lý, làm cơ sở để không phải xác định giá sản phẩm tận thu.* |
| **Điều 43. Nguyên tắc thanh toán giá trị phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm tận thu** | **Cao Bằng:** Đề nghị làm rõ nội dung Điều 43  Nguyên nhân: khi thực hiện nội dung này, sẽ dẫn đến vướng mắc thanh toán giá trị phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm tận thu. Dự thảo chưa quy định rõ cơ quan có thẩm quyền xác định tỷ lệ phân chia phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm tận thu, chỉ quy định trường hợp có chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm tận thu thì sẽ nộp ngân sách địa phương có dự án hoặc ngân sách địa phương có dự án bố trí để thanh toán cho nhà đầu tư. Vậy, địa phương có dự án ở đây được hiểu là địa phương được giao thực hiện nhiệm vụ (một tỉnh) hay địa phương theo địa điểm thực hiện dự án (từ 02 tỉnh, thành phố trở lên). | Tiếp thu, chỉnh sửa như dưới đây: | **Điều 44. Nguyên tắc thanh toán giá trị phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm tận thu** |
| 1. Trường hợp chi phí thực hiện dự án nhỏ hơn giá trị sản phẩm tận thu thì nhà đầu tư có trách nhiệm nộp phần chênh lệch vào ngân sách địa phương có dự án. |  |  | 1. Trường hợp chi phí thực hiện dự án nhỏ hơn giá trị sản phẩm tận thu thì nhà đầu tư có trách nhiệm nộp phần chênh lệch vào ngân sách *nhà nước* ~~địa phương~~ *phần chênh lệch này không thấp hơn giá trị trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký kết.* |
| 2. Trường hợp chi phí thực hiện dự án lớn hơn giá trị sản phẩm tận thu thì cơ quan có thẩm quyền xác định giá trị phần chênh lệch và thực hiện thanh toán cho nhà đầu tư. Kinh phí thanh toán phần chênh lệch được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương có dự án. | **Thanh Hóa:**Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể việc sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương để thanh toán phần chênh lệch trong trường hợp chi phí thực hiện dự án lớn hơn giá trị sản phẩm tận thu. | *Tiếp thu* | 2. Trường hợp chi phí thực hiện dự án lớn hơn giá trị sản phẩm tận thu thì cơ quan có thẩm quyền xác định giá trị phần chênh lệch và thực hiện thanh toán cho nhà đầu tư. Kinh phí thanh toán phần chênh lệch được sử dụng từ nguồn ngân sách *nhà nước* ~~địa phương.,~~ *phần chênh lệch này không cao hơn giá trị trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng đã ký kết.* |
| **Điều 44. Kiểm toán và quyết toán dự án** |  |  | **Điều 45. Kiểm toán và quyết toán dự án** |
| 1. Nhà đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm toán báo cáo quyết toán Dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm. |  |  |  |
|  |  |  |  |
| 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán kinh phí dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý và phân cấp tại Điều 25 Nghị định này. | **TPHCM:** Đề nghị làm rõ nội dung tại khoản 2 Điều 44: *"2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán kinh phí dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý và phân cấp tại Điều 25 Nghị định này".* | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *2. Cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xác định phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm tận thu sau khi hoàn thành dự án và giám sát nhà đầu tư thực hiện.* ~~tổ chức thẩm tra, phê duyệt quyết toán kinh phí dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao quản lý và phân cấp tại Điều 25 Nghị định này.~~ |
| 3. Bộ Tài chính hướng dẫn thanh toán, quyết toán kinh phí dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | ~~3. Bộ Tài chính hướng dẫn thanh toán, quyết toán kinh phí dự án~~ |
| **Chương V**  **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC** |  |  | **Chương V**  **TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC** |
| **Điều 45. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải** | **Bộ NN:** Đề nghị giữ nguyên khoản 4 Điều 43 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP, cụ thể: “*4. Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm tổng hợp và cung cấp khối lượng chất nạo vét dự kiến thu hồi trên phạm vi toàn quốc để phục vụ nhu cầu bồi lắp, san lấp những khu vực bờ biển bị xâm thực, công trình lấn biển, chống biến đổi khí hậu theo yêu cầu (nếu có) của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*.”  **TPHCM:** Căn cứ mục 4 Chỉ thị Số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác QLNN đối với hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản; đề nghị xem xét, bổ sung một khoản tại Điều 45 với nội dung như sau: Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải: *“Xác định phạm vi, quy mô, ranh giới các khu vực thuộc phạm vi bảo vệ an toàn tuyến luồng các công trình trên sông thuộc thẩm quyền quản lý, phê duyệt, thông báo kế hoạch, thời gian thực hiện hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa hàng năm thuộc thẩm quyền đến Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân câp tỉnh có liên quan để phối hợp quản lý theo quy định, tăng cường kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư thực hiện các dự án nạo vét, khơi thông luồng; xử lý nghiêm các trường hợp thực hiện không đúng chuẩn tắc thiết kế, lợi dụng việc nạo vét, khơi thông luồng để khai thác cát, khai thác khoáng sản trái phép".*  **Bộ KHĐT:[[14]](#footnote-14)** Đề nghị nghiên cứu bổ sung trách nhiệm của Bộ GTVT trong việc bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và điều kiện cần thiết khác để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Bộ phân cấp. | Đề nghị giữ nguyên | **Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải** |
| 1. Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa theo quy định. |  |  | 1. Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa theo quy định. |
| 2. Đối với công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa từ nguồn ngân sách nhà nước: |  |  | 2. Đối với công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa từ nguồn ngân sách nhà nước: |
| a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải và luồng đường thủy nội địa quốc gia; |  |  | a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải và luồng đường thủy nội địa quốc gia; |
| b) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. |  |  | b) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. |
| 3. Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa. |  |  | 3. Rà soát, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa. |
| **Điều 46. Trách nhiệm của Bộ Tài chính** |  |  | **Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Tài chính** |
| 1. Cân đối, bố trí đủ nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện công tác nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa (kể cả cơ sở hạ tầng thông tin cho công tác giám sát quản lý nhà nước) theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải. | Bộ TC:[[15]](#footnote-15) đề nghị Bộ Giao thông vận tải bỏ nội dung tại khoản 1 Điều 46 dự thảo Nghị định. | Đề nghị giữ nguyên | 1. Cân đối, bố trí đủ nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện công tác nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa (kể cả cơ sở hạ tầng thông tin cho công tác giám sát quản lý nhà nước) theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải. |
| 2. Hướng dẫn thanh toán, quyết toán công tác nạo vét, duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng ngân sách nhà nước. | Bộ TC:[[16]](#footnote-16) đề nghị Bộ Giao thông vận tải bỏ nội dung tại khoản 2 Điều 46 dự thảo Nghị định | Đề nghị giữ nguyên | 2. Hướng dẫn thanh toán, quyết toán công tác nạo vét, duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng ngân sách nhà nước. |
| 3. Hướng dẫn thanh toán, quyết toán; sử dụng chi phí do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả; lãi vay huy động vốn thực hiện dự án và lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư; sử dụng khoản tiền phạt theo hợp đồng đối với dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm. |  | Chỉnh sửa cho phù hợp | 3. Hướng dẫn ~~thanh toán, quyết toán; sử dụng chi phí do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả; lãi vay huy động vốn thực hiện dự án và lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư;~~ sử dụng khoản tiền phạt theo hợp đồng đối với dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm. |
| **Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường** | **Quảng Ngãi:** Đề nghị bổ sung nội dung *“Ban hành Thông tư hướng dẫn kỹ thuật xác định khu vực, địa điểm trên đất liền có khả năng tiếp nhận nguồn chất nạo vét từ hoạt động nạo vét duy tu vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa”.* | Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung thêm khoản 4 vào Điều 47 dự thảo Nghị định | **Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường** |
| 1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với hoạt động nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa quốc gia quy định tại Nghị định này. |  |  | 1. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với hoạt động nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa quốc gia quy định tại Nghị định này. |
| 2. Chủ trì xây dựng và ban hành các định mức, đơn giá lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án nhận chìm ở biển và giám sát môi trường đối với hoạt động nạo vét luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa từ ngân sách nhà nước. |  |  | 2. Chủ trì xây dựng và ban hành các định mức, đơn giá lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án nhận chìm ở biển và giám sát môi trường đối với hoạt động nạo vét luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa từ ngân sách nhà nước. |
| 3. Chủ trì xây dựng và ban hành hướng dẫn kỹ thuật đánh giá, phân tích thành phần, hàm lượng, khối lượng khoáng sản đối với các dự án, công trình nạo vét, duy tu trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. |  |  | 3. Chủ trì xây dựng và ban hành hướng dẫn kỹ thuật đánh giá, phân tích thành phần, hàm lượng, khối lượng khoáng sản đối với các dự án, công trình nạo vét, duy tu trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. |
|  |  |  | *4. Ban hành Thông tư hướng dẫn kỹ thuật xác định khu vực, địa điểm trên bờ có khả năng tiếp nhận nguồn chất nạo vét từ hoạt động nạo vét duy tu vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa.* |
| **Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng** |  |  | **Điều 49. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng** |
| Chủ trì xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn chất nạo vét để tận dụng chất nạo vét vào mục đích san lấp, xây dựng và mục đích khác. | **Bộ XD:** Sản phẩm nạo vét luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa quốc gia không đồng nhất về tính chất cơ lý. Vì thế, đề nghị chỉ quy định trách nhiệm của Bộ Xây dựng trong việc xây dựng, ban hành tiêu chuẩn và các điều kiện cần thiết để có thể tận dụng sản phẩm nạo vét vào mục đích san lấp, xây dựng. |  | Chủ trì xây dựng và ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn chất nạo vét để tận dụng chất nạo vét vào mục đích san lấp, xây dựng và mục đích khác. |
|  | **Bộ CA:** đề nghị bổ sung thêm Điều như sau:  **Điều X. Trách nhiệm của Bộ Công an**  1. Đảm bảo an ninh, trật tự trong phạm vi vùng nước cảng biển và vùng nước đường thuỷ nội địa có hoạt động nạo vét.  2. Kiểm tra, xử lý vi phạm về an ninh, trật tự đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thuỷ nội địa theo quy định của pháp luật. | Nghiên cứu, tiếp thu | ***Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Công an***  *1. Đảm bảo an ninh, trật tự trong phạm vi vùng nước cảng biển và vùng nước đường thuỷ nội địa có hoạt động nạo vét.*  *2. Kiểm tra, xử lý vi phạm về an ninh, trật tự đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thuỷ nội địa theo quy định của pháp luật.* |
| **Điều 49. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** | **BĐATHH miền Bắc:** Đề nghị bổ sung thêm một khoản quy định về trách nhiệm công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét hàng năm. | Quy định về công bố đã được quy định thống nhất tại Điều 8 của dự thảo Nghị định | **Điều 51. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh** |
| 1. Thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp của Bộ Giao thông vận tải đối với các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa quốc gia. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *~~1. Thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp của Bộ Giao thông vận tải đối với các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa quốc gia.~~* |
| 2. Hướng dẫn thủ tục và thực hiện cấp đăng ký sản phẩm tận thu đối với các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. | **Sóc Trăng:** Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung như sau *“Hướng dẫn trình tự, thủ tục và xác nhận đăng ký khối lượng sản phẩm tận thu đối với các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.”* | Tiếp thu | *1. Hướng dẫn trình tự, thủ tục và xác nhận đăng ký khối lượng sản phẩm tận thu đối với các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.* |
| 3. Quản lý, sử dụng chất nạo vét đổ lên bờ theo quy định. |  |  | 2. Quản lý, sử dụng chất nạo vét đổ lên bờ theo quy định. |
| **Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |  |  | **Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH** |
| **Điều 50. Hiệu lực thi hành** |  |  | **Điều 52. Hiệu lực thi hành** |
| 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, thay thế Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. |  |  | 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, thay thế Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. |
| 2. Bãi bỏ Điều 11 Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. | **Hải Phòng:**Đề nghị bổ sung *“Bãi bỏ* *Điều 10 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.”* | Tiếp thu | 2. Bãi bỏ Điều 11 Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải *và Điều 10 Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.* |
| 3. Các quy định pháp luật khác liên quan đến tổ chức thực hiện nạo vét nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa trái với quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này. | **Vụ PC:** Đề nghị bỏ khoản 3 Điều 50. |  | 3. Các quy định pháp luật khác liên quan đến tổ chức thực hiện nạo vét nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa trái với quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này. |
| **Điều 51. Quy định chuyển tiếp** |  |  | **Điều 53. Quy định chuyển tiếp** |
| 1. Đối với công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng đã được ký Hợp đồng dịch vụ công trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ đến khi hoàn thành Hợp đồng. | **Hưng Yên:** Đề nghị bỏ cụm từ *“ngày 28/11/2018 của Chính phủ”* sau cụm từ *“Nghị định số 159/2018/NĐ-CP”* cho phù hợp với quy định khoản 1 Điều 75 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP vì đây không phải là lần viện dẫn đầu tiên tên văn bản này. | Tiếp thu | 1. Đối với công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và *công trình nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa* đã được ký Hợp đồng dịch vụ công trước ngày Nghị đinh này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ đến khi hoàn thành Hợp đồng. |
| 2. Đối với dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án hoặc chấp thuận hồ sơ đề xuất thực hiện dự án hoặc đã ký kết hợp đồng dự án theo quy định trước ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát lại hồ sơ đề xuất dự án đảm bảo đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 30 của Nghị định này, quyết định việc phê duyệt dự án và triển khai các bước tiếp theo từ ký kết hợp đồng (đối với dự án chưa ký kết hợp đồng hoặc hợp đồng dự án đã hết hạn), sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án (đối với dự án đã ký kết hợp đồng và hợp đồng dự án còn thời hạn) đến quyết toán dự án theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp dự án không được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấm dứt dự án theo nguyên tắc nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về tài chính, không được nhà nước bồi hoàn tất cả các chi phí liên quan đến dự án.  Đối với dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có ý kiến đáp ứng điều kiện tiếp tục triển khai dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức rà soát lại chi phí thực hiện dự án, giá trị sản phẩm thu hồi, phương án thanh toán phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm thu hồi đảm bảo đầy đủ nội dung quy định tại khoản 7 Điều 30 của Nghị định này, phê duyệt dự án và triển khai các bước tiếp theo từ ký kết hợp đồng (đối với dự án chưa ký kết hợp đồng hoặc hợp đồng dự án đã hết hạn), sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án (đối với dự án đã ký kết hợp đồng và hợp đồng dự án còn thời hạn) đến quyết toán dự án theo quy định tại Nghị định này.  Thời hạn thực hiện rà soát đối với dự án chậm nhất là 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Sau thời hạn trên chưa hoàn thành rà soát thì chấm dứt dự án theo nguyên tắc nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về tài chính, không được nhà nước bồi hoàn tất cả các chi phí liên quan đến dự án. |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *2. Đối với dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải quản lý đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án hoặc chấp thuận hồ sơ đề xuất thực hiện dự án hoặc đã ký kết hợp đồng dự án theo quy định trước ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định này nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền có ý kiến đáp ứng điều kiện tiếp tục triển khai dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ thì không phải thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư, các bước triển khai thực hiện như sau:*  *a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án tiếp tục tổ chức thực hiện dự án. Trường hợp dự án nằm trên phạm vi từ 02 (hai) tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh liên quan đến phạm vi dự án và quyết định 01 (một) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục tổ chức thực hiện dự án.*  *b) Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thực hiện: bàn giao nguyên trạng hồ sơ dự án đang quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản này và thông báo cho nhà đầu tư; thực hiện thanh lý hợp đồng dự án đã ký kết còn thời hạn để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án tiếp tục tổ chức thực hiện dự án, đối với hợp đồng dự án đã ký kết nhưng hết thời hạn thì hợp đồng dự án hết hiệu lực và không phải thực hiện thanh lý hợp đồng.*  *c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản này yêu cầu nhà đầu tư rà soát, hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án theo các nội dung quy định tại Điều 31 của Nghị định này và tổ chức thẩm định hồ sơ đề xuất dự án; phê duyệt dự án nếu kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất dự án khả thi; ký kết hợp đồng dự án đảm bảo các quy định tại Điều 36, Điều 38 của Nghị định này; sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này.*  *d) Triển khai thực hiện dự án, bàn giao dự án, kiểm toán, quyết toán dự án theo quy định tại các Điều 39, 40, 41, 42, 45 Nghị định này.*  *đ) Trường hợp kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất dự án không khả thi, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấm dứt dự án theo nguyên tắc nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về tài chính, không được nhà nước bồi hoàn tất cả các chi phí liên quan đến dự án* |
| 3. Đối với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép nhận chìm ở biển, Quyết định giao khu vực biển đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được sử dụng trong trường hợp đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị định này. | **Bộ TNMT:**Từ đề nghị chỉnh sửa Điều 7 nêu trên, theo đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh sửa khoản 3 cho phù hợp. | *Tiếp thu và chỉnh sửa cho phù hợp* | *3. Đối với dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải quản lý đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có ý kiến đáp ứng điều kiện tiếp tục triển khai dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ thì không phải thực hiện việc lựa chọn nhà đầu tư, các bước triển khai thực hiện như sau:*  *a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án tiếp tục tổ chức thực hiện dự án. Trường hợp dự án nằm trên phạm vi từ 02 (hai) tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh liên quan đến phạm vi dự án và quyết định 01 (một) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục tổ chức thực hiện dự án.*  *b) Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thực hiện: bàn giao nguyên trạng hồ sơ dự án đang quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản này và thông báo cho nhà đầu tư; thực hiện thanh lý hợp đồng dự án đã ký kết còn thời hạn để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án tiếp tục tổ chức thực hiện dự án, đối với hợp đồng dự án đã ký kết nhưng hết thời hạn thì hợp đồng dự án hết hiệu lực và không phải thực hiện thanh lý hợp đồng.*  *c) Sau khi hoàn thành bàn giao, tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức rà soát chi phí thực hiện dự án, giá trị sản phẩm thu hồi, phương án thanh toán phần chênh lệch giữa chi phí thực hiện dự án và giá trị sản phẩm thu hồi theo quy định tại khoản 7 Điều 31 của Nghị định này (các nội dung khác giữ nguyên như văn bản đáp ứng điều kiện tiếp tục triển khai dự án của cơ quan có thẩm quyền); phê duyệt điều chỉnh dự án; ký kết hợp đồng dự án đảm bảo các quy định tại Điều 36, Điều 38 của Nghị định này; sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án theo quy định tại Điều 37 của Nghị định này.*  *d) Triển khai thực hiện dự án, bàn giao dự án, kiểm toán, quyết toán dự án theo quy định tại các Điều 39, 40, 41,42, 45 Nghị định này.* |
| 4. Trong thời gian chưa có hướng dẫn kỹ thuật đánh giá, phân tích thành phần, hàm lượng, khối lượng khoáng sản đối với các dự án, công trình nạo vét, duy tu trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa và chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn chất nạo vét tận dụng vào mục đích san lấp, xây dựng và mục đích khác thì chưa phải áp dụng các quy định về khoáng sản đối với chất nạo vét, duy tu trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa. | **TPHCM:** Về nội dung liên quan việc *"chưa phải áp dụng các quy định về khoáng sản đối với chât nạo vét, duy tu trong vùng nước cảng biển và vùng nước ĐTNĐ"* tại khoản 4 Điều 51: Theo Luật Khoáng sản, Nghị định Số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản và Nghị định số 67/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, các dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch có thu hồi khoáng sản thì phải nộp hồ sơ đăng ký khối lượng khoáng sản thu hồi trong quá trình thực hiện dự án và nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.  Do đó nội dung tại khoản 4 là chưa phù hợp các quy định của Luật KS. Đề nghị cơ quan soạn thảo phối hợp, trao đổi, lấy ý kiến Bộ TN&MT về nội dung này trước khi ban hành Nghị định. | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *4. Đối với dự án nạo vét vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa kết hợp thu hồi sản phẩm thuộc danh mục đã được cơ quan có thẩm quyền công bố theo quy định của Nghị định số 159/2018/NĐ-CP thì triển khai các bước tiếp theo như sau:*  *a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án tiếp tục tổ chức thực hiện dự án. Trường hợp dự án nằm trên phạm vi từ 02 (hai) tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên, Bộ Giao thông vận tải lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân các tỉnh liên quan đến phạm vi dự án và quyết định 01 (một) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tiếp tục tổ chức thực hiện dự án. Trình tự thực hiện dự án theo quy định tại Chương IV của Nghị định này, không phải thực hiện các công việc đã hoàn thành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.*  *b) Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện: bàn giao nguyên trạng hồ sơ dự án đang quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại điểm a khoản này. Đối với các Hợp đồng tư vấn đã ký, Cục Hàng hải Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đơn vị tư vấn ký thực hiện ký Phụ lục Hợp đồng 03 (ba) bên, trong đó, Cục Hàng hải Việt Nam chuyển giao toàn bộ việc thực hiện Hợp đồng cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Hàng hải Việt Nam thanh toán toàn bộ chi phí quy định tại Hợp đồng, đơn vị tư vấn có trách nhiệm hoàn thành toàn bộ công việc quy định tại Hợp đồng.* |
|  |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *5. Thời hạn thực hiện rà soát và thẩm định đối với dự án quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này tối đa là 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Sau thời hạn trên nếu hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư không đáp ứng các nội dung quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này hoặc kết quả thẩm định hồ sơ đề xuất dự án không khả thi thì chấm dứt dự án theo nguyên tắc nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về tài chính, không được nhà nước bồi hoàn tất cả các chi phí liên quan đến dự án.* |
|  |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *6. Đối với Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép nhận chìm ở biển, Quyết định giao khu vực biển đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được sử dụng trong trường hợp đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.* |
|  |  | *Chỉnh sửa cho phù hợp* | *7. Trong thời gian chưa có hướng dẫn kỹ thuật đánh giá, phân tích thành phần, hàm lượng, khối lượng khoáng sản đối với các dự án, công trình nạo vét, duy tu trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa và chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn chất nạo vét tận dụng vào mục đích san lấp, xây dựng và mục đích khác thì chưa phải áp dụng các quy định về khoáng sản đối với chất nạo vét, duy tu trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.* |
| **Điều 52. Tổ chức thực hiện** |  |  | **Điều 54. Tổ chức thực hiện** |
| Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. |  |  | Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. |

***Ghi chú:***

**\* Hưng Yên:**

- Đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa lại số thứ tự của các phụ lục từ (01, 02...) thành (I, II...) cho phù hợp với Mẫu Phụ lục số 44 ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

- Tại Phụ lục 02: Đề nghị Cơ quan soạn thảo sửa lại thể thức cho phù hợp với Mẫu số 1.2 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

**\* Bộ TNMT:**

- Đề nghị quy định rõ trách nhiệm của chủ dự án, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc vận chuyển chất nạo vét, đổ chất nạo vét, tiếp nhận chất nạo vét, quản lý và sử dụng chất nạo vét để có cơ sở xác định trách nhiệm về quản lý chất thải của từng tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai dự án và trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường.

- Đề nghị rà soát, bổ sung các quy định đối với hoạt động nạo vét, khơi thông luồng, tuyến giao thông đường thủy nội địa tại dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với yêu cầu về bảo vệ lòng, bờ, bãi sông được quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và yêu cầu đối với các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

**\* UBQLVNN tại doanh nghiệp:** Đề nghị đưa vào dự thảo mở rộng đối tượng áp dụng cho công tác nạo vét duy tu (không kết hợp thu hồi sản phẩm) trong vùng nước cảng biển sử dụng nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp. Đồng thời có hướng dẫn cụ thể cấp công trình, thẩm quyền thẩm định thiết kế và dự toán cho công tác này để doanh nghiệp có cơ sở áp dụng, rút ngắn thủ tục đầu tư, đáp ứng nhanh nhu cầu khai thác cảng của doanh nghiệp.

\* **Tiền Giang:** Đề nghị bổ sung vào Điều 50 một khoản quy định sửa đổi điểm b Khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ như sau: *“Tổ chức đấu giá quyền khai thác cát, sỏi lòng sông để cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn địa phương theo quy định của pháp luật về khoáng sản.”*; bỏ nội dung*:“Chủ trì tổ chức đấu giá đối với khối lượng sản phẩm là cát, sỏi lòng sông thu hồi được từ các dự án duy tu, nạo vét luồng thuộc vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa;”*. Lý do: trình tự thủ tục thực hiện dự án nạo vét đã quy định đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án (do đó việc tổ chức đấu giá khối lượng sản phẩm thu hồi từ dự án đã có nhà đầu tư thực hiện dự án là không phù hợp).

Ngoài ra, đề nghị nghiên cứu bổ sung điều khoản quy định về cơ quan chuyên môn chủ trì giúp UBND cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng QLNN của UBND cấp tỉnh.

**\* Vụ Pháp chế:** Đối với lĩnh vực đường thủy nội địa, trong dự thảo chưa đề cập đến vai trò, nhiệm vụ của chi cục đường thủy nội địa và cảng vụ đường thủy nội địa, vì vậy đề nghị Quý Vụ xem xét, nghiên cứu các đơn vị trên có tham gia vào các nội dung công việc trong dự thảo không.

**\* Bộ NN-PTNT:**

- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bổ sung đầy đủ trình tự, thời gian thực hiện và mẫu hóa thành phần hồ sơ đối với một số thủ tục hành chính; ví dụ: tại khoản 3 Điều 8, khoản 2 Điều 16 … Đồng thời rà soát quy định ngày làm việc trong trường hợp số lượng dưới 7 ngày để đảm bảo thống nhất theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp tại Thông tư số 03/2022/TT-BTP.  
- Về biểu mẫu Công văn và Quyết định tại Phụ lục số 01, 02 của dự thảo Nghị định: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu chỉnh sửa lại thể thức, kỹ thuật trình bày theo hướng dẫn tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/03/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

**\* Vụ KHĐT:** Đề nghị bổ sung nội dung quy định nạo vét luồng hàng hải, ĐTNĐ chuyên dung, khu nước trước bến có tận thu sản phẩm.

**\* Bộ Tư pháp:**

- Một số quy định tại Nghị định 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (sau đây gọi là Nghị định 159) đã được lược bỏ tại dự thảo Nghị định, tuy nhiên chưa được thuyết minh tại dự thảo Hồ sơ, ví dụ như khoản 4 Điều 4, Điều 6 Nghị định 159. Do đó, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ rà soát, làm rõ các nội dung dự kiến lược bỏ tại dự thảo Nghị định so với Nghị định số 159.

- Bộ Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị định có nhiều quy định được thực hiện trên cơ sở quy định của pháp luật về xây dựng, tuy nhiên căn cứ áp dụng pháp luật xây dựng chưa được thuyết minh hợp lý tại dự thảo Hồ sơ. Ví dụ như nhận định “*Bản chất của hoạt động nạo vét luồng là công trình xây dựng*” tại Mục 2.3 (trang 8) dự thảo Tờ trình chưa hợp lý do theo khoản 10 Điều 3 Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), “*công trình xây dựng là một sản phẩm…”*, còn theo khoản 4 dự thảo Nghị định, “*nạo vét là hoạt động thi công trong vùng nước cảng biển…*”. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ làm rõ căn cứ xác định hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về xây dựng. Trường hợp xác định áp dụng pháp luật về xây dựng, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ rà soát đảm bảo các quy định tại dự thảo Nghị định tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng. Ví dụ như Điều 13 (*Trình tự thực hiện*) dự thảo Nghị định chưa đảm bảo phù hợp với trình tự đầu tư xây dựng được quy định tại Chương III Luật Xây dựng năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

***-*** Về dự thảo Tờ trình, Bộ Tư pháp nhận thấy nội dung của dự thảo Tờ trình còn dài trải, chưa rõ ràng, thuyết phục, có một số nội dung chưa chính xác. Ví dụ như tại Mục I, sự cần thiết ban hành Nghị định chưa được trình bày thuyết phục trên các cơ sở chính trị, pháp luật và thực tiễn; Mục II.2 về quan điểm xây dựng nhưng nội dung lại nêu các nguyên tắc xây dựng. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ tiếp tục nghiên cứu chỉnh lý nội dung của dự thảo Tờ trình.

***-*** Về Báo cáo đánh giá tác động, Bộ Tư pháp đề nghị Quý Bộ cân nhắc một số nội dung sau:

+ Thực hiện đánh giá tác động của chính sách tại dự thảo Nghị định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) (sau đây gọi là Nghị định 34), trong đó lưu ý việc phân tích chính sách phải bao gồm các nội dung: xác định vấn đề bất cập, mục tiêu để giải quyết vấn đề, các giải pháp đề xuất, đánh giá tác động của giải pháp đề xuất và kiến nghị lựa chọn giải pháp.

+ Chỉnh lý tên gọi của Báo cáo đánh giá tác động thành “*Báo cáo đánh giá tác động của chính sách*” để đảm bảo phù hợp với quy định tại Mục 2 Chương V Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định 34.

1. ***Tuyên Quang:*** *Về căn cứ pháp lý: Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung các văn bản sửa đổi, bổ sung đối với các căn cứ pháp lý đã nêu, cụ thể:*

   *+ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

   *+ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

   *+ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014 được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 2 Điều 23 Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015; Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Khoản 2 Điều 35 Luật Phòng, chống tác hại của rượu, bia ngày 14 tháng 6 năm 2019.*

   ***Hưng Yên:*** *Bổ sung các căn cứ sau cho đầy đủ: “Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;” b) Đề nghị tách căn cứ thứ 3 (tính từ trên xuống) thành: “Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 06 năm 2004; Căn cứ Luậ tsửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17tháng 06 năm 2014;” Cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.*

   ***Quảng Ngãi:*** *Phần căn cứ đề nghị bổ sung và sửa thành “Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.*

   ***Bộ TNMT:*** *Căn cứ pháp lý: đề nghị xem xét bổ sung Luật Bảo vệ môi trường, Luật Biển Việt Nam và Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo trong trường hợp Dự thảo Nghị định có nội dung dẫn chiếu đến các quy định tại 03 Luật nêu trên.*

   ***Bộ Công Thương:*** *Đề nghị Bộ GTVT rà soát các quy định của Luật XD, Luật Bảo vệ môi trường, đảm bảo khả thi khi áp dụng thực tiễn.*

   ***Bộ KHĐT:*** *Dự thảo Nghị định quy định một số nội dung liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đấu thầu và Luật Xây dựng. Tuy nhiên, tại phần căn cứ pháp lý tại dự thảo Nghị định chưa đề cập đến các quy định trên. Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các căn cứ pháp lý nêu trên.*

   ***UBND Hà Nội:*** *Tại dự thảo Nghị định mới chỉ căn cứ các Luật cơ bản như: Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Hàng hải Việt Nam, Luật giao thông đường thủy nội địa… Tuy nhiên, việc lập, thẩm định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án được quy định tại nhiều Luật như: Luật đê điều; Luật phòng chống thiên tai; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên thai và Luật đê điều, Luật Xây dựng… Đề nghị Bộ GTVT nghiên cứu, rà soát để bổ sung cho phù hợp.* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Tại Điều 27 Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo quy định phân vùng khu vực biển sử dụng để nhận chìm thuộc Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ.*

   *Tại điểm c, khoản 1, Điều 49 Nghị định 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định “Khu vực biển đề nghị được sử dụng để nhận chìm phù hợp với quy hoạch sử dụng biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch sử dụng biển, quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thì khu vực biển đề nghị được nhận chìm được xem xét trên cơ sở báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường”.*

   *Theo các quy định nêu trên, đối với trường hợp nhận chìm vật, chất nạo vét ở biển, khu vực biển sử dụng để nhận chìm căn cứ vào Quy hoạch sử dụng biển, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ. Trong trường hợp chưa có các Quy hoạch nêu trên, khu vực biển đề nghị nhận chìm vật, chất nạo vét ở biển được xem xét trên cơ sở báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. UBND cấp tỉnh có biển không thể công bố khu vực biển sử dụng để nhận chìm vật, chất nạo vét nếu không có cơ sở căn cứ là Quy hoạch hoặc Quy hoạch không có nội dung phân vùng sử dụng để nhận chìm theo quy định của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và chưa có đánh giá cụ thể tại từng khu vực biển theo từng thời gian khác nhau (mỗi khu vực biển theo thời gian sẽ thay đổi khác về địa hình, hiện trạng sinh vật đáy, dòng chảy,…) Đồng thời, theo quy định tại Khoản 2, Điều 60 Luật Tài nguyên môi trường biển và hải đảo “UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển cấp Giấy phép nhận chìm ở biển trong vùng biển thuộc phạm vi quản lý của mình,…” và Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có biển quyết định giao khu vực biển nằm trong phạm vi vùng biển 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo…”, do đó, UBND cấp tỉnh có biển không có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ môi trường, cấp giấy phép nhận chìm ở biển, giao khu vực biển đối với vùng biển ngoài 06 hải lý tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm trở ra. Vì vậy, UBND cấp tỉnh không thể công bố khu vực, địa điểm nhận chìm chất nạo vét ở biển ngoài phạm vi vùng biển 06 hải lý theo quy định.* [↑](#footnote-ref-2)
3. *Về việc phân công tổ chức thực hiện đối với công tác nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa quốc gia*

   *Theo báo cáo, Bộ Giao thông vận tải đề xuất 04 phương án kèm theo ưu, nhược điểm của từng phương án và chọn phương án 3. Qua rà soát nội dung phương án 3 được quy định tại Điều 11 dự thảo Nghị định, Bộ Tài chính nhận thấy:*

   *- Theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải (trong đó có nhiệm vụ nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng) thực hiện theo phương thức đặt hàng và khuyến khích áp dụng hình thức đấu thầu.*

   *Theo dự thảo Nghị định: “Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án cho Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, Ban quản lý dự án chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải trên cơ sở đề xuất của Cục Hàng hải Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng), Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia) hoặc chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc hoặc lựa chọn nhà thầu tư vấn theo quy định để thực hiện quản lý dự án.”*

   *Nội dung quy định này chưa đồng bộ với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP. Đồng thời, việc thực hiện nạo vét luồng hàng hải công cộng phải tuân thủ theo pháp luật về xây dựng, pháp luật về đấu thầu. Do vậy, đề nghị Bộ Giao thông vận tải rà soát, xây dựng việc tổ chức quản lý dự án đảm bảo đồng bộ với quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, pháp luật về xây dựng và pháp luật về đấu thầu và thực tiễn triển khai.* [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Luật số 62/2020/QH14), đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, việc tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng được người quyết định đầu tư giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực.

   Vì thế, đề nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét lại việc quy định giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án cho “Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải” tại khoản 3 Điều 11 dự thảo, bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật về xây dựng. [↑](#footnote-ref-4)
5. Theo quy định của pháp luật về đấu thầu (Điều 73, 74 Luật Đấu thầu năm 2013), người có thẩm quyền chịu trách nhiệm phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu; đồng thời không có quy định về đại diện chủ đầu tư. Theo đó, đề nghị Bộ Giao thông vận tải làm rõ vai trò của người có thẩm quyền (người quyết định đầu tư), chủ đầu tư, đại diện của chủ đầu tư để tránh mâu thuẫn với quy định của pháp luật về đấu thầu. [↑](#footnote-ref-5)
6. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải nghiên cứu, rà soát việc giao nhiệm vụ thực hiện quản lý dự án đối việc nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ sự nghiệp công bảo đảm an toàn hàng hải, Ban Quản lý dự án chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải phù hợp với pháp luật về đặt hàng, giao nhiệm vụ. Trường hợp pháp luật liên quan không có quy định thì đề nghị tổ chức lựa chọn nhà thầu để lựa chọn đơn vị thực hiện quản lý dự án. [↑](#footnote-ref-6)
7. *Tại hồ sơ xây dựng Nghị định, Bộ Giao thông vận tải không nêu rõ các vướng mắc, nội dung cụ thể cần hướng dẫn liên quan đến việc “thanh toán, quyết toán; sử dụng chi phí do nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện dự án hoàn trả; lãi vay huy động vốn thực hiện dự án và lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư; sử dụng khoản tiền phạt theo hợp đồng đối với dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm”.*

   *Tại Chương IV dự thảo Nghị định quy định về việc nạo vết kết hợp thu hồi sản phẩm; Theo đó, công tác nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm phải được lập thành dự án. Đồng thời, tại Điều 26 dự thảo Nghị định quy định hầu hết các chi phí như chi phí lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; chi phí lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, chi phí giám sát dự án, chất lượng công trình, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, chi phí thuê tư vấn hỗ trợ thực hiện dự án…đều từ nguồn vốn của doanh nghiệp.*

   *Do vậy, việc triển khai thực hiện dự án được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và pháp luật về dân sự; không thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải bỏ các quy định về trách nhiệm của Bộ Tài chính liên quan đến công tác nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm tại khoản 4 Điều 26, khoản 3 Điều 35, khoản 4 Điều 40, khoản 3 Điều 44 và khoản 3 Điều 46 dự thảo Nghị định.* [↑](#footnote-ref-7)
8. *Tại Khoản 2 Điều 23 (Dự án nạo vét khu nước trước bến cảng, luồng chuyên dùng có kết hợp thu hồi sản phẩm) quy định: “Trong quá trình lập dự án, chủ đầu tư phải thực hiện khảo sát, lấy mẫu phân tích thành phần tính chất cơ lý của chất nạo vét. Đối với chất nạo vét có thể tận thu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về tài nguyên, khoáng sản; đối với chất nạo vét không tận thu thực hiện theo quy định của Điều 9 Nghị định này”. Nội dung này đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung, quy định cụ thể hơn đối với 02 vấn đề:*

   *+ Đề nghị làm rõ thêm đối với Dự án nạo vét khu nước trước bến cảng, luồng chuyên dùng có kết hợp thu hồi sản phẩm của doanh nghiệp thì đây là dự án do doanh nghiệp quản lý, không thuộc các dự án do Bộ Giao thông vận tải hay UBND cấp tỉnh quản lý nên có phải thực hiện theo trình tự tại Điều 24 hay không.*

   *+ Cần bổ sung làm rõ thêm nội dung ở khoản này để quá trình thực hiện không vướng mắc, cụ thể: Theo Luật Khoáng sản và các quy định liên quan đến việc khai thác khoáng sản, tại Điểm b Khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông quy định về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh “Chủ trì tổ chức đấu giá đối với khối lượng sản phẩm là cát, sỏi lòng sông thu hồi được từ các dự án duy tu, nạo vét luồng thuộc vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa”. Như vậy, theo quy định này chất nạo vét có thể tận thu sẽ phải tiến hành đấu giá. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 24 của dự thảo Nghị định sửa đổi thì dự án sẽ thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (không phải là đấu giá khối lượng sản phẩm tận thu), nếu nhà đầu tư trúng đấu thầu thực hiện dự án mà không tiếp tục thực hiện việc đấu giá đối với chất nạo vét tận thu thì sẽ không phù hợp với quy định hiện hành, nếu tiếp tục tổ chức đấu giá thì sẽ phá vỡ quy trình thực hiện dự án. Vì vậy, đề nghị bổ sung nội dung tại mục này như sau: “Đối với khối lượng chất nạo vét có thể tận thu không phải thực hiện đấu giá mà thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định này”.*

   *Mặt khác, theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản năm 2010, việc khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản trong các trường hợp khai thác trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó. Trước khi tiến hành khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân phải đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác tại UBND cấp tỉnh.*

   *Hồ sơ đăng ký thực hiện theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản, trong đó: (1) Khoản 1 Điều 53 quy định đối với các trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản năm 2010 (sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình của dự án); (2) Khoản 2 Điều 53 quy định đối với trường hợp đăng ký khối lượng cát thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch nhưng không quy định rõ áp dụng đối với trường hợp không thuộc quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 64 Luật Khoáng sản năm 2010 đã được điều chỉnh tại Khoản 1 Điều 53 (sản phẩm khai thác không sử dụng cho xây dựng công trình của dự án). Do vậy, với đặc điểm dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch có sản phẩm khai thác không sử dụng cho xây dựng công trình của dự án thì quy định trên là chưa cụ thể để thực hiện.*

   *Để thống nhất quy định của Luật Khoáng sản năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị quy định cụ thể đối với “Dự án nạo vét khu nước trước bến cảng, luồng chuyên dùng có kết hợp thu hồi sản phẩm là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường” thì không phải cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.* [↑](#footnote-ref-8)
9. Khoản 1 Điều 25 của dự thảo Nghị định được xây dựng theo hướng: Đối với dự án do Bộ Giao thông vận tải quản lý, Bộ Giao thông vận tải là cơ quan có thẩm quyền phân cấp toàn bộ cho Ủy ban nhân dân cấp các tỉnh nơi có dự án thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn như lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng dự án; triển khai thực hiện hợp đồng dự án và bàn giao dự án. Trong khi đó, thiếu các quy định về vai trò, trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải trong việc quản lý các dự án do Bộ Giao thông vận tải quản lý. Đề nghị nghiên cứu, xây dựng dự thảo Nghị định theo hướng, Bộ Giao thông vận tải là cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm chính trong công tác quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện đối với các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải quản lý; chỉ thực hiện phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong một số trường hợp đặc thù, nếu thấy cần thiết. [↑](#footnote-ref-9)
10. Khoản 1 Điều 25 dự thảo Nghị định quy đinh việc Bộ Giao thông vận tải phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn đối với dự án do Bộ Giao thông vận tải quản lý. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 26 của dự thảo Nghị định lại quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương sau khi được phân cấp để triển khai thực hiện. Quy định này là chưa phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương và khoản 4 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước. Đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa cho phù hợp [↑](#footnote-ref-10)
11. ***Hải Dương:*** *Đối với việc lập, thẩm định, phê duyết dự án: Tại Điều 23. Nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm: Công tác nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm phải được lập thành dự án; Tại Điều 29. Lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; Tại Điều 31.Tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án theo quy định pháp luật hiện hành.*

    *- Trên cơ sở đó, Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ: Cơ sở pháp lý để lập, phê duyệt “Dự án nạo vét” chịu sự điều chỉnh hành lang pháp lý của các quy định pháp luật nào có liên quan: Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công, Luật PPP, Luật đầu tư để sau khi Nghị định được Thủ tướng ban hành các địa phương không bị lung túng trong quá trình triển khai thực hiện.*

    *- Tại khoản 2 Điều 26, Khoản 1 Điều 29 dự thảo có quy định về chi phí chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án sử dụng từ nguồn vốn của doanh nghiệp. Việc sử dụng nguồn vốn do doanh nghiệp đề xuất lập dự án là cần thiết, tuy nhiên, việc sử dụng từ nguồn vốn của doanh nghiệp đề xuất lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án là chưa có cơ sở. Việc sử dụng nguồn vốn này cần gắn với các điều kiện: Khu vực nạo vét thuộc danh mục dự kiến thực hiện theo hình thức nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm. Bên cạnh đó, khi mời gọi Nhà đầu tư quan tâm; Nhà đầu tư bày tỏ quan tâm, tự nguyện bỏ chi phí và không có bồi hoàn khi khảo sát, lập dự án. Trường hợp chất nạo vét không tận thu được, hoặc trữ lượng khoáng sản tận thu là không lớn ảnh hưởng mục tiêu của dự án dẫn đến hiệu quả đầu tư không khả thi.* [↑](#footnote-ref-11)
12. *Theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động trong vùng nước cảng biển và đường thủy nội địa (văn bản quy phạm pháp luật hiện hành), việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa được thực hiện theo hình thức “đấu thầu rộng rãi” theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Tại Điều 33 của dự thảo Nghị định, hình thức lựa chọn nhà đầu tư được điều chỉnh thành “đấu thầu rộng rãi trong nước”. Đề nghị Bộ Giao thông vận tải giải trình, làm rõ cơ sở thực tiễn về việc điều chỉnh này.* [↑](#footnote-ref-12)
13. *- Cơ quan có thẩm quyền tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước theo quy định của pháp luật về đấu thầu: Đề nghị lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hình thức lựa chọn Nhà đầu tư đối với loại hình: “nạo vét kết hợp thu hồi”; Cơ sở để xác định khối lượng, giá trị phần thu hồi. Việc bỏ giá của Nhà đầu tư đối với phần thu hồi.*

    *- Xem xét phương án đơn giản là đấu giá khu vực khai thác. Như vậy, Nhà đầu tư thực hiện khai thác, kết hợp khai thông luồng lạch có sự giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về phạm vi, kỹ thuật, khối lượng.*

    *- Bổ sung làm rõ các nội dung*: Lãi vay huy động vốn thực hiện dự án và lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư; việc sử dụng khoản tiền phạt theo hợp đồng đối với dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm trong Nghị định. [↑](#footnote-ref-13)
14. Đề nghị nghiên cứu bổ sung vào Điều 45 nội dung quy định về trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải trong việc bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và điều kiện cần thiết khác để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Bộ phân cấp đối với các dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa quốc gia; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình phân cấp để đảm bảo phù hợp với quy định tại Khoản 6 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương. [↑](#footnote-ref-14)
15. Việc cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện công tác nạo vét duy tu các tuyến luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa phụ thuộc vào nguồn lực ngân sách thực tế và cân đối giữa các nhiệm vụ chung phục vụ phát triển kinh tế xã hội. Do vậy, dự thảo Nghị định quy định “cân đối, bố trí đủ nguồn vốn ngân sách nhà nước” là không phù hợp với thực tiễn. Đồng thời tại Điều 10 dự thảo Nghị định đã quy định hoạt động nạo vét này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước nên việc quy định lại nội dung này tại khoản 1 Điều 46 dự thảo Nghị định là không cần thiết. Vì vậy, đề nghị Bộ Giao thông vận tải bỏ nội dung tại khoản 1 Điều 46 dự thảo Nghị định. [↑](#footnote-ref-15)
16. Việc thanh toán, quyết toán công tác nạo vét, duy tu luồng hàng hải công cộng và luồng đường thủy nội địa sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán, Nghị định số 32/2019/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan. Bộ Tài chính nhận thấy không cần thiết phải ban hành văn bản hướng dẫn riêng đơn vị. Do vậy, đề nghị Bộ Giao thông vận tải bỏ nội dung tại khoản 2 Điều 46 dự thảo Nghị định. [↑](#footnote-ref-16)